



BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF PHFM VNSHINE

Tháng 3 / 2026

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là việc đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

BẢN CÁO BẠCH QUỸ ETF PHFM VNSHINE

- Tên Quỹ : **Quỹ ETF PHFM VNSHINE**
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng : Số ~~101/GCN-VCK~~ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ~~07~~ tháng **5** năm 2026
- Loại hình quỹ : Quỹ hoán đổi danh mục (Quỹ ETF)
- Ngày đăng ký Bản cáo bạch với UBCKNN : ~~20~~ / ~~3~~ /2026
- Thời hạn hiệu lực của Bản cáo bạch kể từ ngày : ~~07~~ / **5** /2026

Thông cáo nội dung sau:

“Quỹ ETF PHFM VNSHINE được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày tháng năm 2026.”

Người phụ trách công bố thông tin:

- Ông LU HUI HUNG
 - Chức danh: Tổng giám đốc
 - Địa chỉ: Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng
- Trụ sở chính: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 5413 7991

Website: www.phfm.vn

Nơi cung cấp các tài liệu quỹ:

Bản cáo bạch cùng với các tài liệu của Quỹ (Bao gồm: Điều lệ quỹ, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính và các tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang thông tin điện tử www.phfm.vn, tại trụ sở Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng, các Thành viên lập quỹ và Đại lý phân phối.

THÔNG TIN QUAN TRỌNG

Trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ ETF PHFM VNSHINE, Nhà đầu tư vui lòng đọc và nghiên cứu kỹ các thông tin về Quỹ như sau:

1. Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc người đại diện của Công ty quản lý quỹ. Không một tổ chức/cá nhân nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm. Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch và thông tin tài chính đi kèm. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.
2. Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ tổ chức/cá nhân nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ tổ chức/cá nhân nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối Chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua Chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi mình cư trú, thường trú hoặc tạm trú.
3. Nhà đầu tư (kể cả Nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ Chứng chỉ quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.
4. Nhà đầu tư nên hiểu và đồng ý rằng giá trị Chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các Chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.
5. Nhà đầu tư cần lưu ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng và kết quả đầu tư của Quỹ, hoặc các quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý trong quá khứ (nếu có) không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty quản lý quỹ và Quỹ cũng sẽ như vậy.
6. Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ ETF PHFM VNSHINE, do Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng và các Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ chỉ định cung cấp trước khi đầu tư vào Quỹ. Đặc biệt, giá trị Chứng chỉ quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
7. Việc đầu tư vào Quỹ ETF PHFM VNSHINE không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư, Nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào Chứng chỉ quỹ được nêu tại Bản cáo bạch này.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	1
1. Công ty quản lý quỹ.....	1
2. Ngân hàng giám sát	1
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA	1
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	6
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	6
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	9
2.1. Tổng quan thị trường tài chính Việt Nam.....	9
2.2. Triển vọng thị trường tài chính Việt Nam	11
3. Giới thiệu về chỉ số VNINDEX	14
4. Lợi ích của việc đầu tư vào Quỹ ETF PHFM VNINDEX	14
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	15
1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ.....	15
2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ	17
2.1. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 5 năm gần đây	17
2.2. Quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ quản lý.....	18
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	18
VI. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	18
VII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	19
1. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyên nhượng	19
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ	19
VIII. CÔNG TY KIỂM TOÁN	19
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	20
1. Thông tin chung về Quỹ	20
1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ	20
1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.....	20
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ	20
1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ	20
1.5. Ban đại diện quỹ	20
1.6. Người điều hành Quỹ.....	21
2. Tóm tắt Điều lệ quỹ	22
2.1. Các điều khoản chung.....	22
2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư	22
2.3. Đặc trưng của Chứng chỉ quỹ	25
2.4. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ.....	28
2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch chứng chỉ quỹ	30
2.6. Thông tin về các mức Giá dịch vụ mà Quỹ phải trả	31
2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế	31
2.8. Đại hội nhà đầu tư.....	31

2.9. Ban đại diện quỹ	33
2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ	35
2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát	36
2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	37
3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	38
3.1. Rủi ro thị trường	38
3.2. Rủi ro lãi suất	38
3.3. Rủi ro lạm phát	38
3.4. Rủi ro thanh khoản	38
3.5. Rủi ro pháp lý	38
3.6. Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác	38
3.7. Rủi ro mức sai lệch của Giá trị tài sản ròng so với Chỉ số tham chiếu	39
3.8. Rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (giao dịch thứ cấp)	39
3.9. Rủi ro đầu tư thụ động	39
3.10. Rủi ro về xung đột lợi ích	39
3.11. Rủi ro chào bán không thành công (đối với đợt chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng)	39
X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF	39
1. Căn cứ pháp lý	39
2. Phương án phát hành lần đầu (IPO)	40
3. Đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ	43
3.1. Giai đoạn đăng ký góp vốn	43
3.2. Giai đoạn thực hiện góp vốn thành lập Quỹ	45
3.3. Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ, chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn	50
3.4. Niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF	50
4. Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF (Giao dịch sơ cấp)	50
4.1. Nguyên tắc thực hiện	50
4.2. Quy trình thực hiện Giao dịch hoán đổi	54
4.3. Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ	57
4.4. Các trường hợp Giao dịch hoán đổi không hợp lệ	58
4.5. Các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định	58
4.6. Sửa, hủy Lệnh giao dịch hoán đổi	59
4.7. Tạm dừng giao dịch	59
4.8. Chuyển nhượng phi thương mại	60
4.9. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của Giao dịch hoán đổi (sơ cấp)	60
4.10. Đại lý phân phối và địa điểm nhận lệnh	61
5. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết	61
5.1. Niêm yết Chứng chỉ quỹ	61
5.2. Giao dịch Chứng chỉ quỹ	61
5.3. Hủy niêm yết Chứng chỉ quỹ	61

6. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng	62
6.1. Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng	62
6.2. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV)	63
6.3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng	63
6.4. Công bố Giá trị tài sản ròng	63
7. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào Quỹ	63
XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	64
1. Báo cáo tài chính	64
2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ trong năm	64
3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động của Quỹ	64
3.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ	64
3.2. Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký	64
3.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ	64
3.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	65
3.5. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu	65
3.6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	66
3.7. Các loại chi phí và lệ phí khác	66
4. Các chỉ tiêu hoạt động	66
4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	66
4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ	67
4.3. Mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu	68
5. Phương thức tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ	68
6. Chính sách thuế	69
7. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	69
8. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ	69
XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	69
XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	69
XIV. ĐỊA CHỈ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	70
XV. CAM KẾT	71
XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	71
PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH THÀNH VIÊN LẬP QUỸ VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI	72
PHỤ LỤC 2. HƯỚNG DẪN NHÀ ĐẦU TƯ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF	75
PHỤ LỤC 3. CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	77
PHỤ LỤC 4. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN	94
PHỤ LỤC 5: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ	100

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/12/2007

Ông Albert Kwang-Chin Ting Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Lu, Hui-Hung Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai Chức vụ: Kế toán trưởng

Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà Công ty được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỶ KHỞI NGHĨA

Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và tầng trệt, tầng 10, tầng 11, Tòa nhà TASCOS số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được thay đổi tại từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Minh Châu

Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng giám sát đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do các tổ chức liên quan cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ hoán đổi danh mục”/“Quỹ ETF”/“Quỹ”	là Quỹ ETF PHFM VNSHINE, một quỹ hoán đổi danh mục, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Công ty quản lý quỹ”	nghĩa là Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (gọi tắt là PHFM) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007 (được điều chỉnh tại từng thời điểm), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102594384 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2007 (được thay đổi tại từng thời điểm) với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý

	quỹ PHFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ ETF PHFM VNSHINE, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 36 Điều lệ quỹ.
“Bản cáo bạch”	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin một cách chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán, phát hành, niêm yết và giao dịch chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Chỉ số tham chiếu VNSHINE”/“Chỉ số tham chiếu”	là Chỉ số cổ phiếu tăng cường lợi ích cổ đông Việt Nam “Vietnam Shareholder Interest Enhanced Index” (gọi tắt là “VNSHINE”) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.
“Chứng chỉ quỹ”/“Chứng chỉ quỹ ETF”	là một loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
“Lô chứng chỉ quỹ ETF”/“Lô ETF”	là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Một lô chứng chỉ Quỹ ETF PHFM VNSHINE bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.
“Chứng khoán cơ cấu”	là chứng khoán cơ sở có trong cơ cấu chỉ số tham chiếu của quỹ ETF.
“Danh mục chứng khoán cơ cấu”	là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được công ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ.
“Ngày định giá”	là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”/“NAV”	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.
“Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF”	bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ.
“Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ”	bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
“Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ ETF”/“iNAV”	là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
“Giá trị giao dịch”	Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chứng bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá trị giao dịch trong giao dịch hoán đổi bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao

	dịch hoán đổi nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi.
“Giao dịch hoán đổi”	là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại. Giao dịch hoán đổi được thực hiện giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
“Lệnh giao dịch hoán đổi”	bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ và/hoặc nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ quỹ ETF và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ và/hoặc nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Ngày giao dịch hoán đổi”	là ngày mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt Quỹ ETF PHFM VNSHINE, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ quỹ ETF từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện vào ngày giao dịch hoán đổi tương ứng. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định cụ thể tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Giá phát hành lần đầu”	là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá giao dịch hoán đổi”	là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại trong giao dịch hoán đổi. Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là Giá phát hành) là mức giá mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một lô chứng chỉ quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ. Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là Giá mua lại) là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại một lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành”	là mức giá dịch vụ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt

	chào bán lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ.
“Giá dịch vụ mua lại”	là mức giá dịch vụ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ.
“Ngân hàng giám sát”	nghĩa là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được thay đổi tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 40 Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan.
“Công ty kiểm toán”	là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ETF PHFM VNSHINE, nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công ty kiểm toán do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.
“Thành viên lập quỹ”	là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với công ty quản lý quỹ.
“Nhà đầu tư”	là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ.
“Đại hội nhà đầu tư”	là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.
“Ban đại diện quỹ”	là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ quỹ.
“VSDC”	là Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
“UBCKNN”	là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

“HOSE”	là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Người có liên quan”	theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.
“Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”	là ngân hàng giám sát, VSDC được công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
“Dịch vụ quản trị quỹ”	là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> • Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phân ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; • Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; • Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ; • Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng đã ký với công ty quản lý quỹ.
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> • Lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; • Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; • Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; • Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
“Điều lệ quỹ”	là Điều lệ của Quỹ, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Hợp đồng giám sát”	là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
“Sổ đăng ký nhà đầu tư”	là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về nhà đầu tư và tình trạng sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư.

“Lợi tức quỹ”	là số lợi nhuận còn lại của Quỹ ETF PHFM VNSHINE sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Ngày làm việc”	là ngày không phải là thứ bảy, chủ nhật, các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Các định nghĩa khác	các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

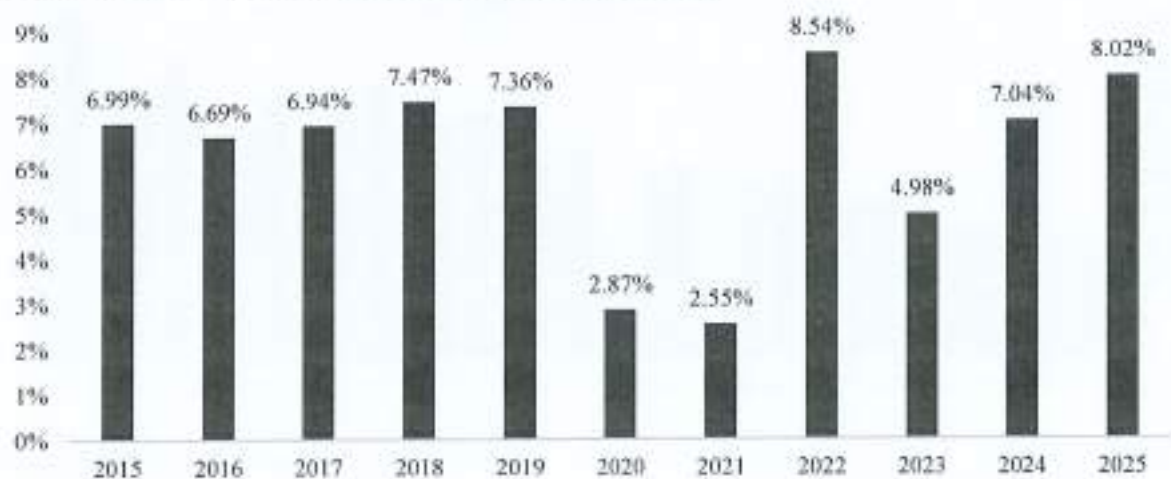
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam đã đạt được hiệu suất mạnh mẽ vào năm 2025, với GDP tăng 8,02% YoY so với năm trước – chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025, không bao gồm sự phục hồi sau COVID vào năm 2022. Sự tăng trưởng được bao phủ trên diện rộng ở ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (+3,78% YoY), công nghiệp và xây dựng (+8,95% YoY) và dịch vụ (+8,62% YoY). Ngành sản xuất tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng và đã tăng trưởng 10,5% YoY. Đáng chú ý, sản lượng xe cơ giới tăng 26% - làm nổi bật những dấu hiệu đáng khích lệ trong phát triển công nghiệp trong nước. Nhu cầu trong nước tăng mạnh và được hỗ trợ bởi chi tiêu cho lễ hội và sự phục hồi của ngành du lịch. Việt Nam đón 135,5 triệu lượt khách nội địa và 21,2 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2025, tăng hơn 20% YoY. Doanh số bán lẻ tăng 9,2% YoY, với bán lẻ hàng hóa tăng 8,0% YoY và dịch vụ vượt trội hơn khi lưu trú và F&B tăng 14,6% YoY, dịch vụ du lịch tăng 20,2% YoY. Mặc dù tăng trưởng bán lẻ vẫn thấp hơn mức trước đại dịch (10% - 11%/năm) tuy nhiên xu hướng phục hồi đang tăng tốc.

Biểu đồ 1.1: Tăng trưởng GDP theo từng năm

GDP 2025 tăng trưởng cao kỷ lục kể từ 2011 (trừ năm 2022)

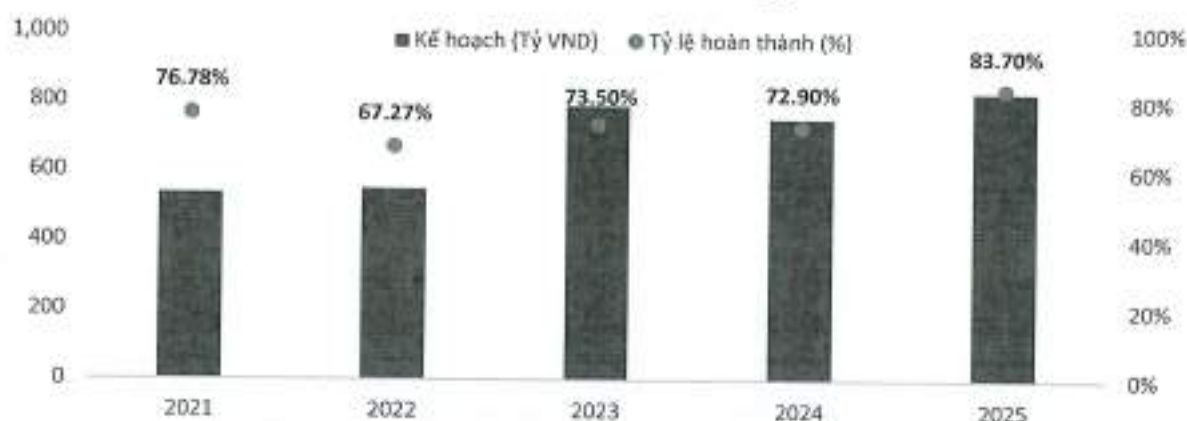


Nguồn: Tổng cục Thống kê

Đầu tư công đã nổi lên như một trọng tâm chính trong năm 2025, với giải ngân đạt 755,1 nghìn tỷ đồng trong năm 2025 và hoàn thành 83,7% mục tiêu năm. Các dự án cơ sở hạ tầng lớn, bao

gồm sân bay Long Thành và đường cao tốc Bắc Nam, đã đẩy nhanh tiến độ xây dựng và vẫn đi đúng hướng.

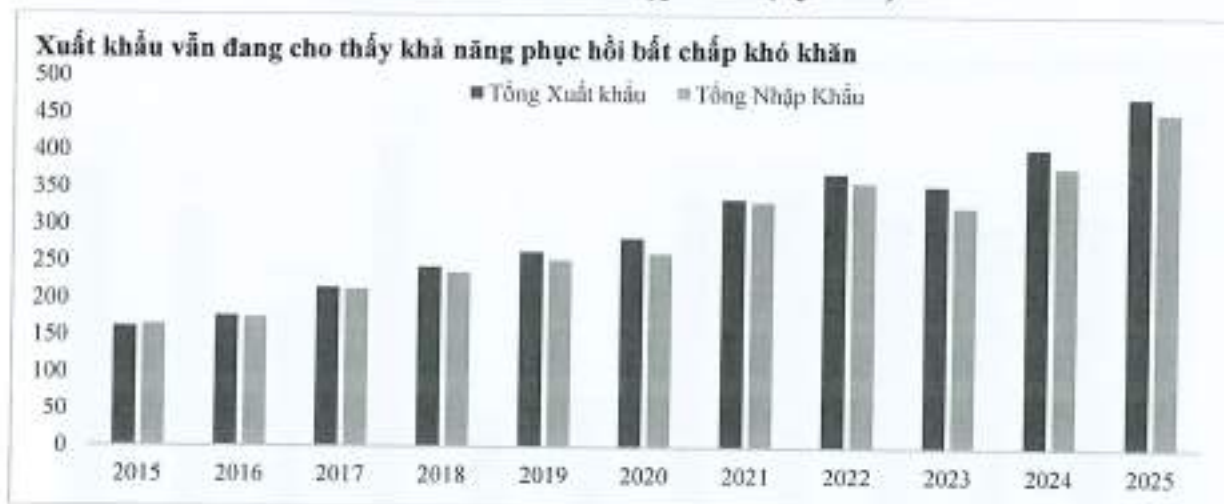
Biểu đồ 1.2: Đầu tư công



Nguồn: Tổng cục Thống kê

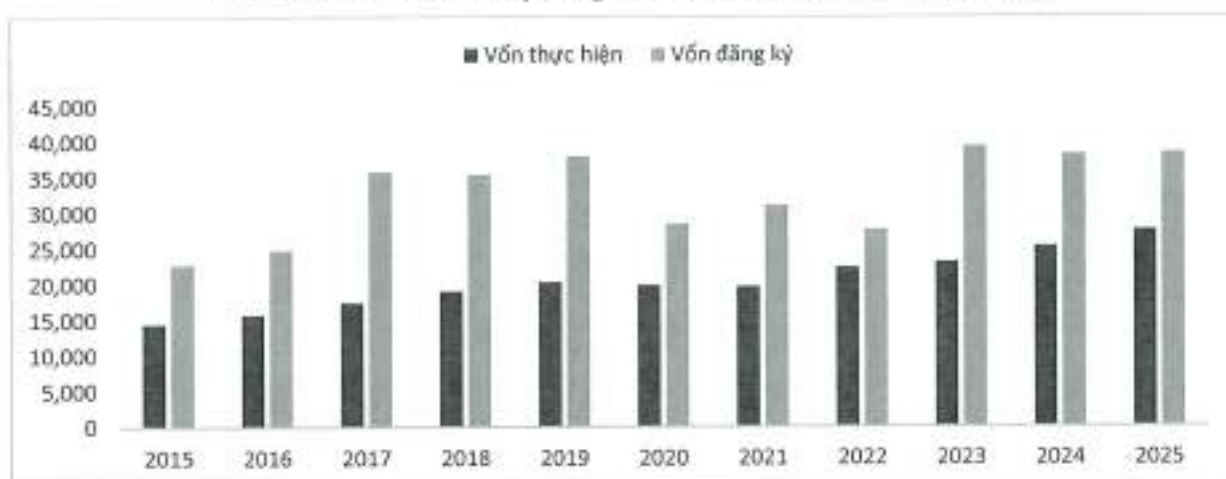
Năm 2025, ngành xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với những khó khăn, trở ngại từ các chính sách thương mại bảo hộ của Hoa Kỳ, với các mức thuế trả đũa cao và khó lường được sử dụng như đòn bẩy để chuyển hoạt động sản xuất trở lại Hoa Kỳ. Mặc dù vậy, xuất khẩu tăng 17,0% YoY lên 475,04 tỷ USD trong 2025, trong khi nhập khẩu tăng 19,4% YoY lên 445,01 tỷ USD, dẫn đến thặng dư thương mại 20,03 tỷ USD. Một sự khác biệt rõ rệt xuất hiện giữa các nhà xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài và trong nước. Các doanh nghiệp FDI đạt 367,09 tỷ USD xuất khẩu (+26,1% so với năm 2024), trong khi các doanh nghiệp trong nước tụt hậu ở mức 107,95 tỷ USD (-6,1% so với năm 2024), phản ánh khả năng cạnh tranh hạn chế của họ. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi điện tử và điện thoại thông minh - lĩnh vực do các công ty FDI chi phối - trong khi các công ty địa phương, tập trung vào hàng hóa có giá trị gia tăng thấp và chế biến cơ bản, gặp khó khăn trong bối cảnh áp lực thương mại toàn cầu gia tăng. Dòng vốn FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2025 ước đạt 27,62 tỷ USD, tăng 9,0% so với năm trước, cao nhất trong 5 năm qua; nhưng số lượng đăng ký mới chỉ tăng nhẹ 0,5% so với cùng kỳ, báo hiệu sự thận trọng của các nhà đầu tư nước ngoài trong bối cảnh triển vọng thương mại toàn cầu không chắc chắn.

Biểu đồ 1.3: Xuất nhập khẩu (Tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

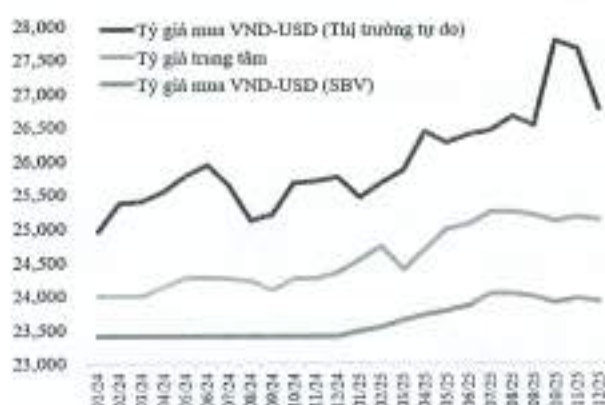
Biểu đồ 1.4: Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài (FDI) (Triệu USD)



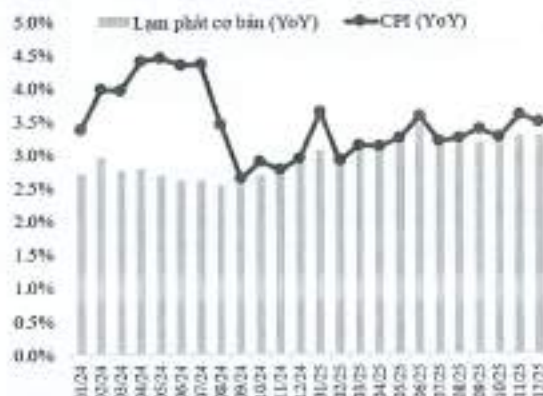
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát của Việt Nam vẫn được kiểm soát trong năm 2025, với CPI tăng 3,31% YoY và lạm phát cơ bản tăng 3,21% YoY. VND phải đối mặt với áp lực mất giá đáng kể, với tỷ giá USD/VND trung tâm đạt 25.095 – chủ yếu do chênh lệch lãi suất giữa USD và VND. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã can thiệp và dự đoán việc Fed cắt giảm lãi suất vào cuối năm nay có thể giúp giảm bớt căng thẳng ngoại hối.

Hình 1.5: Tỷ giá hối đoái



Biểu đồ 1.6: Lạm phát



Nguồn: Tổng cục Thống kê, NHNN

Việt Nam đang đặt mục tiêu mở rộng kinh tế đầy tham vọng vào năm 2026, với việc Thủ tướng Chính phủ vạch ra mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên và GDP bình quân đầu người đạt 5.400–5.500 USD. CPI trung bình được dự báo sẽ tăng khoảng 4,5%. Đáng chú ý hơn, dự thảo Báo cáo chính trị cho Đại hội Đảng lần thứ 14 sắp tới đặt ra mục tiêu đột phá: Duy trì tăng trưởng GDP bình quân ít nhất 10%/năm trong 5 năm tới.

Các yếu tố chính có thể ảnh hưởng đến các mục tiêu kinh tế xã hội năm 2026 của Việt Nam bao gồm:

- (i) Khả năng phục hồi sản xuất và xuất khẩu: Các lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam dự kiến sẽ duy trì hoặc vượt mức tăng trưởng hiện tại vào năm 2026, khi căng thẳng thương mại toàn cầu giảm bớt và chu kỳ thắt chặt tiền tệ giảm dần. Các doanh nghiệp trong nước đã sẵn sàng tận dụng các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) mới được ký kết để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, trong khi Việt Nam vẫn là điểm đến hàng đầu của FDI trong lĩnh vực điện tử và lắp ráp điện thoại thông minh, nhờ chi phí lao động cạnh tranh và lực lượng lao động lành nghề.
- (ii) Phục hồi bất động sản và tài chính ổn định: Thị trường bất động sản Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục phục hồi vào năm 2026, được hỗ trợ bởi dự kiến thông qua Luật Đất đai sửa

đổi trong kỳ họp Quốc hội sắp tới. Lãi suất có thể tăng nhẹ do áp lực ngoại hối, nhưng có khả năng vẫn đủ thấp để duy trì đà tăng trưởng kinh tế. Các ngân hàng trung ương toàn cầu cũng dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất vào năm tới, điều này sẽ giúp giảm bớt sự biến động của tiền tệ.

- (iii) Đầu tư tư nhân và chi tiêu tiêu dùng phục hồi: Đầu tư tư nhân sẽ phục hồi vào năm 2026, được hỗ trợ bởi việc mở rộng lãi suất sản xuất và cho vay vẫn ở mức thấp so với tiêu chuẩn lịch sử. Doanh số bán lẻ cũng dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ, được củng cố bởi một làn sóng chính sách mới – bao gồm cắt giảm thuế thu nhập cá nhân, giảm trừ gia đình cao hơn, tăng lương cơ bản và miễn trừ cho chăm sóc sức khỏe và giáo dục công cộng – sẽ thúc đẩy thu nhập khả dụng của hộ gia đình.
- (iv) Đầu tư công là mỏ neo tăng trưởng và cải cách thể chế: Đầu tư công sẽ tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng, với động lực tích cực có thể xảy ra khi cơ cấu chính phủ hai cấp mới được hợp nhất hoạt động hiệu quả và các mô hình đối tác công tư (PPP) đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án. Những nỗ lực này, cùng với các biện pháp chống tham nhũng đảm bảo tài trợ ưu tiên cho các dự án quốc gia, sẽ đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân. Cải cách thể chế sẽ vẫn là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ và Quốc hội Việt Nam vào năm 2026, nhằm thúc đẩy một môi trường thân thiện hơn với doanh nghiệp, giảm quan liêu quan liêu và cải thiện việc cung cấp dịch vụ công. Cùng với việc đại tu pháp lý, chính phủ đang tái cấu trúc bộ máy hành chính của mình – sáp nhập các bộ để hợp lý hóa các quy trình và tăng cường quản trị.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

2.1. Tổng quan thị trường tài chính Việt Nam

Hình 2.1: Diễn biến VN-index năm 2025



Nguồn: Fiiipro, PHFM

Tính đến cuối tháng 12/2025, chỉ số VN-Index đã tăng 40,9%, nhờ hỗ trợ cải cách khu vực tư nhân và FTSE Russell nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi thứ cấp.

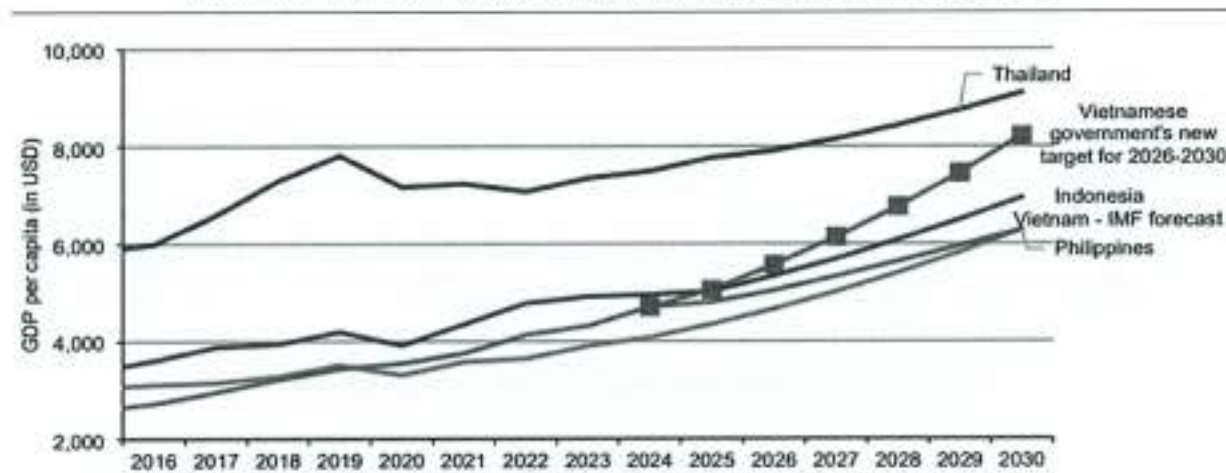
Vào ngày 02/4/2025, Hoa Kỳ đã áp thuế đối ứng 46% đối với Việt Nam - cao thứ hai sau Trung Quốc - gây ra một đợt bán tháo trên diện rộng trên thị trường. Chỉ số VN-Index giảm 6,7% vào ngày 03/4 và tiếp tục giảm 17% trong khoảng thời gian từ ngày 03 đến 09/4, đạt 1.094,3 điểm, mức thấp nhất trong 16 tháng kể từ tháng 12/2023.

Tuy nhiên, tâm lý thị trường nhanh chóng được cải thiện sau khi Mỹ tuyên bố đình chỉ thuế quan đối ứng trong 90 ngày đối với hầu hết các đối tác thương mại. Chỉ số VN-Index tăng 6,8%

vào ngày 10/4 và kéo dài đã phục hồi trong các phiên tiếp theo, tăng tổng mức 13,4% từ ngày 10 đến 14/4. Tuy nhiên, sự thận trọng của nhà đầu tư đã quay trở lại trong nửa cuối tháng, với chỉ số kết thúc tháng 4 ở mức 1.226,3, đánh dấu mức giảm 6,2% so với tháng trước. Thị trường Việt Nam chưa từng trải qua mức độ biến động này kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, với những biến động thậm chí còn vượt quá những biến động đã thấy trong giai đoạn COVID-19.

Trong bối cảnh kinh tế này, Nghị quyết 68 – cùng với Nghị quyết 198 của Quốc hội và Nghị quyết 139 của Chính phủ thúc đẩy việc thực hiện – xác định phát triển khu vực tư nhân là động lực chính để Việt Nam theo đuổi tăng trưởng kinh tế hai con số. Cải cách đặt ra các mục tiêu rõ ràng là tăng đóng góp của khu vực tư nhân vào GDP lên 58% vào năm 2030 và 60% vào năm 2045, ngụ ý giảm vai trò của các doanh nghiệp nhà nước.

Hình 2.2: Mục tiêu tăng trưởng Chính phủ giai đoạn 2026-2030



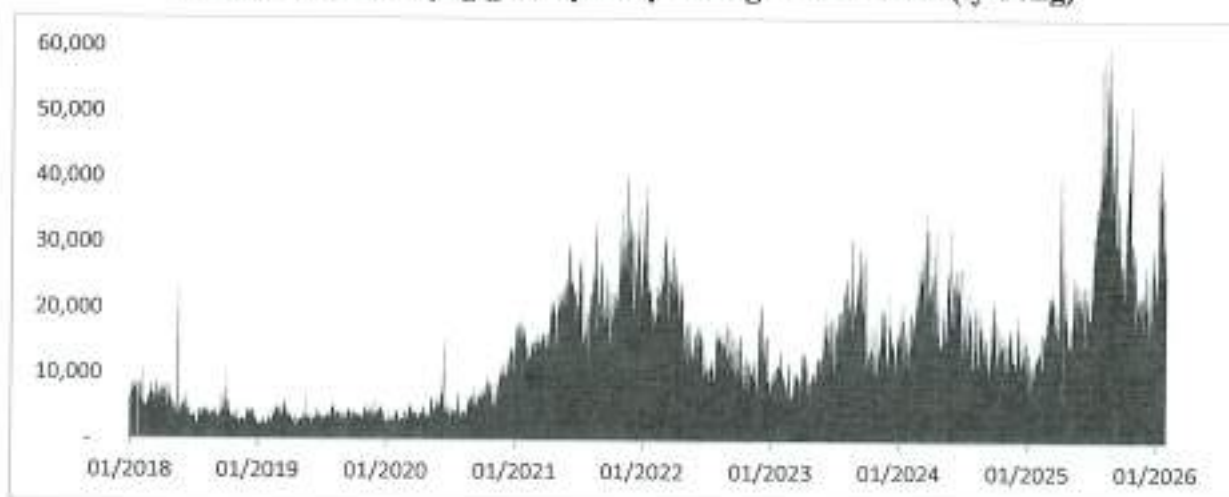
Nguồn: HSC

Việt Nam cũng đã tiến hành tái cơ cấu hành chính đáng kể, hợp nhất 63 tỉnh, thành phố thành một hệ thống hợp lý gồm 34 (28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc trung ương). Mô hình quản trị địa phương mới chỉ bao gồm hai cấu trúc cấp - tỉnh và xã - loại bỏ cấp huyện một cách hiệu quả. Tổng số xã, phường, thị trấn dự kiến giảm xuống còn khoảng 3.300, giảm 67% so với hơn 10.000 trước đây.

Tháng 10/2025, Việt Nam đã đạt được sự nâng hạng được mong đợi từ lâu lên vị thế Thị trường mới nổi thứ cấp của FTSE Russell. Việc phân loại lại chính thức được lên kế hoạch vào tháng 9 năm 2026, đang chờ xem xét vào tháng 3 năm 2026. Cột mốc này đã trở thành một chủ đề nổi bật trong các cuộc thảo luận thị trường và được nhiều người coi là một bản nâng cấp đã được xác nhận.

Thanh khoản thị trường trong năm 2025 đạt 26,5 nghìn tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ năm ngoái, vượt kỷ lục trước đó được thiết lập vào năm 2021. Thanh khoản tăng vọt lên 39,6 nghìn tỷ đồng khi VN-Index bứt phá đỉnh năm 2022 và tiếp tục đạt mức cao kỷ lục mới trong quý III/2025. Tuy nhiên, thị trường đã mất đà và bước vào giai đoạn tích lũy, với giá trị giao dịch trung bình tháng 10 ở mức 33,0 nghìn tỷ đồng - vẫn mạnh mẽ, nhưng dưới mức quý III/2025.

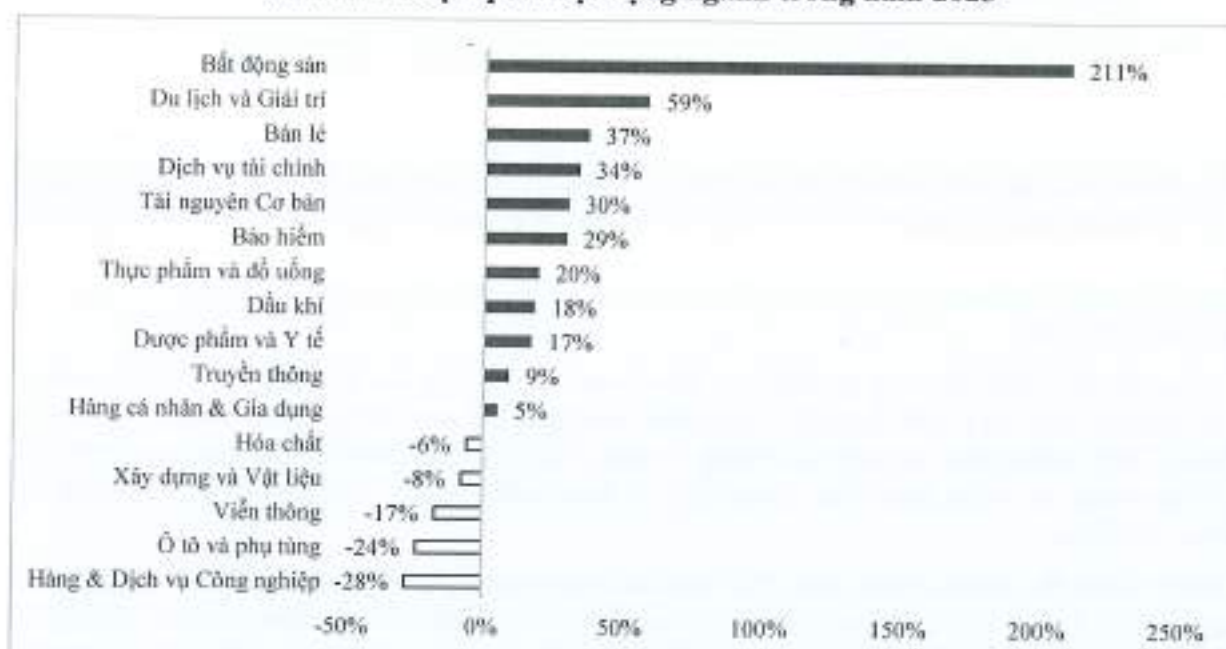
Hình 2.3: Khối lượng giao dịch thị trường từ năm 2018 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiiipro, PHFM

Hầu hết các lĩnh vực đều công bố mức tăng trong năm 2025, dẫn đầu bởi sự phục hồi mạnh mẽ của bất động sản. Lĩnh vực bất động sản tăng 211% - hiệu suất mạnh nhất trong tất cả các lĩnh vực - được thúc đẩy bởi sự gia tăng đặc biệt của VIC (+736%) và VHM (+210%). Trong khi đó, lĩnh vực Ngân hàng và Dịch vụ Tài chính ghi nhận mức tăng trưởng trên diện rộng trên hầu hết các cổ phiếu, được củng cố bởi sự phục hồi kinh tế đang diễn ra và lợi ích trực tiếp từ việc nâng cấp thị trường Việt Nam.

Hình 2.4: Hiệu quả hoạt động ngành trong năm 2025



Nguồn: Fiiipro, PHFM

2.2. Triển vọng thị trường tài chính Việt Nam

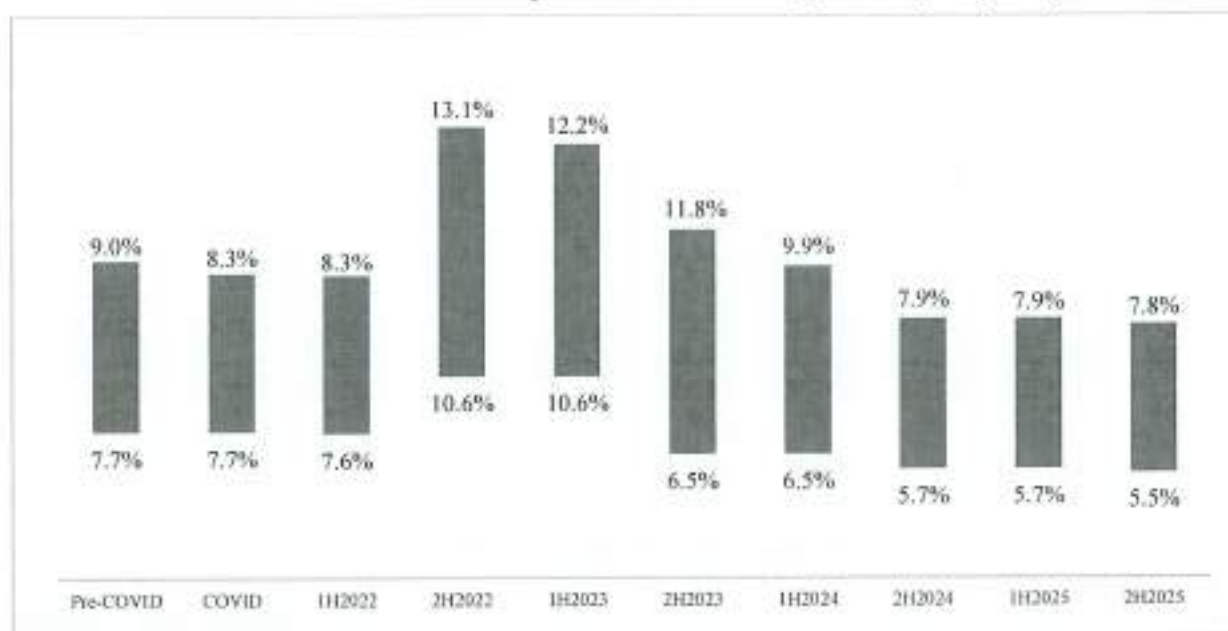
a) Thị trường bất động sản phục hồi

Bất động sản vẫn là một trụ cột quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, liên kết chặt chẽ với xây dựng, tài chính, vật liệu và chi tiêu hộ gia đình. Các chuyển động trên thị trường bất động sản thường tạo ra hiệu ứng rộng rãi trong các ngành. Theo quan điểm của chúng tôi, những phát triển gần đây có lợi cho sự phục hồi kinh tế rộng lớn hơn.

Về chính sách, các chương trình thế chấp của Việt Nam đã dần nới lỏng sau giai đoạn COVID. Lãi suất thế chấp tại các ngân hàng lớn giảm từ 7,7–9,0% trước COVID xuống còn 5,7–7,9% vào quý IV/2025, phản ánh lập trường tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngoài ra, việc nới lỏng các yêu cầu về dòng tiền trả trước cho phép người mua nhà giải ngân vốn chủ sở hữu thấp hơn — từ 8,6% đến 20% — trước khi bàn giao tài sản.

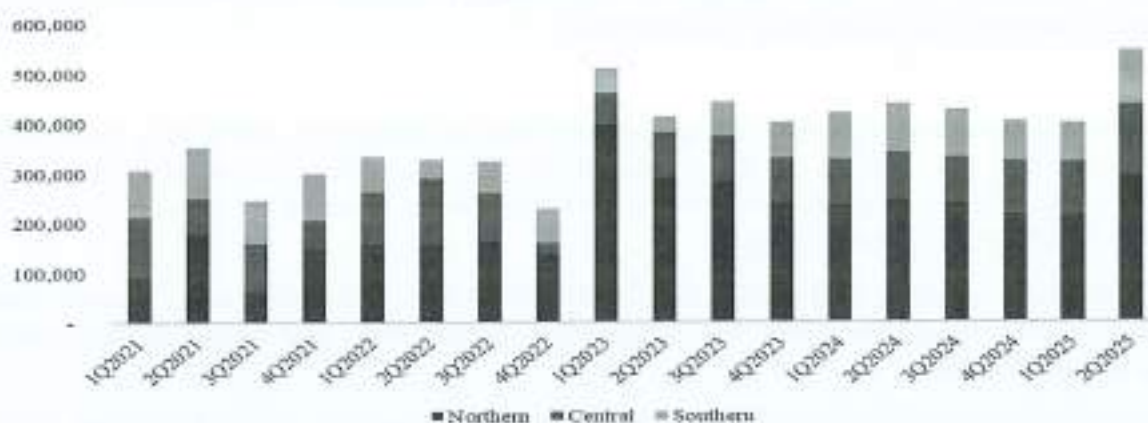
Hình 2.5: Lãi suất thế chấp năm đầu tiên từ ngân hàng được chọn



Nguồn: Tổng hợp, PHFM

Xây dựng bất động sản đang lấy lại đà, với hoạt động nhà ở tăng mạnh trong quý II/2025. Tổng cộng có 1.517 dự án tương đương 544.000 căn đang được xây dựng, tăng 36% so với quý trước. Miền Bắc dẫn đầu sự phục hồi, được thúc đẩy bởi các siêu dự án của Vingroup không gặp trở ngại pháp lý kể từ năm 2022.

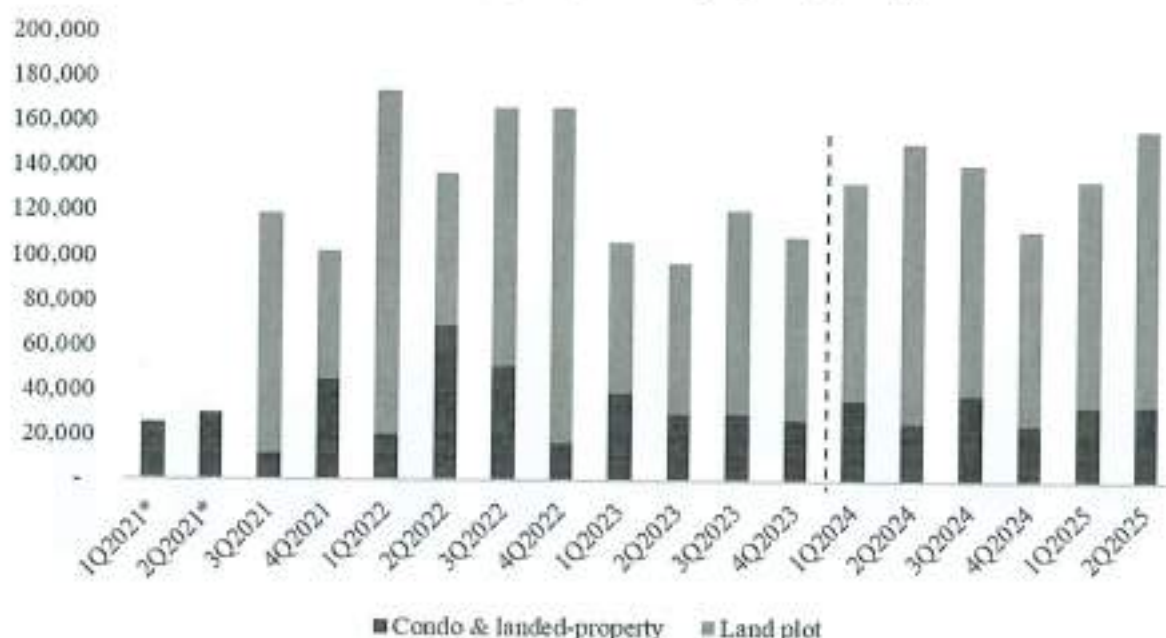
Biểu đồ 2.6: Bất động sản nhà ở đang xây dựng (đơn vị)



Nguồn: MoC, PHFM

Các giao dịch bất động sản chung cư và đất đai tăng vọt khi tắc nghẽn thị trường giảm bớt. Trong quý II/2025, tổng giao dịch đạt 34.461 căn, tăng 33,1% so với cùng kỳ năm ngoái và 2,6% theo quý, nhờ điều kiện nguồn cung được cải thiện. Trong khi đó, giao dịch đất nền đạt tổng cộng 122.560 căn, giảm nhẹ 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng tăng mạnh 21,3% so với quý trước, phản ánh đà phục hồi từ mức cơ sở cao của năm ngoái.

Biểu đồ 2.7: Số giao dịch bất động sản (đơn vị)



Nguồn: MoC, PHFM

Lĩnh vực bất động sản tiếp tục đóng vai trò then chốt trong bối cảnh kinh tế Việt Nam, đóng vai trò là động lực chính của tăng trưởng và lưu thông vốn trong các ngành. Sau một thời gian dài điều chỉnh và thách thức, điều kiện thị trường đã có dấu hiệu ổn định rõ ràng, được hỗ trợ bởi thanh khoản được cải thiện và niềm tin của nhà đầu tư mạnh mẽ hơn.

Trong tương lai, các chính sách và cải cách quy định mới được thực hiện dự kiến sẽ tạo động lực vững chắc cho chu kỳ tăng trưởng tiếp theo. Với các điều kiện tín dụng hỗ trợ, nới lỏng nút thắt pháp lý và các biện pháp chủ động của chính phủ, thị trường bất động sản đã sẵn sàng bước vào giai đoạn phục hồi và mở rộng bền vững mới.

b) Cải cách lập pháp lớn trên toàn quốc

Chiến lược quản trị của Việt Nam đã chuyển trọng tâm từ chống tham nhũng sang chống kém hiệu quả và lãng phí, tinh gọn hệ thống chính trị để nâng cao hiệu quả. Quá trình chuyển đổi này đánh dấu một giai đoạn ổn định hơn cho thị trường chứng khoán, giảm tần suất tin tức gây rối so với thời kỳ chống tham nhũng.

Trọng tâm chính là hiệu quả thực hiện, một thách thức lâu dài đối với Việt Nam. Cải cách nhằm loại bỏ các chức năng chồng chéo, loại bỏ các lớp quan liêu trung gian và làm rõ trách nhiệm trong cơ cấu tổ chức.

Nghị quyết 68 cùng với Nghị quyết 198 của Quốc hội và Nghị quyết 139 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 68 định vị phát triển khu vực tư nhân là động lực chính cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững hai con số của Việt Nam. Cải cách đặt ra các mục tiêu rõ ràng là nâng tỷ trọng GDP của khu vực tư nhân lên 58% vào năm 2030 và 60% vào năm 2045, bảo hiệu sự giảm dần vai trò của các doanh nghiệp nhà nước.

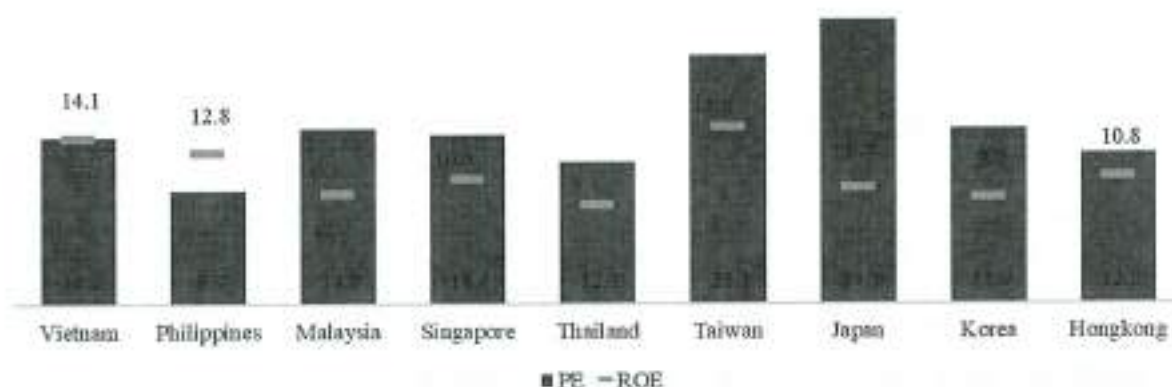
Năm 2025, Việt Nam tinh gọn bộ máy nhà nước, cắt giảm số bộ, cơ quan ngang bộ từ 22 xuống còn 17, loại bỏ hàng nghìn đơn vị trực thuộc. Các vụ sáp nhập quan trọng - chẳng hạn như Tài chính với Kế hoạch và Đầu tư, và Xây dựng với Giao thông vận tải - được kỳ vọng sẽ đơn giản hóa việc đăng ký kinh doanh và tăng tốc đầu tư công, củng cố động lực của chính phủ để đạt được hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao hơn.

Cùng với cải cách cơ cấu để trao quyền cho khu vực tư nhân, những thay đổi hành chính này đánh dấu một sự thay đổi quyết định theo hướng hiệu quả, phân cấp và khả năng cạnh tranh cao hơn, đặt nền móng cho giai đoạn tăng trưởng bền vững và chất lượng cao tiếp theo của Việt Nam.

c) Cơ hội đầu tư

Biểu đồ 2.8: Tỷ lệ PE và ROE của Việt Nam so với các nước trong khu vực

Tỷ lệ PE và ROE của Việt Nam so với các nước trong khu vực



Nguồn: Tổng hợp, PHFM

Định giá của Việt Nam có vẻ hợp lý so với các nước trong khu vực, giao dịch ở mức P/E là 14,2 lần với ROE là 14,1% - một trong những mức cao nhất trong ASEAN và tương đương với 15,0% của Đài Loan. Điều này cho thấy Việt Nam cung cấp một hồ sơ rủi ro - lợi nhuận thuận lợi: lợi nhuận vững chắc với mức định giá vừa phải. ROE tương đối cao phản ánh thu nhập và hiệu quả của doanh nghiệp được cải thiện, được hỗ trợ bởi sự phục hồi kinh tế và cải cách cơ cấu. Với những nguyên tắc cơ bản này, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có vị trí hấp dẫn để tăng trưởng trung hạn, đặc biệt là khi tâm lý nhà đầu tư nước ngoài tăng lên sau khi thị trường nâng hạng.

3. Giới thiệu về chỉ số VNSHINE

Chỉ số VNSHINE (chỉ số cổ phiếu tăng cường lợi ích cổ đông Việt Nam “Vietnam Shareholder Interest Enhanced Index”) là chỉ số chứng khoán do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) xây dựng và quản lý, bao gồm các cổ phiếu thành phần (tối thiểu là 15 và tối đa là 30 cổ phiếu) được lựa chọn từ danh sách các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllshare và đáp ứng các tiêu chí sàng lọc chỉ số. Các mã này buộc phải đáp ứng điều kiện về thanh khoản với giá trị giao dịch bình quân phiên trên 10 tỷ đồng. Điều kiện tiên quyết để lọt vào rổ VNSHINE là doanh nghiệp phải thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt liên tục trong 3 năm liền kề trước năm xem xét. Từ danh sách sơ bộ này, HOSE sẽ tính toán điểm lợi suất cổ đông để chọn ra các mã tốt nhất. Các biến số tham gia vào quá trình chấm điểm bao gồm tỷ suất cổ tức tiền mặt, mức độ thay đổi nợ ròng và độ pha loãng của cổ phiếu. Cách tính này giúp chỉ số phản ánh chính xác sức khỏe tài chính và cam kết chia sẻ lợi nhuận của doanh nghiệp với nhà đầu tư.

4. Lợi ích của việc đầu tư vào Quỹ ETF PHFM VNSHINE

Lợi ích cho nhà đầu tư khi đầu tư vào Quỹ ETF PHFM VNSHINE bao gồm:

- **Minh bạch:** Danh mục đầu tư và Giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ được công bố hàng ngày, cho phép nhà đầu tư hiểu rõ về việc nắm giữ của quỹ trước khi đưa ra quyết định đầu tư. Ngoài ra, Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) được cập nhật liên tục sau mỗi 15 giây. Cơ chế theo dõi chỉ số công khai của quỹ đảm bảo nhà đầu tư luôn nhận thức được cấu trúc và thành phần của tài sản mà họ sở hữu.
- **Quản lý chuyên nghiệp:** Quỹ được vận hành bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm. Các nhà đầu tư được hưởng lợi từ việc sàng lọc và lựa chọn cổ phiếu nghiêm ngặt dựa trên các tiêu chí nghiêm ngặt mà không cần phải tự nghiên cứu chuyên sâu.

- **Tính thanh khoản cao:** Với cơ chế giao dịch trực tiếp trên sàn chứng khoán, nhà đầu tư có thể mua hoặc bán chứng chỉ quỹ một cách nhanh chóng và dễ dàng trong suốt giờ giao dịch, đảm bảo tiếp cận vốn hiệu quả.
- **Chi phí thấp:** Quỹ ETF PHFM VNSHINE là một quỹ đầu tư thụ động. Bởi vì Quỹ theo dõi một chỉ số và không tích cực giao dịch, phí quản lý của nó cạnh tranh so với các quỹ đầu tư chủ động. Điều này giúp bảo toàn lợi nhuận và tăng hiệu suất đầu tư ròng dài hạn.
- **Đa dạng hóa danh mục đầu tư:** Quỹ ETF cho phép các nhà đầu tư tiếp cận thị trường chứng khoán trên nhiều lĩnh vực khác nhau thông qua đầu tư chỉ số.
- **Dòng thu nhập ổn định:** Mục tiêu cốt lõi của loại ETF này là tập trung vào các công ty có khả năng trả cổ tức thường xuyên. Điều này mang lại sự chắc chắn hơn về dòng thu nhập thay vì chỉ dựa vào tăng trưởng vốn, điều này rất phù hợp cho các nhà đầu tư tìm kiếm sự ổn định tài chính.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty quản lý quỹ

Tên công ty:	Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng
Tên tiếng Anh:	Phu Hung Fund Management Joint Stock Company
Tên viết tắt:	PHFM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	24/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/12/2007 (được điều chỉnh tại từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	số 0102594384 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2007 (được thay đổi tại từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính:	Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	028 5413 7991
Email:	phfm@phfm.vn
Website:	www.phfm.vn
Thời hạn hoạt động:	Không giới hạn
Vốn điều lệ:	88.452.000.000 đồng (Tám mươi tám tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu đồng)

- **Cổ đông của Công ty quản lý quỹ:**

Tại thời điểm thành lập năm 2007, Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (tiền thân là Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Chiến Thắng) có mức vốn điều lệ là 28 tỷ đồng, trong đó bao gồm 03 cổ đông sáng lập, danh sách cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Quốc tịch	Số vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam	Việt Nam	1,4	5

2	Thang Văn Lương	Việt Nam	9,8	35
3	Nguyễn Đình Đại	Việt Nam	1,12	4
	Tổng		12,32	44

Đến thời điểm hiện tại, Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng có 03 cổ đông, danh sách cụ thể như sau:

Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ

Công ty TNHH Phát triển Thế Vũ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311063309 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2023 (được thay đổi tại từng thời điểm); sở hữu 4.864.860 cổ phần, tương đương với số vốn góp 48.648.600.000 đồng, với tỷ lệ sở hữu là 55% vốn điều lệ.

Ông Albert Kwang – Chin Ting

Ông Albert Kwang – Chin Ting là cổ đông có quốc tịch Anh; sở hữu 1.990.170 cổ phần, tương đương với số vốn góp 19.901.700.000 đồng, với tỷ lệ sở hữu là 22,5% vốn điều lệ. Ông Albert Kwang – Chin Ting hiện đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng.

Ông Kwang, Hung – Ting

Ông Kwang, Hung – Ting là cổ đông có quốc tịch Đài Loan; sở hữu 1.990.170 cổ phần, tương đương với số vốn góp 19.901.700.000 đồng, với tỷ lệ sở hữu là 22,5% vốn điều lệ.

- **Hội đồng quản trị:**

Ông Albert Kwang-Chin Ting, Chủ tịch

Ông Albert Kwang-Chin Ting được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng vào năm 2012. Ông Albert Kwang – Chin Ting đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý thị trường tài chính, nắm giữ nhiều chức vụ quản lý cao cấp trên thị trường tài chính. Ông hiện cũng đang là Chủ tịch HDQT của các công ty CX Technology (Đài Loan), Freshfields Capital Corporation, Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Trước đây, ông từng giữ chức vụ Phó Giám đốc của Morgan Stanley (Mỹ). Ông có bằng Cử nhân của Đại học Havard (Mỹ) và bằng MBA của Massachusetts Institute of Technology (Mỹ).

Ông Ho Feng-Tao, Thành viên

Ông Ho Feng-Tao là thành viên HDQT của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng từ năm 2013. Ông cũng từng giữ vị trí Tổng giám đốc Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng từ năm 2013 đến năm 2020. Trước đó, Ông từng là Trợ lý đặc nhiệm cho Chủ tịch Công ty Cổ phần CX Technology (Đài Loan) từ năm 2008. Ngoài ra, Ông nguyên là Phó phòng đại diện Guam và là Giám đốc Chi nhánh Công ty Bảo hiểm Chung Kuo Đài Loan tại Saipan từ 2007 đến 2008. Từ năm 2000 đến 2007, Ông là Trưởng phòng đại diện Công ty Bảo hiểm Chung Kuo Đài Loan tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ông có bằng Cử nhân Kinh tế của Đại học Feng Chia (Đài Loan), Thạc sỹ Khoa học Thống kê Bảo hiểm của Đại học Boston (Mỹ) và MBA của Đại học Chicago (Mỹ).

Ông Wu Jin-Jeng, Thành viên

Ông Wu Jin-Jeng đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kiêm Giám đốc Tập đoàn Quốc tế Freshfields và Tập đoàn quốc tế Nipsea. Ông hiện là Giám đốc của CX Technology Corp tại Đài Loan. Ông có bằng Cử nhân quản lý của Đại học bang California (Mỹ).

Bà Huang Wan-Hui, Thành viên

Bà Huang Wan-Hui có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài chính và ngân hàng. Với kinh nghiệm làm việc lâu năm tại Ngân hàng Taishin International (Đài Loan), Bà đã trở

thành Giám đốc Tài chính của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng trong gần 10 năm qua. Bà cũng giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Phú Vinh từ năm 2015. Bà có bằng Cử nhân Thương mại quốc tế của Đại học Thương mại Quốc gia Đài Trung (Đài Loan).

- **Ban Giám đốc:**

Ông Lu Hui-Hung, Tổng Giám đốc

Ông Lu Hui-Hung có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản lý hoạt động kinh doanh. Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng từ tháng 6/2020; đến tháng 12/2025, Ông được bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng. Trước đây, Ông từng là Phó phòng của Ngân hàng First Commercial Bank (Đài Loan) từ năm 2001 đến năm 2010 và là Giám đốc khối Phân tích, tự doanh tư vấn và bảo lãnh phát hành của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng từ năm 2012 đến năm 2019. Ông có bằng Cử nhân Kinh tế của Đại học Quốc gia Đài Loan và MBA của Trường Quản lý Rotterdam (Hà Lan).

Bà Shiu JingShia, Phó Tổng Giám đốc

Bà Shiu JingShia là Chuyên gia phân tích đầu tư tài chính với chứng chỉ CFA Charterholder. Bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc (phụ trách vận hành) của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng từ tháng 9/2022. Bà từng đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Quản lý quỹ cho nhiều quỹ quốc tế có trụ sở tại Đài Loan. Bà Helena có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư với chuyên môn về phân bổ tài sản ở nước ngoài, đầu tư vào các công cụ vốn và các khoản thu nhập cố định. Bà có bằng Thạc sỹ Kế toán của Đại học Michigan (Mỹ).

Bà Hồ Thúy Ái, Phó Tổng Giám đốc

Bà Hồ Thúy Ái có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán và có hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực kinh tế, tài chính. Bà từng là chuyên viên phân tích chứng khoán và là Trưởng nhóm Dự án ETF của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Năm 2012, Bà gia nhập Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng và giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư trong nhiều năm, trước khi được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc (phụ trách quản lý đầu tư, tuân thủ và vận hành) vào tháng 4/2024. Bà có bằng Cử nhân của Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Thạc sỹ Tài chính của Trường ESCP Europe (Pháp) và Tiến sỹ Kinh tế của Đại học Lingnan (Hong Kong).

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý quỹ

2.1. Kết quả kinh doanh của Công ty trong 5 năm gần đây

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	6,91	6,69	6,12	5,08	4,50
Doanh thu từ hoạt động tài chính	2,05	1,45	1,66	1,40	2,04
Lợi nhuận trước thuế	1,02	-3,63	-7,92	-13,57	-13,00
Lợi nhuận sau thuế	0,82	-3,63	-7,92	-13,57	-13,00

Nguồn: Báo cáo tài chính PHFM qua các năm

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của Công ty quản lý quỹ trong tương lai.

2.2. Quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ quản lý

Tại thời điểm hiện tại, Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng đang quản lý 03 quỹ đầu tư chứng khoán, bao gồm 01 quỹ mở và 02 quỹ thành viên. Danh sách cụ thể như sau:

- **Quỹ đầu tư Triển Vượng Việt Nam**

Quỹ đầu tư Triển Vượng Việt Nam là quỹ thành viên, được thành lập và hoạt động theo Thông báo về việc xác nhận báo cáo thành lập quỹ thành viên số 60/TB-UBCK ngày 11/4/2016 do UBCKNN cấp. Quỹ có vốn điều lệ là 50 tỷ đồng và hiện vẫn đang hoạt động.

- **Quỹ đầu tư Phát triển Hàng Thông**

Quỹ đầu tư Phát triển Hàng Thông là quỹ thành viên, được thành lập và hoạt động theo Thông báo về việc xác nhận báo cáo thành lập quỹ thành viên số 189/TB-UBCK ngày 06/7/2017 do UBCKNN cấp. Quỹ có vốn điều lệ là 50 tỷ đồng và hiện vẫn đang hoạt động.

- **Quỹ đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam**

Quỹ đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam là quỹ mở, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK ngày 21/11/2022 do UBCKNN cấp. Quỹ có vốn điều lệ là 100,15 tỷ đồng và hiện vẫn đang hoạt động. Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31/12/2025 là 195,2 tỷ đồng.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên đầy đủ:	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Tên tiếng Anh:	Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Nam Ky Khoi Nghia Branch
Tên viết tắt:	BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số:	0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được thay đổi tại từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số:	106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/5/2003
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	028 3821 8812
Fax:	028 3914 4714
Lĩnh vực hoạt động chính:	Tin dụng, thanh toán, dịch vụ ngân hàng lưu ký, giám sát và các hoạt động khác theo quy định

VI. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Danh sách Thành viên lập quỹ và Đại lý phân phối của Quỹ ETF PHFM VNSHINE được nêu tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này. Quỹ không có tổ chức tạo lập thị trường.

Trong trường hợp có thay đổi (bổ sung hoặc giảm bớt) Thành viên lập quỹ, Tổ chức tạo lập thị trường (nếu có) và Đại lý phân phối, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin và cập nhật danh sách đầy đủ trên trang thông tin điện tử <http://www.phfm.vn>.

Lưu ý: Nhà đầu tư có quyền mở tài khoản và giao dịch Chứng chỉ quỹ tại nhiều Đại lý phân phối được công bố tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cần lưu ý tài khoản giao dịch tại các Đại lý phân phối khác nhau là độc lập.

VII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyên nhượng

TỔNG CÔNG TY LƯU KÝ VÀ BÙ TRỪ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Quyết định số 26/2022/QĐ-TTg ngày 16/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3974 7123 Fax: 024 3974 7120

Lĩnh vực hoạt động chính: Cung cấp dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; cung cấp dịch vụ khác theo quy định.

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ đại lý chuyên nhượng

Chi phí thanh toán, hình thức thanh toán được quy định chi tiết tại điểm 3.2.4 Mục XI của Bản cáo bạch này.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Quản trị quỹ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỶ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được thay đổi tại từng thời điểm).

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/5/2003.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 3821 8812 Fax: 028 3914 4714

Lĩnh vực hoạt động chính: Tín dụng, thanh toán, dịch vụ ngân hàng lưu ký, giám sát và các hoạt động khác theo quy định.

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ quản trị quỹ

Chi phí thanh toán, hình thức thanh toán được quy định chi tiết tại điểm 3.2.3 Mục XI của Bản cáo bạch này.

VIII. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của quỹ.

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
- Được UBCKNN cho phép thực hiện kiểm toán các quỹ đầu tư chứng khoán;
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
- Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ ETF PHFM VNSHINE là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300811802 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 12/01/2012 (được thay đổi tại từng thời điểm)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, đường Hải Triều, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3824 5252 Fax: 028 3824 5250

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:	Quỹ ETF PHFM VNSHINE
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:	PHFM VNSHINE ETF
Tên viết tắt:	PHFM VNSHINE
Địa chỉ liên hệ:	Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	028 5413 7991
Website:	www.phfm.vn

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số: **101/GCN-VCK** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày **07/5/2026**

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số: do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ ETF PHFM VNSHINE được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục, một loại hình quỹ đầu tư đại chúng dạng mở được tổ chức và hoạt động theo pháp luật, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ và không giới hạn về thời gian hoạt động.

1.5. Ban đại diện quỹ

Ban đại diện Quỹ gồm 03 thành viên như sau:

Bà Lan, Wan-Chen – Thành viên độc lập

Bà Lan, Wan-Chen có bằng Cử nhân Kinh tế của Đại học Quốc gia Thanh Hoa (Đài Loan) và Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng của Đại học Birmingham (Anh).

Bà Lan Wan-Chen có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn đầu tư và quản lý tài sản. Hiện tại, Bà đang là Chủ tịch Ban đại diện Quỹ đầu tư Triển Vượng Việt Nam (từ năm 2016 đến nay), thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư Phát triển Hàng Thông (từ năm 2017 đến nay) và thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam (từ năm 2022 đến nay); đây là các quỹ đầu tư chứng khoán do Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng quản lý. Đồng thời, Bà còn là Tổng giám đốc Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Phú Thịnh và Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt. Ở cương vị Tổng Giám đốc các công ty trong lĩnh vực đầu tư, Bà chịu trách nhiệm đưa ra quyết định đầu tư phù hợp với chiến lược và đem lại lợi nhuận cao nhất.

Bà Wang, Gwan-Fang – Thành viên độc lập

Bà Wang, Gwan-Fang có bằng Cử nhân Kế toán của Đại học Tamkang (Đài Loan).

Bà Wang Gwan-Fang có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán. Bà đã từng làm Trợ lý quản lý tại KPMG (Đài Loan) từ năm 2009 đến năm 2013 và Kiểm toán nội bộ tại Cuddy Global LTD. (Đài Loan) từ năm 2013 đến năm 2016. Hiện tại, Bà đang là Phó phòng Kế toán và tài chính của Freshfields Capital Corporation (Đài Loan) (từ tháng 02/2016 đến nay). Đồng thời, Bà còn là Giám đốc Công ty TNHH Truyền thông Thế Sáng, thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng, thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt.

Bà Lê Thùy Mỹ Tiên – Thành viên

Bà Lê Thùy Mỹ Tiên có bằng Cử nhân Luật của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh; có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 002378/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/01/2024.

Bà Lê Thùy Mỹ Tiên có gần 20 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và có hơn 16 năm kinh nghiệm trong hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm soát việc tuân thủ quy định pháp luật của doanh nghiệp. Hiện tại, Bà đang là Phó phòng Kiểm soát nội bộ của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (từ tháng 10/2021 đến nay). Trước khi gia nhập Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng, Bà đảm nhiệm chức vụ Phó phòng Kiểm soát nội bộ (từ tháng 01/2012 đến tháng 3/2018), Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ (từ tháng 4/2018 đến tháng 10/2021) của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng.

1.6. Người điều hành Quỹ

Ông Lu, Hui-Hung – Tổng Giám đốc

Ông Lu Hui-Hung có bằng Cử nhân Kinh tế của Đại học Quốc gia Đài Loan và MBA của Trường Quản lý Rotterdam (Hà Lan). Ông có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001201/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/8/2022 và có Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo cấp.

Ông Lu Hui-Hung có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và gần 07 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản. Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng từ tháng 6/2020 đến nay; đến tháng 12/2025, Ông được bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng. Hiện tại, Ông cũng đang là người điều hành Quỹ đầu tư Triển Vượng Việt Nam và Quỹ đầu tư Phát triển Hãng Thông do Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng quản lý. Trước đây, Ông từng là Phó phòng của Ngân hàng First Commercial Bank (Đài Loan) từ năm 2001 đến năm 2010 và là Giám đốc khối Phân tích, tự doanh tư vấn và bảo lãnh phát hành của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng từ năm 2012 đến năm 2019.

Bà Hồ Thúy Ái – Phó Tổng Giám đốc

Bà Hồ Thúy Ái có bằng Cử nhân của Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Thạc sỹ Tài chính của Trường ESCP Europe (Pháp) và Tiến sỹ Kinh tế của Đại học Lingnan (Hồng Kông). Bà có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 000816/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/3/2012 và có Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và đào tạo cấp.

Bà Hồ Thúy Ái có hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực kinh tế, tài chính, có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành chứng khoán và hơn 12 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản. Bà từng là chuyên viên Phân tích chứng khoán và Trưởng nhóm Dự án ETF của Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng từ năm 2010 đến năm 2012. Năm 2012, Bà gia nhập Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng và giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư trong nhiều năm (từ tháng 10/2013 đến tháng 4/2024), sau đó được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc (phụ trách quản lý đầu tư, tuân thủ và vận hành) từ tháng 4/2024 đến nay. Bà cũng đang là người điều hành Quỹ đầu tư Chọn lọc Phú Hưng Việt Nam do Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng quản lý.

2. Tóm tắt Điều lệ quỹ

Nhà đầu tư cần lưu ý những nội dung tại điểm 2 này là nội dung tóm tắt của Điều lệ quỹ. Để có đầy đủ thông tin, nhà đầu tư cần tham khảo Điều lệ quỹ. Điều lệ quỹ bao gồm 16 Chương, 71 Điều và 03 Phụ lục. Nội dung của Điều lệ quỹ được tóm tắt như sau:

2.1. Các điều khoản chung

Quỹ ETF PHFM VNSHINE là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ và Chứng chỉ quỹ được niêm yết, giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.

Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ ETF PHFM VNSHINE có nghĩa vụ thực hiện việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Vốn điều lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành tối thiểu 50 (năm mươi) lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 VND (mười ngàn Đồng Việt Nam).

Quỹ chỉ định Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành chứng chỉ quỹ. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

2.2.1. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ ETF PHFM VNSHINE là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ số tham chiếu.

2.2.2. Chiến lược đầu tư

Quỹ ETF PHFM VNSHINE sử dụng chiến lược tối ưu hóa để đạt được các mục tiêu đầu tư đã đề ra. Quỹ sẽ hướng đến phương pháp lựa chọn mẫu và tối ưu hóa, ưu tiên các cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao trong và ngoài danh mục chỉ số tham chiếu nhằm mục đích (1) hạn chế rủi ro thanh khoản cho danh mục đầu tư và (2) tinh giản danh mục để thành viên lập quỹ dễ dàng thực hiện hoạt động giao dịch hoán đổi và tạo lập thị trường nhưng vẫn đảm bảo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu tuân theo quy định.

2.2.3. Tài sản được phép đầu tư

2.2.3.1. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM VNSHINE bao gồm các chứng khoán trong danh mục của chỉ số tham chiếu và các loại tài sản sau đây:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán, chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

2.2.3.2. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

2.2.4. Hạn chế đầu tư, cơ cấu đầu tư

2.2.4.1. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ quỹ. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF không được lớn hơn mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.

2.2.4.2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và đảm bảo:

- a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d và e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- d) Không đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ ETF PHFM VNSHINE;
- e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- f) Không được đầu tư vào bất động sản;
- g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu;
- h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2.2.4.3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều 10 Điều lệ quỹ và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d) Quỹ đang trong thời gian giải thể;

- e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
- f) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

2.2.4.4. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
- d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều 10 Điều lệ quỹ.

2.2.5. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

- a) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- b) Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được vượt quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 ngày.
- c) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
- d) Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

2.2.6. Phương pháp lựa chọn đầu tư

2.2.6.1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu: Để mô phỏng chỉ số tham chiếu, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số tham chiếu VNSHINE theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số tham chiếu mà có độ tương quan cao với chỉ số tham chiếu để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số tham chiếu. Quỹ ETF PHFM VNSHINE có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số tham chiếu hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số tham chiếu khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số tham chiếu tại kỳ xem xét tiếp theo.

2.2.6.2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ thị trường tiền tệ: Việc lựa chọn đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ được thực hiện dựa trên tiêu chí an toàn, tính thanh khoản cao và thời hạn phù hợp với nhu cầu quản lý dòng tiền của Quỹ. Quỹ sẽ tiến hành lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi các tổ chức tín dụng có lãi suất tốt và có mức độ tín nhiệm cao.

2.2.6.3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu và công cụ nợ: Quỹ sẽ áp dụng phân tích cơ bản về kinh tế vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô hình kỹ

thuật, thống kê để lựa chọn các trái phiếu, công cụ nợ có tính thanh khoản và rủi ro ở mức chấp nhận được, phù hợp với mục tiêu của Quỹ.

2.2.6.4. Phương pháp lựa chọn đối với các công cụ đầu tư khác: Quỹ sẽ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, đánh giá dựa trên tính pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời, sự phù hợp với mục tiêu của Quỹ; đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.2.6.5. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi của Quỹ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu);
- b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu.

2.2.7. Nguyên tắc, phương thức xác định Giá trị tài sản ròng

Được quy định cụ thể tại của Chương XII của Điều lệ quỹ và điểm 6 Mục X của Bản cáo bạch.

2.3. Đặc trưng của Chứng chỉ quỹ

2.3.1. Nhà đầu tư

- a) Nhà đầu tư của Quỹ là các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài sở hữu ít nhất một (01) chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư sở hữu.
- b) Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế hoặc xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.
- c) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
- d) Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
- e) Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như các nhà đầu tư khác.

2.3.2. Điều kiện đối với Nhà đầu tư tham gia Giao dịch hoán đổi Quỹ ETF

- a) Nhà đầu tư sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp nhà đầu tư bổ sung bằng tiền theo quy định và/hoặc thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư.
- b) Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.
- c) Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục thông qua thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch chứng khoán và ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

2.3.3. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

2.3.3.1. Nhà đầu tư có các quyền sau đây:

- a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp.
- b) Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại theo quy định tại Điều lệ này.
- c) Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ quỹ thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- d) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số chứng chỉ quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
- e) Khởi kiện công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
- f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau.
- g) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.
- h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ.
- i) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
- j) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
- k) Tuân thủ Điều lệ này, chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
- l) Thanh toán đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ, tiền mua chứng chỉ quỹ như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ.
- m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.

2.3.3.2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
- b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - (i) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - (ii) Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15)

ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

2.3.3.3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

2.3.4. Sổ đăng ký Nhà đầu tư

Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2.3.5. Quyền biểu quyết của Nhà đầu tư

Tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội nhà đầu tư đều có quyền tham dự. Mỗi Chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan khác được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết.

2.3.6. Các trường hợp tái cơ cấu, giải thể Quỹ và quyền của Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ

2.3.6.1. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

- a) Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
- b) Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

2.3.6.2. Giải thể quỹ

- a) Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau:

- (i) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- (ii) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- (iii) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- (iv) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ đồng liên tục trong 06 (sáu) tháng;
- (v) Quỹ hủy niêm yết;
- (vi) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

- b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại Khoản 1 Điều 67 Điều lệ quỹ, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có Công ty quản lý quỹ) triệu tập Đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể Quỹ.
- c) Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
- d) Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quỹ và phân chia tài sản quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- e) Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:
- Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.
- f) Tài sản từ việc thanh lý quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:
- Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.
 - Các khoản phải trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ. Trong trường hợp Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều 67 Điều lệ quỹ, Quỹ không phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ, phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện.
 - Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà đầu tư trong Quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu VSDC, tổ chức quản lý sở hữu chung, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư.
- g) Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư Giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2.4. Cơ chế giao dịch Chứng chỉ quỹ

2.4.1. Quy trình thực hiện Giao dịch hoán đổi danh mục

- a) Trước phiên Giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ, VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của HOSE về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ, số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành Lô chứng chỉ quỹ (nếu có), thông tin các chứng khoán cơ cấu bị hạn chế được hoán đổi thay thế bằng tiền của các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư kèm với thông tin các chứng khoán cơ cấu bị hạn chế có phát sinh quyền được thanh toán bằng tiền. Thông tin bao gồm: Danh mục chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng

khoản cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ.

b) **Lệnh Giao dịch hoán đổi:**

- (i) Lệnh Giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển trực tiếp tới Thành viên lập quỹ hoặc thông qua Đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ quỹ và hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối không thể tiếp nhận lệnh Giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư do Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối bị giải thể, phá sản, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng như hỏa hoạn, thiên tai... thì lệnh Giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư được chuyển thẳng đến Công ty quản lý quỹ.
 - (ii) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ được Thành viên lập quỹ chuyển tới Công quản lý quỹ hoặc VSDC trước thời điểm đóng sổ lệnh theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của VSD.
- c) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ phải thông báo cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, VSDC và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC. Quá thời hạn nêu trên, Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.
- d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, nhưng không quá ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ tiếp theo, VSDC, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển Danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Khoản 3 Điều này; Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong trường hợp Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư hoán đổi lô chứng chỉ quỹ ETF lấy lại danh mục cơ cấu theo yêu cầu hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.
- e) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, thông qua VSDC, Ngân hàng giám sát khả năng thực hiện được lệnh của Nhà đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của VSDC.

2.4.2. Các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ, thực hiện một phần lệnh giao dịch

2.4.2.1. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- a) Sở giao dịch chứng khoán thay đổi danh mục Chỉ số tham chiếu;
- b) Tổ chức phát hành của loại chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị tạm dừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu, Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

- c) Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
 - d) Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi do nguyên nhân bất khả kháng;
 - e) Các trường hợp khác UBCKNN xét thấy là cần thiết.
- 2.4.2.2. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi Chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- 2.4.2.3. Thời hạn tạm dừng hoán đổi Chứng chỉ quỹ không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ.
- 2.4.2.4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều này, Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- 2.4.2.5. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch chứng chỉ quỹ

2.5.1. Tần suất định giá và phương pháp xác định giá giao dịch

Tần suất xác định giá giao dịch hoán đổi của Quỹ là hàng ngày (vào ngày làm việc) theo nguyên tắc, quy trình và phương pháp được quy định tại Chương XII của Điều lệ quỹ. Giá giao dịch hoán đổi sẽ được xác định tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi. Nội dung này được trình bày cụ thể tại điểm 6 Mục X của Bản cáo bạch.

2.5.2. Hình thức công bố thông tin về giá giao dịch, nơi công bố thông tin, tần suất công bố thông tin

Giá giao dịch hoán đổi phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Ngay sau khi được ngân hàng giám sát xác nhận, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.

2.5.3. Thông tin về các mức Giá dịch vụ

Giá dịch vụ phát hành được áp dụng khi thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ mua lại được áp dụng khi thành viên lập quỹ, nhà đầu tư hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại được tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch.

Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với thành viên lập quỹ được quy định cụ thể tại hợp đồng tham gia lập quỹ và phải đảm bảo không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Việc điều chỉnh các mức giá dịch vụ được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và các thành viên lập quỹ và phải đảm bảo không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch).

Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và phải đảm bảo không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 1% giá trị giao dịch). Thời điểm áp dụng mức giá

dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

2.6. Thông tin về các mức Giá dịch vụ mà Quỹ phải trả

Các mức giá dịch vụ mà Quỹ phải trả bao gồm giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu, giá vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) và các giá dịch vụ khác (nếu có), được quy định tại Điều 64 Chương XIII của Điều lệ quỹ. Các chi phí hoạt động của Quỹ được quy định tại Điều 65 Chương XIII của Điều lệ quỹ. Các nội dung này được trình bày cụ thể tại điểm 3 Mục XI của Bản cáo bạch.

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.7.1. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

2.7.1.1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua.

2.7.1.2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

2.7.1.3. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- a) Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.
- b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- c) Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

2.7.1.4. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do nhà đầu tư chịu.

2.7.2. Chính sách thuế

Trong quá trình giao dịch Chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế mà Nhà đầu tư phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động của Quỹ.

2.8. Đại hội nhà đầu tư

2.8.1. Đại hội nhà đầu tư thường niên và bất thường

2.8.1.1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong Sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

2.8.1.2. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu

tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.

2.8.1.3. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử.

2.8.1.4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

- a) Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
- b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ quỹ.

2.8.1.5. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

2.8.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
- b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát; thay thế Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
- c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
- d) Quyết định các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định và tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ.
- e) Phương án phân phối lợi tức;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
- g) Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
- h) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

2.8.3. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

2.8.3.1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, cụ thể như sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác.

- 2.8.3.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ quỹ, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
- 2.8.3.3. Đại hội nhà đầu tư thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ quỹ. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản được quy định tại khoản 5 Điều 25 Điều lệ quỹ.

2.8.4. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

- 2.8.4.1. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 2.8.4.2. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 21 Điều lệ quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư dự họp tán thành.
- 2.8.4.3. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số Nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
- 2.8.4.4. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản.

2.8.5. Phân phối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

- 2.8.5.1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều lệ quỹ có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của nhà đầu tư, số lượng chứng chỉ quỹ, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
- 2.8.5.2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại.

2.9. Ban đại diện quỹ

2.9.1. Tổ chức Ban đại diện quỹ

- 2.9.1.1. Ban đại diện quỹ đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, được Đại hội nhà đầu tư bầu bằng hình thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2.9.1.2. Ban đại diện quỹ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
- 2.9.1.3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:
- a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;

- b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

2.9.2. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

2.9.2.1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2.9.2.2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:

- a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát hay đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
- c) Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
- d) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
- e) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

2.9.3. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

- a) Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ để bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư.
- b) Phê duyệt sổ tay định giá Giá trị tài sản ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức báo giá, các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Điều lệ quỹ;
- c) Chấp thuận các giao dịch quy định các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán);
- d) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
- e) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
- f) Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;
- g) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều lệ quỹ;
- h) Thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ;
- i) Thành viên Ban đại diện quỹ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- j) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.

2.9.4. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

2.9.5. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

- 2.9.5.1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất một quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
- 2.9.5.2. Ban đại diện quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
- 2.9.5.3. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- 2.9.5.4. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

- 2.9.6.1. Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:
 - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ quỹ;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
- 2.9.6.2. Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:
 - a) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - c) Bị cấm đảm nhiệm chức danh thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định pháp luật hoặc theo quyết định của các cơ quan có thẩm quyền;
 - d) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ mà có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
- 2.9.6.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 32 Điều lệ quỹ.

2.9.7. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Đã được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- b) Hoàn toàn độc lập với Ngân hàng giám sát;

- c) Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
- d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

2.10.2. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ được quy định chi tiết tại Điều 36 Điều lệ quỹ.

2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

2.10.3.1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
- b) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- d) Tổ chức lại Công ty quản lý quỹ;
- e) Quỹ hết thời gian hoạt động;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.10.3.2. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 37 Điều lệ quỹ.

2.10.3.3. Quỹ chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế công ty quản lý quỹ trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Điều lệ quỹ. Trong trường hợp đó, Quỹ sẽ phải trả cho công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo quy định tại khoản 7 Điều 37 Điều lệ quỹ.

2.10.4. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Các hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ được quy định chi tiết tại Điều 38 Điều lệ quỹ.

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
- b) Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty quản lý quỹ mà Ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
- c) Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- d) Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của Ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của Quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của Quỹ.
- e) Có đầy đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm; và
- f) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ quỹ.

2.11.2. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ được quy định chi tiết tại Điều 40 Điều lệ quỹ.

2.11.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

2.11.3.1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
- b) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng giám sát;
- c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;
- d) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.11.3.2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát được chuyển giao cho Ngân hàng giám sát khác theo quy định pháp luật.

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

2.12.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

2.12.1.1. Hàng năm công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của quỹ.

2.12.1.2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài chính cấp;
- b) Được UBCKNN cho phép thực hiện kiểm toán các quỹ đầu tư chứng khoán;
- c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Quỹ; và
- d) Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

2.12.2. Năm tài chính

Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

2.12.3. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

2.12.4. Báo cáo

2.12.4.1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2.12.4.2. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành

viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ để các Nhà đầu tư có thể tham khảo.

2.12.4.3. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của quỹ.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi giá trị các tài sản của Quỹ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian do tác động bởi nền kinh tế hoặc những yếu tố không lường trước được. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư, qua đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

3.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường hoặc do sự thay đổi về cung cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trị của cổ phiếu và trái phiếu.

3.3. Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do ảnh hưởng của lạm phát. Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với cổ phiếu và trái phiếu. Đối với cổ phiếu: lạm phát tăng sẽ làm chi phí vốn của doanh nghiệp tăng và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giảm, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Thông thường, lạm phát luôn đi kèm với lãi suất tăng, làm tăng tỷ suất chiết khấu khi định giá doanh nghiệp khiến giá cổ phiếu giảm. Đối với trái phiếu: giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu dẫn đến giá trái phiếu giảm. Bên cạnh đó, lạm phát tiếp tục tăng cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ.

3.4. Rủi ro thanh khoản

Mặc dù Chứng chỉ quỹ ETF sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, Nhà đầu tư nên lưu ý không có gì đảm bảo một thị trường giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF sôi động và thanh khoản cao. Ngoài ra, Chứng chỉ quỹ ETF chỉ được phát hành hoặc mua lại theo lô. Nhà đầu tư không nắm giữ đủ Lô chứng chỉ quỹ chỉ có thể giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán với rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ như dưới đây.

3.5. Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ. Những rủi ro về pháp lý sẽ tồn tại khi Chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công ty quản lý quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ để chủ động điều chỉnh cho phù hợp.

3.6. Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ phát sinh từ các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho Quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ sẽ thực hiện thanh toán sớm những loại chứng khoán nợ phát sinh từ các tài sản của Quỹ.

3.7. Rủi ro mức sai lệch của Giá trị tài sản ròng so với Chỉ số tham chiếu

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ số tham chiếu. Do đó, Công ty quản lý quỹ sẽ đảm bảo duy trì mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu ở mức thấp nhất có thể. Tuy nhiên, trong các kỳ thay đổi định kỳ danh mục và tỷ trọng chứng khoán của Chỉ số tham chiếu hoặc khi xảy ra các sự kiện doanh nghiệp như chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp, hay chia cổ tức, phát hành cổ phiếu thường, mức sai lệch giữa Giá trị tài sản ròng của Quỹ so với Chỉ số tham chiếu sẽ bị ảnh hưởng. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, Quỹ sẽ phát sinh các chi phí hoạt động hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán chứng khoán trong các đợt thay đổi danh mục định kỳ, việc này cũng có thể làm ảnh hưởng đến mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu.

3.8. Rủi ro chênh lệch giá Chứng chỉ quỹ ETF với Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ (giao dịch thứ cấp)

Khi niêm yết, cũng giống như cổ phiếu, Chứng chỉ quỹ ETF chịu ảnh hưởng bởi cung và cầu giao dịch trên thị trường. Khi khối lượng đặt mua Chứng chỉ quỹ ETF tăng lên nhanh chóng trong thời gian ngắn, hoặc giảm xuống một cách đáng kể sẽ tạo ra chênh lệch giữa Giá giao dịch và Giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ. Mặc dù hoạt động hoán đổi trên thị trường sơ cấp của các Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư với Quỹ sẽ giúp giảm thiểu chênh lệch này, đây vẫn là rủi ro có thể gây bất lợi cho Nhà đầu tư.

3.9. Rủi ro đầu tư thụ động

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là bám sát lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Công ty quản lý quỹ không chủ động lựa chọn cổ phiếu mà sẽ đầu tư tất cả hoặc phần lớn tài sản của quỹ vào các cổ phiếu trong Chỉ số tham chiếu. Công ty quản lý quỹ sẽ không đưa ra các biện pháp phòng thủ khi thị trường giảm. Chính vì vậy, sự sụt giảm của Chỉ số tham chiếu sẽ kéo theo sự sụt giảm giá trị của Quỹ bất chấp thị trường chung tốt hay xấu. Biến động chung của thị trường không chắc chắn sẽ tác động đến biến động của Chỉ số tham chiếu hay Giá trị tài sản ròng của quỹ. Do đó, ngay cả khi thị trường trong giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ, ETF cũng có thể không thu được mức lợi nhuận vượt trội chỉ số mà nó mô phỏng.

3.10. Rủi ro về xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do Công ty quản lý quỹ điều hành. Công ty quản lý quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập bộ phận quản lý đầu tư riêng biệt cho từng quỹ, cũng như thiết lập các lớp bảo vệ thông tin nội bộ nhằm hạn chế đến mức thấp rủi ro xung đột lợi ích này.

3.11. Rủi ro chào bán không thành công (đối với đợt chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng)

Việc chào bán chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng (IPO) có thể không thành công nếu tổng giá trị vốn huy động không đạt mức tối thiểu theo quy định của pháp luật là 50.000.000.000 VND (50 tỷ đồng). Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ sẽ hoàn trả lại toàn bộ số chứng khoán và số tiền đã góp cho các nhà đầu tư. Rủi ro này có thể ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư của nhà đầu tư.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi

Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 09 năm 2025;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025;
- Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024, Thông tư số 14/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 04 năm 2025 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

2. Phương án phát hành lần đầu (IPO)

Tên Quỹ:	Quỹ ETF PHFM VNSHINE
Tên tiếng Anh:	PHFM VNSHINE ETF
Tên viết tắt:	PHFM VNSHINE
Nhà đầu tư của Quỹ:	1. Thành viên lập quỹ 2. Nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước đáp ứng quy định tại Điều 13 và Điều 15 Điều lệ quỹ
Loại hình:	Quỹ hoán đổi danh mục
Thời hạn hoạt động của Quỹ:	Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ và không giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư:	Mục tiêu của Quỹ ETF PHFM VNSHINE là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chi số tham chiếu.
Chiến lược đầu tư:	Quỹ ETF PHFM VNSHINE sử dụng chiến lược tối ưu hóa để đạt được các mục tiêu đầu tư đã đề ra. Quỹ sẽ hướng đến phương pháp lựa chọn mẫu và tối ưu hóa, ưu tiên các cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao trong và ngoài danh mục chỉ số tham chiếu nhằm mục đích (1) hạn chế rủi ro thanh khoản cho danh mục đầu tư và (2) tinh giản danh mục để thành viên lập quỹ dễ dàng thực hiện hoạt động giao dịch hoán đổi và tạo lập thị trường nhưng vẫn đảm bảo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu tuân theo quy định.
Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư:	Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF PHFM VNSHINE có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF PHFM VNSHINE có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục chỉ số tham chiếu và chiến lược đầu tư của Quỹ.
Các sản phẩm dự kiến đầu tư:	Theo quy định tại Điều 9 Điều lệ quỹ và điểm 2.2.3 Mục IX của Bản cáo bạch. Trong đó, sản phẩm đầu tư chủ yếu sẽ tập trung vào cổ phiếu niêm yết trong danh mục của chỉ số VNSHINE.
Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư:	<p>Quỹ ETF PHFM VNSHINE chỉ được đầu tư vào những tài sản được phép đầu tư và phải tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 10 Điều lệ quỹ, điểm 2.2.4 Mục IX của Bản cáo bạch. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ nhằm đảm bảo hoạt động này tuân thủ quy định.</p> <p>Trong đợt phát hành lần đầu, Nhà đầu tư và các Thành viên lập quỹ tham gia góp vốn bằng Chứng khoán cơ cấu. Trong thời gian này do Quỹ chưa được thành lập và tài sản đầu tư của Quỹ được phong tỏa an toàn tại VSDC nên không áp dụng quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư.</p>
Cơ cấu đầu tư:	Cơ cấu đầu tư phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VNSHINE có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VNSHINE về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt qua những hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 10 Điều lệ quỹ, điểm 2.2.4 Mục IX của Bản cáo bạch.
Lô Chứng chỉ quỹ ETF:	01 (một) lô Chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với 100.000 (một trăm nghìn) Chứng chỉ quỹ ETF.
Mệnh giá Chứng chỉ quỹ ETF:	10.000 (mười nghìn) đồng/ chứng chỉ quỹ
Số lượng Lô chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán tối thiểu:	50 (năm mươi) lô chứng chỉ quỹ

Số lượng Lô chứng chỉ quỹ đăng ký chào bán tối đa:	Không giới hạn
Ngày phát hành:	Sẽ được ghi cụ thể trong bản Thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng sau khi Quỹ được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.
Thời hạn phát hành:	Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày.
Thời hạn gia hạn phát hành:	Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn phát hành, Công ty quản lý quỹ được đề nghị UBCKNN xem xét gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ nhưng tối đa không quá 30 ngày theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán.
Giá phát hành:	10.000 (mười nghìn) đồng/ chứng chỉ quỹ
Giá dịch vụ phát hành:	0% trên giá trị phát hành
Đơn vị tiền tệ:	Việt Nam Đồng
Số lượng Lô chứng chỉ quỹ đăng ký đặt mua tối thiểu:	1 (một) Lô chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với 100.000 (một trăm nghìn) chứng chỉ quỹ ETF
Phương thức và hình thức góp vốn:	Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ ETF PHFM VNSHINE của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện bằng việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ do Quỹ phát hành. Việc góp vốn bằng tiền chi được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Điều lệ quỹ và điểm 3.1.2 Mục X của Bản cáo bạch. Các thanh toán bằng tiền phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ tại ngân hàng giám sát.
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư:	Ngày làm việc thứ 3 kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện góp vốn.
Phương thức phân bổ số chứng chỉ quỹ lần đầu:	Lô chứng chỉ quỹ ETF được phân bổ cho từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tương ứng với số lô chứng chỉ quỹ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã đăng ký đặt mua hợp lệ. Các giao dịch góp vốn hợp lệ được quy định chi tiết tại điểm 3.2.5 Mục X của Bản cáo bạch.
Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu:	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ sẽ tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư (giao dịch sơ cấp). Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất các thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp).

Địa điểm phát hành và các Đại lý phân phối:	Được nêu tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.
Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công ty quản lý quỹ: Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng 2. Ngân hàng giám sát: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa 3. Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối: Danh sách các Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối được nêu tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch. 4. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa 5. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam 6. Tổ chức cung cấp chỉ số tham chiếu: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Tiêu chí, điều kiện đối với Nhà đầu tư góp vốn thành lập quỹ:	<p>Theo quy định tại Điều 13 và Điều 15 Điều lệ quỹ, trong đó:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà đầu tư sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp nhà đầu tư bổ sung bằng tiền theo quy định và/hoặc thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư. 2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. 3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục thông qua thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch chứng khoán và ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi. 4. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan. 5. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ. 6. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như các nhà đầu tư khác.

3. Đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ

3.1. Giai đoạn đăng ký góp vốn

3.1.1. Thời hạn đăng ký góp vốn

- a) Thời hạn đăng ký góp vốn: Là khoảng thời gian mà nhà đầu tư gửi các đề nghị đăng ký góp vốn thành lập Quỹ cho đại lý phân phối, thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch và thành viên lập quỹ gửi cho VSDC các đề nghị đăng ký góp vốn thành

lập Quỹ của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, trong đó nêu rõ số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đặt mua.

- b) Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ công bố bản Thông báo chào bán chứng chỉ Quỹ ETF PHFM VNSHINE ra công chúng trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và các phương tiện truyền thông theo quy định, trong đó có nêu rõ Thời hạn đăng ký góp vốn và Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi dự kiến cho một (01) Lô chứng chỉ quỹ cho đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi dự kiến này sẽ được Công ty quản lý quỹ cập nhật trong thời hạn đăng ký góp vốn nếu có thay đổi.
- c) Thời điểm kết thúc thời hạn đăng ký góp vốn là 15 giờ 00 của ngày làm việc kết thúc thời gian thực hiện đăng ký góp vốn.

3.1.2. Phương thức góp vốn

- a) Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đăng ký góp vốn thành lập Quỹ bằng Danh mục chứng khoán cơ cấu, bao gồm:

Đối với Thành viên lập quỹ:

- Chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ;
- Chứng khoán đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện Giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.

Đối với Nhà đầu tư:

- Chứng khoán đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư.
- b) Trong một số trường hợp cụ thể dưới đây, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư thực hiện bổ sung thanh toán bằng tiền:
- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ.
 - Các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chế chuyên nhượng, hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật; các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; hoặc các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ.
 - Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ là nhà đầu tư nước ngoài không thể mua chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch để góp vốn.
 - Chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn.

Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các mã chứng khoán thuộc diện trên. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo số tiền nộp thay thế cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư. Đối với các trường hợp góp vốn thay thế bằng tiền nêu trên, Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ phải đảm bảo tiền được chuyển đến tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân hàng giám sát không muộn hơn 17 giờ 00 ngày góp vốn cuối cùng trong Thời hạn thực hiện góp vốn.

- c) Trường hợp phát sinh sự kiện doanh nghiệp trong giai đoạn từ sau ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu góp vốn được chuyển từ tài khoản Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sang ghi nhận vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF PHFM VNSHINE: Trong trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cho Quỹ, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ và giá trị được tính như sau:
- Đối với cổ tức bằng tiền: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng Chứng khoán cơ cấu phát sinh cổ tức bằng tiền nhân với tỉ lệ trả cổ tức.
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số tiền cần thanh toán bổ sung bằng số lượng cổ phiếu được trả cổ tức hoặc được thưởng tương ứng với số lượng cổ phiếu hoán đổi nhân với giá đóng cửa các mã cổ phiếu này tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ.
 - Đối với quyền mua (khi giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ lớn hơn giá phát hành của quyền mua cổ phiếu): số tiền cần thanh toán bổ sung trên mỗi cổ phiếu bằng số lượng cổ phiếu mua được từ quyền mua phát sinh của cổ phiếu hoán đổi nhân với hiệu số giữa giá đóng cửa tại ngày có giao dịch liền trước ngày Chứng khoán cơ cấu được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ và giá phát hành của quyền mua đó.
 - Đối với các quyền phát sinh khác: số tiền cần thanh toán bổ sung sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).

Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ số tiền cần thanh toán bổ sung nếu trên trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ có thông báo.

3.1.3. Trình tự thực hiện đăng ký góp vốn

- a) Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị đăng ký góp vốn lập quỹ cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nơi mở tài khoản giao dịch, trong đó ghi rõ số lượng Lô chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu đặt mua. Mỗi Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối đăng ký mua tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ (tương đương với 100.000 Chứng chỉ quỹ).
- b) Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ từ 8h00 đến 17h00 các ngày làm việc trong thời hạn đăng ký góp vốn. Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác của Giấy đề nghị đăng ký góp vốn.
- c) Thời điểm cuối cùng Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận đăng ký góp vốn của Nhà đầu tư là 15h00 ngày làm việc kết thúc thời hạn đăng ký góp vốn.
- d) Sửa/hủy Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ: Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có thể sửa/hủy các giao dịch đăng ký góp vốn mà mình đã đặt bằng cách điền vào mẫu Giấy đăng ký sửa/hủy lệnh và chuyển về Thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư đăng ký góp vốn trước thời điểm kết thúc Thời hạn đăng ký góp vốn.

3.2. Giai đoạn thực hiện góp vốn thành lập Quỹ

3.2.1. Thời hạn thực hiện góp vốn

- a) Thời hạn thực hiện góp vốn: là khoảng thời gian mà Thành viên lập quỹ phải gửi cho VSDC hồ sơ đề nghị phong tỏa danh mục Chứng khoán cơ cấu góp vốn lập quỹ của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và nộp tiền (trong trường hợp được tham gia góp vốn bằng tiền) vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF PHFM VNSHINE tại Ngân hàng giám sát.
- b) Thời hạn thực hiện góp vốn sẽ được ghi cụ thể trong Thông báo chào bán Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE ra công chúng.

3.2.2. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn

Trước 9h00 của Ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn, Công ty quản lý quỹ sẽ công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và thông báo cho VSDC, Thành viên lập quỹ về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức được xác định trên cơ sở Chỉ số tham chiếu của Ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn, và số tiền phải thanh toán bổ sung tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và Giá phát hành Lô chứng chỉ quỹ (nếu có).

3.2.3. Hồ sơ thực hiện góp vốn

Tại các ngày làm việc trong thời hạn thực hiện góp vốn, Nhà đầu tư nộp cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối các tài liệu sau:

- a) Giấy đăng ký góp vốn thành lập Quỹ;
- b) Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn;
- c) Bảng kê Chứng khoán cơ cấu góp vốn;
- d) Văn bản xác nhận số dư của thành viên lập quỹ nơi Nhà đầu tư mở tài khoản để góp vốn;
- e) Tài liệu xác nhận đã chuyển tiền góp vốn vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF (nếu có).

Đối với các trường hợp thanh toán bổ sung bằng tiền, Nhà đầu tư và Thành viên lập quỹ phải đảm bảo tiền được chuyển đến tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân hàng giám sát không muộn hơn 17 giờ 00 ngày góp vốn cuối cùng trong Thời hạn thực hiện góp vốn.

3.2.4. Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ

- a) Chậm nhất 15h00 ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện góp vốn, VSDC sẽ thực hiện kiểm tra số lượng cổ phiếu Chứng khoán cơ cấu đăng ký góp vốn và số tiền góp vốn (nếu có) phù hợp với số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đăng ký đặt mua hay không.
- b) Vào ngày làm việc thứ 3 kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện góp vốn, VSDC sẽ gửi cho Công ty quản lý quỹ và Thành viên lập quỹ các báo cáo xác nhận giao dịch góp vốn hợp lệ của Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư.
- c) Trong trường hợp đầy đủ số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn (nếu có) phù hợp với số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua, VSDC sẽ phong tỏa Chứng khoán cơ cấu và Ngân hàng giám sát sẽ phong tỏa tiền góp vốn, sau đó sẽ gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.
- d) Trong trường hợp số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn không đủ so với số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua:
 - Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chỉ mua được số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và số tiền vốn thực tế.
 - Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt mua sẽ được VSDC điều chỉnh xuống sao cho tròn Lô chứng chỉ quỹ ETF (làm tròn xuống) tương ứng với số lượng Chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn thực tế. VSDC sẽ thực hiện phong tỏa trên số lượng Chứng khoán cơ cấu thực tế tương ứng với số Lô chứng chỉ quỹ ETF đã điều chỉnh và thông báo cho Công ty quản lý quỹ để hoàn tất các thủ tục IPO.
- e) Các giao dịch đăng ký góp vốn không đủ Chứng khoán cơ cấu theo danh mục tương ứng với một Lô chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) hoặc không có hồ sơ đề nghị phong tỏa sẽ được coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.
- f) Đối với các giao dịch không hợp lệ, chứng khoán sẽ duy trì trong tài khoản của Nhà đầu tư và tiền mặt sẽ được chuyển trả vào tài khoản chuyển đến theo thời hạn quy định của pháp luật. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền chuyển trả này.

3.2.5. Phong tỏa Chứng khoán cơ cấu góp vốn

- a) Toàn bộ Danh mục chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ được VSDC phong tỏa theo đúng Danh mục chứng khoán, tỷ lệ, số lượng Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ.
- b) Thời hạn phong tỏa: Từ thời điểm VSDC xác nhận phong tỏa cho đến khi chứng khoán được chuyển sang tài khoản lưu ký của Quỹ trong trường hợp đợt phát hành thành công hoặc cho đến khi giải tỏa theo thông báo của Công ty quản lý quỹ.
- c) Hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện phong tỏa, giải tỏa Chứng khoán cơ cấu được thực hiện theo quy định của VSDC.

3.2.6. Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu

- a) Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành Chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.
- b) Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE phát hành lần đầu dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được nhận sẽ được VSDC phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE này với VSDC.
- c) Trường hợp không thể hoàn thành việc phân phối chứng chỉ quỹ trong thời hạn này, Công ty quản lý quỹ được gia hạn thời gian phân phối chứng chỉ quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán.

3.2.7. Đăng ký thành lập quỹ

Trong thời hạn 10 (mười) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ sẽ gửi UBCKNN hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ.

3.2.8. Trường hợp chào bán không thành công

- a) Trường hợp tổng giá trị vốn huy động thấp hơn 50 tỷ đồng trong đợt phát hành lần đầu thì đợt chào bán được coi là không thành công. Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo cho VSDC. Việc giải tỏa Chứng khoán cơ cấu sẽ được VSDC thực hiện ngay sau khi nhận được thông báo của Công ty quản lý quỹ. Thành viên lập quỹ không phải nộp hồ sơ đề nghị giải tỏa Chứng khoán của VSDC.
- b) Trường hợp đợt chào bán không thành công, trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ báo cáo UBCKNN đồng thời thực hiện công bố thông tin về việc chào bán không thành công theo quy định. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Công ty quản lý quỹ phải hoàn trả cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất không kỳ hạn (nếu có) tính từ ngày khoản tiền này được chuyển vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ không phải thanh toán phí chuyển tiền trong trường hợp này. Công ty quản lý quỹ chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn.

3.2.9. Các trường hợp phát sinh trong quá trình góp vốn

Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền do các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chế chuyển nhượng, hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật; các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; hoặc các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao

dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ; hoặc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ là nhà đầu tư nước ngoài không thể mua chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch để góp vốn:

- a) Số tiền tạm góp nộp thay thế tương ứng cho một Chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch cuối cùng trong Thời hạn đăng ký góp vốn.
- b) Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của mã Chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán nhân với số lượng chứng khoán của mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức.
- c) Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện mua hộ các mã chứng khoán này và thực hiện quyết toán với Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư như sau:
 - Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:
 - Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho công ty chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các mã chứng khoán này.
 - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phân chênh lệch giữa giá thị trường và giá của chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
 - Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua:
 - (i) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã Chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
 - (ii) Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được căn trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư tạm nộp khi Quỹ thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - (iii) Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được căn trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư tạm nộp khi Quỹ thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - (iv) Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
 - Trong vòng 03 (ba) Ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải trả lại cho Quỹ.

- Quỹ sẽ phải hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.
- Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền trong vòng 07 (bảy) Ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:
 - Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại các mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của các Sở giao dịch chứng khoán vào Ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua cho đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.
 - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các Chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
 - Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh từ sau ngày cuối cùng Thời hạn đăng ký góp vốn đến hết Ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ được thành lập):
 - (i) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
 - (ii) Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được căn trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư tạm nộp khi Quỹ thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - (iii) Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được căn trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư tạm nộp khi Quỹ thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - (iv) Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
 - Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và Tổng số tiền (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng mã Chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đề cập bên trên) cộng với số tiền mà Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng mã chứng khoán cơ cấu còn lại.
 - Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:

- (i) Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;
 - (ii) Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.
- Trường hợp HOSE điều chỉnh danh mục thành phần của chỉ số VNSHINE từ ngày cuối cùng Thời hạn đăng ký góp vốn đến ngày hoàn tất mua hộ, theo đó có một hoặc một số mã chứng khoán mua hộ bị loại ra khỏi Danh mục cơ cấu của rổ chỉ số VNSHINE:
 - (i) Công ty quản lý quỹ không thực hiện mua hộ Nhà đầu tư những mã chứng khoán này mà sẽ thực hiện quyết toán với Nhà đầu tư theo phương thức do Công ty quản lý quỹ quyết định;
 - (ii) Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo với Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Danh mục chứng khoán cơ cấu mới được công bố.

3.3. Đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ, chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn

- a) Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do UBCKNN cấp có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện việc đăng ký Chứng chỉ quỹ phát hành lần đầu với VSDC. Số Lô chứng chỉ quỹ mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ sẽ được tự động lưu ký và phân bổ vào tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư. Quyền sở hữu của Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư đối với số Chứng chỉ quỹ ETF nêu trên được xác lập từ thời điểm VSDC lưu ký, phân bổ Chứng chỉ quỹ vào tài khoản lưu ký. Ngày hiệu lực đối với Chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE của VSDC.
- b) Việc đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ ETF và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn sang tài khoản của Quỹ ETF thực hiện theo quy định tại quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng chỉ quỹ Giao dịch hoán đổi do VSDC ban hành.
- c) Chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn: Số lượng Chứng khoán cơ cấu của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dùng để góp vốn lập quỹ đang bị phong tỏa sẽ được chuyển từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF PHFM VNSHINE tại Ngân hàng giám sát nơi Công ty quản lý quỹ mở tài khoản và gửi Thông báo xác nhận chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu cho Công ty quản lý quỹ, Thành viên có liên quan.
- d) Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE phát hành lần đầu dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ không phát hành sổ/giấy chứng nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ ETF đối với số lượng chứng chỉ phát hành lần đầu này.

3.4. Niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE.

4. Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF (Giao dịch sơ cấp)

4.1. Nguyên tắc thực hiện

4.1.1. Đối tượng tham gia Giao dịch hoán đổi

Thành viên lập quỹ và các Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện sau:

- a) Sở hữu Danh mục chứng khoán cơ cấu đáp ứng đúng các yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục theo thông báo của Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF.
- b) Sở hữu tối thiểu một (01) Lô chứng chỉ quỹ ETF khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu.

- c) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch hoán đổi thông qua Thành viên lập quỹ, nơi Nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

4.1.2. Thời gian Giao dịch hoán đổi

- a) Tần suất Giao dịch hoán đổi (ngày T): hàng ngày (ngày làm việc).
- b) Thời gian Giao dịch hoán đổi định kỳ được quy định như sau:
- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (ngày T-1) rơi vào ngày làm việc: thời gian giao dịch là từ 9h30 đến 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
 - Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng (ngày T-1) rơi vào ngày nghỉ, lễ: thời gian giao dịch từ 13h30 đến 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
- c) Nếu Ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.
- d) Công ty quản lý quỹ sẽ có thông báo cụ thể khi có sự thay đổi về tần suất, thời gian giao dịch hoán đổi này và các thời điểm liên quan khác.

4.1.3. Thời điểm đóng sổ lệnh

- a) Là thời điểm cuối cùng mà Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối nhận Lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư để thực hiện trong Ngày giao dịch hoán đổi.
- b) Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

4.1.4. Thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu

Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ thông báo cho Thành viên lập quỹ, VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của mình, HOSE về Danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn để hoán đổi lấy 01 Lô chứng chỉ quỹ. Thông tin bao gồm: các mã Chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng rơi vào ngày làm việc: Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 9h00 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).
- Trong trường hợp ngày chốt Giá trị tài sản ròng rơi vào ngày nghỉ, lễ: Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và phần tiền chênh lệch trước 13h00 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

4.1.5. Phương thức giao dịch

- a) Nhà đầu tư đăng ký đặt Lệnh giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Phiếu lệnh giao dịch hoán đổi (theo mẫu) và chuyển đến Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh. Danh sách các địa điểm nhận lệnh của Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối được liệt kê tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) của Công ty quản lý quỹ.
- b) Trường hợp Đại lý phân phối, Thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tập dữ liệu điện tử, đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh.

4.1.6. Phương tiện thanh toán

- a) Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ một số trường hợp được thanh toán bằng tiền như sau:

- Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của Quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát.

Khoản thanh toán cho các lô chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng, hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật; các khoản cổ tức, trái tức và các quyền phát sinh (cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm,...) của chứng khoán cơ cấu mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi; các khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ.

- Khi hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ quỹ ETF mà công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư.

Trường hợp chứng khoán cơ cấu của Quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF, Quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ.

Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các mã chứng khoán thuộc diện nêu trên trước 12h00 ngày làm việc liền trước Ngày giao dịch hoán đổi để Công ty quản lý quỹ tính toán số tiền nộp thay thế. Công ty quản lý quỹ sẽ chủ động công bố mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ngày giao dịch thuộc diện nêu trên. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được xác định tại ngày làm việc liền trước Ngày giao dịch hoán đổi.

- Công ty quản lý quỹ sẽ gửi thông báo đến Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư về số tiền cần thanh toán bổ sung (nếu có). Thành viên lập quỹ và Nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả cho Quỹ ETF số tiền cần nộp bổ sung nêu trên trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo.
- Trong trường hợp hoán đổi các Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các Lô chứng chỉ quỹ ETF mà Công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư nhiều hơn giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu thì phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng chứng chỉ quỹ ETF hoặc tiền mặt vào các tài khoản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ vào ngày T+3, ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày hoán đổi.

4.1.7. Nguồn Chứng khoán hoán đổi

Chứng khoán thực hiện Giao dịch hoán đổi là các chứng khoán tự do chuyển nhượng, đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ và được lấy từ các nguồn sau:

- Đối với Thành viên lập quỹ:
 - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi;
 - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi;
 - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện Giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành viên lập quỹ.
- Đối với Nhà đầu tư:
 - Chứng khoán cơ cấu, Chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.

4.1.8. Giá Giao dịch hoán đổi

Giá Giao dịch hoán đổi được xác định như sau:

- a) Giá phát hành: là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một Lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch cộng thêm Giá dịch vụ phát hành (nếu có).
- b) Giá mua lại: là mức giá mà Công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho Nhà đầu tư đặt lệnh đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày giao dịch trừ đi Giá dịch vụ mua lại (nếu có).
- c) Giá dịch vụ phát hành
 - Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ ETF, sau khi Quỹ ETF được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF.
 - Mức Giá dịch vụ phát hành: 0% trên giá trị giao dịch của Lô chứng chỉ quỹ.
- d) Giá dịch vụ mua lại
 - Là Giá dịch vụ mà Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ phải trả khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ lấy Chứng khoán cơ cấu, sau khi Quỹ ETF được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF.
 - Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô chứng chỉ quỹ ETF và giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu, trong trường hợp Giá dịch vụ mua lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà đầu tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân hàng giám sát chậm nhất vào 11h00 ngày T+1 (một ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi).
 - Mức Giá dịch vụ mua lại:
 - Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho Nhà đầu tư: 0,1% trên giá trị giao dịch của lô Chứng chỉ quỹ.
 - Giá dịch vụ mua lại áp dụng cho Thành viên lập quỹ: 0% trên giá trị giao dịch của lô Chứng chỉ quỹ.

4.1.9. Thời hạn xác nhận giao dịch

Trước 15h00 ngày làm việc thứ nhất kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1), VSDC sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo đó Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được Chứng chỉ quỹ; và Thành viên lập quỹ/Nhà đầu

tư đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được được Danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký chứng khoán của mình.

4.2. Quy trình thực hiện Giao dịch hoán đổi

4.2.1. Giao dịch hoán đổi Danh mục cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ

- a) Trước phiên Giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành viên lập quỹ, VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của HOSE về Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) Lô chứng chỉ quỹ. Thông tin bao gồm Danh mục chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ;
- b) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt Lệnh giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:
 - Phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi;
 - Bảng kê Chứng khoán cơ cấu thực hiện Giao dịch hoán đổi;
 - Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số dư Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện Giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng khoán cơ cấu dùng để thực hiện Giao dịch hoán đổi này đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết Ngày thanh toán;
 - Thông báo Chứng khoán hoán đổi thay thế bằng tiền (nếu có).

Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

- c) Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:
 - Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt Lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh (bao gồm các tài liệu như quy định ở trên) tại Đại lý phân phối.
 - Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà đầu tư và các chứng từ có liên quan đến Thành viên lập quỹ.
- d) Trước 12h ngày làm việc liền trước Ngày giao dịch hoán đổi, Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ các mã chứng khoán thuộc diện cần hoán đổi bằng tiền (nếu có). Trường hợp Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư không có thông báo cho Công ty quản lý quỹ về việc phát sinh thêm những mã chứng khoán cần hoán đổi bằng tiền thì Công ty quản lý quỹ sẽ căn cứ trên phiên Giao dịch hoán đổi trước đó. Sau đó, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo tới Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư Danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi, những mã Chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền, đối tượng áp dụng và số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của từng mã Chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) Lô ETF để Quỹ thực hiện mua đủ số lượng các mã chứng khoán được hoán đổi bằng tiền.
 - Số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán được tính bằng 110% nhân với giá đóng cửa của mã chứng khoán đó trên thị trường thứ cấp vào ngày giao dịch gần nhất trước Ngày giao dịch hoán đổi.
 - Tổng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng của mã Chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền đối với một (01) Lô ETF này bằng số tiền tạm nộp thay thế tương ứng cho một chứng khoán nhân với số lượng chứng khoán của mã chứng khoán đó trong Danh mục chứng khoán cơ cấu.

Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư chuyển khoản phần tiền bổ sung của Giao dịch hoán đổi vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, đảm bảo khoản tiền này được ghi nhận trên tài khoản của Quỹ trước 11h00 ngày làm việc sau Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).

- e) Trên cơ sở số tiền tạm nộp thay thế của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ thực hiện mua đủ số lượng các mã Chứng khoán cơ cấu được hoán đổi bằng tiền tương ứng với tổng số Lô ETF mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được phân bổ trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF xác nhận kết quả Giao dịch hoán đổi (T+1).
- f) Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả Giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1):
- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho Công ty Chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các mã chứng khoán này.
 - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSDC xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của Chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
 - Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ Ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua:
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã Chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
 - Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được căn trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ/ Nhà đầu tư tạm nộp khi Quỹ thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được căn trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ/ Nhà đầu tư tạm nộp khi Quỹ thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
 - Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ đã chi ra để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác (nếu có).
 - Quỹ sẽ phải hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Ngược lại, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thiếu này.
- g) Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư được hoán đổi bằng tiền trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc

kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả Giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1):

- Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho công ty chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế các mã chứng khoán này mà Quỹ đã mua được. Số lượng còn lại các mã chứng khoán mà Quỹ chưa mua đủ trong thời gian nói trên sẽ được Quỹ quyết toán với Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của các Sở giao dịch chứng khoán vào ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ ngày Quỹ xác nhận kết quả Giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư (ngày T+1) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ tự mua cho đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.
 - Tại mỗi kỳ định giá, căn cứ vào biến động giá thị trường của các chứng khoán chưa mua được cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư cho đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ khi VSDC xác nhận kết quả Giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư, Quỹ sẽ ghi nhận phần chênh lệch giữa giá thị trường và giá của chứng khoán tại ngày giao dịch cuối cùng của Thời hạn đăng ký góp vốn vào doanh thu hoặc chi phí của Quỹ đồng thời tăng giảm các khoản phải trả cho Nhà đầu tư tương ứng với doanh thu, chi phí này.
- h) Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp phát sinh kể từ Ngày giao dịch (ngày T) đến ngày làm việc thứ bảy (07) kể từ ngày VSDC xác nhận kết quả Giao dịch hoán đổi cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư:
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: số lượng các mã Chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh tăng bằng số lượng cổ phiếu hoán đổi được thưởng cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng.
 - Đối với cổ tức bằng tiền: giá trị cổ tức bằng tiền sẽ được trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ/ Nhà đầu tư tạm nộp khi Quỹ thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - Đối với quyền mua cổ phiếu: phần chênh lệch (dương nếu có) giữa giá đóng cửa tại ngày chốt quyền mua và giá phát hành nhân với số lượng cổ phiếu được quyền mua sẽ được trừ vào số tiền mà Thành viên lập quỹ/ Nhà đầu tư tạm nộp khi Quỹ thực hiện quyết toán cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư.
 - Đối với các quyền phát sinh khác: giá trị hoàn trả bằng tiền sẽ được Công ty quản lý quỹ thông báo sau (nếu có).
- i) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi Quỹ không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư được góp bằng tiền, Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã Chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và tổng số tiền (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ thực tế đã chi ra (cho số lượng mã Chứng khoán cơ cấu mà Quỹ đã mua được) cộng với số cổ tức bằng tiền và các quyền phát sinh khác mà Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư phải hoàn trả lại cho Quỹ (như đề cập bên trên) cộng với số tiền mà Quỹ sẽ chi ra để Quỹ có thể mua đủ số lượng mã Chứng khoán cơ cấu còn lại.
- j) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch:
- Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư;
 - Nhà đầu tư sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu cho Quỹ.
- k) Việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF và việc đăng ký và lưu ký chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm được thực hiện theo quy định của VSDC.

- l) Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE phát hành thêm tại VSDC đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sang quỹ ETF.

4.2.2. Giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu

- a) Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE lấy Chứng khoán cơ cấu trước Thời điểm đóng sổ lệnh tại Thành viên lập quỹ bao gồm các tài liệu sau:

- Phiếu đặt Lệnh giao dịch hoán đổi;
- Bảng kê Chứng chỉ quỹ thực hiện Giao dịch hoán đổi;
- Văn bản xác nhận số dư và xác nhận phong tỏa của Thành viên lưu ký nơi Nhà đầu tư mở tài khoản lưu ký trong đó xác nhận Nhà đầu tư có đủ số dư Chứng chỉ quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi và số lượng Chứng chỉ quỹ ETF dùng để thực hiện giao dịch hoán đổi này đã được Thành viên lưu ký phong tỏa từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết Ngày thanh toán.

Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin của Nhà đầu tư trên hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung, chỉnh sửa.

- b) Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối:
- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt Lệnh giao dịch hoán đổi trước Thời điểm đóng sổ lệnh (bao gồm các tài liệu như quy định ở trên) tại Đại lý phân phối.
 - Đại lý phân phối kiểm tra thông tin Nhà đầu tư trên hồ sơ, trường hợp đầy đủ, hợp lệ sẽ chuyển lệnh của Nhà đầu tư và các chứng từ có liên quan đến Thành viên lập quỹ.
- c) Trường hợp giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn Giá trị tài sản ròng của các Lô chứng chỉ quỹ ETF, phần tiền chênh lệch sẽ được Quỹ ETF hoàn trả lại cho Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư bằng tiền mặt vào ngày làm việc thứ ba (03) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi.
- d) Trường hợp hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE, số lượng Chứng chỉ quỹ ETF còn lại của Thành viên lập quỹ sau khi bán không thấp hơn số lượng Lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là Thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ.
- e) Việc chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Quỹ ETF PHFM VNSHINE sang tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và việc hủy đăng ký, rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại được thực hiện theo quy định của VSDC.
- f) Ngày hiệu chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu từ quỹ ETF PHFM VNSHINE sang Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư và ngày hiệu lực rút lưu ký Chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản lưu ký của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư sẽ đồng thời với ngày hiệu lực hủy đăng ký số Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE mua lại tại VSDC.

4.3. Xác nhận kết quả giao dịch, đăng ký, lưu ký Chứng chỉ quỹ

- a) Trước 15h00 ngày làm việc thứ nhất (01) kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (T+1), VSDC sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi của Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư. Các lệnh không có đủ Chứng khoán cơ cấu/Chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền chênh lệch (nếu có) tại thời điểm VSDC thực hiện kiểm tra sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ và sẽ không được thực hiện. Các lệnh hoán đổi có đủ Chứng chỉ quỹ/Chứng khoán cơ cấu và nộp đủ tiền (nếu có) sẽ được thực hiện.
- b) Trong vòng tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ Ngày giao dịch hoán đổi, Ngân hàng giám sát sẽ tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền.

- c) Hoạt động hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các Lô chứng chỉ quỹ ETF, và ngược lại, được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư và Quỹ ETF tại VSDC.

4.4. Các trường hợp Giao dịch hoán đổi không hợp lệ

Những trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ:

- a) Nhà đầu tư gửi Lệnh giao dịch hoán đổi cho Đại lý phân phối/Thành viên lập quỹ sau Thời điểm đóng sổ lệnh hoặc Lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển tới Đại lý chuyển nhượng sau Thời điểm đóng sổ lệnh.
- b) Số lượng chứng chỉ quỹ ETF/Chứng khoán cơ cấu dùng để hoán đổi không đủ so với lệnh đặt tại thời điểm VSDC kiểm tra sổ dư vào ngày T+1.
- c) Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ không thanh toán tiền chênh lệch, các loại phí (nếu có) đúng thời hạn.

Các lệnh giao dịch không hợp lệ nêu trên sẽ không được thực hiện.

4.5. Các trường hợp vượt tỷ lệ sở hữu theo quy định

Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật tính tại ngày chuyển quyền sở hữu cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, hoặc dẫn tới việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó thì VSDC có trách nhiệm thông báo cho công ty quản lý quỹ và yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

- a) Trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư này.
- b) Trường hợp chuyển hoàn danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư này.

Việc thanh toán tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại điểm a, b nêu trên phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan.

Trong thời gian công ty quản lý quỹ thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu nêu trên, nếu có phát sinh cổ tức, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của các chứng khoán này, công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (i) Đối với cổ tức bằng tiền: thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được Quỹ thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này.
- (ii) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sau khi nhận được cổ phiếu và hoàn tất việc bán các cổ phiếu này.

- (iii) Đối với quyền mua: công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện bán quyền mua trước thời hạn thực hiện quyền. Trường hợp không bán được quyền mua thì công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán cơ cấu có phát sinh quyền mua để thực hiện quyền với điều kiện tại ngày giao dịch đầu tiên trong thời gian đăng ký mua và nộp tiền theo thông báo của tổ chức phát hành mã chứng khoán phát sinh quyền, chứng khoán có giao dịch đồng thời giá đóng cửa lớn hơn giá thực hiện quyền; sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Trường hợp thành viên lập quỹ/nhà đầu tư gửi yêu cầu từ chối thực hiện quyền thì công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện quyết toán ngay số lượng chứng khoán cơ cấu thực bán. Phần quyền mua đã được thành viên lập quỹ/nhà đầu tư từ chối thực hiện sẽ thuộc về Quỹ và do Quỹ quyết định.
- (iv) Những khoản thanh toán liên quan tới cổ tức, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận được tiền cổ tức hoặc tiền do thực hiện việc bán thành công các quyền mua, cổ phiếu thưởng, cổ phiếu thực hiện quyền này.

Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện tính toán và phân bổ số tiền thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch bán chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi. Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán. Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở khoản này.

- c) Trường hợp thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu theo quy định pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thì thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt mức hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu về các hạn mức theo quy định của pháp luật, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

4.6. Sửa, hủy Lệnh giao dịch hoán đổi

- Nhà đầu tư được phép sửa/hủy lệnh trước Thời điểm đóng sổ lệnh và được thực hiện tại Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối trước Thời điểm đóng sổ lệnh.
- Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi theo mẫu cho Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối.
- Thành viên lập quỹ kiểm tra các thông tin đặt lệnh ban đầu của Nhà đầu tư và thông tin đề nghị sửa, hủy trên Giấy, nếu thông tin chưa đầy đủ, Thành viên lập quỹ yêu cầu Nhà đầu tư bổ sung thông tin.
- Trường hợp Nhà đầu tư đặt lệnh qua Đại lý phân phối, Nhà đầu tư gửi Giấy đề nghị sửa, hủy giao dịch hoán đổi (theo mẫu) cho Đại lý phân phối. Đại lý phân phối kiểm tra thông tin đặt lệnh Nhà đầu tư, chuyển lệnh của Nhà đầu tư đến Thành viên lập quỹ.

4.7. Tạm dừng giao dịch

- a) Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

- Sở giao dịch chứng khoán thay đổi danh mục chỉ số tham chiếu;
 - Tổ chức phát hành của loại chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị tạm dừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
 - Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi do nguyên nhân bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác UBCKNN xét thấy là cần thiết.
- b) Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều 17 Điều lệ quỹ trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- c) Thời hạn tạm dừng hoán đổi chứng chỉ quỹ không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.
- d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
- e) Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

4.8. Chuyển nhượng phi thương mại

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như tặng cho, thừa kế...) chứng chỉ quỹ ETF được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy chế của VSDC.

4.9. Quy định về việc thực hiện thanh toán tiền phát sinh của Giao dịch hoán đổi (sơ cấp)

- a) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức trong nước hoặc người được ủy quyền, Thành viên lập quỹ thanh toán các khoản tiền phát sinh của giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Quỹ ETF trước thời điểm quy định như trên.
- b) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài phải thực hiện chuyển khoản từ chính "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) của Nhà đầu tư nước ngoài vào tài khoản của Quỹ ETF đối với việc thanh toán các khoản phát sinh của giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản này không được chuyển khoản từ "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) theo quy định của pháp luật.
- c) Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thực hiện khai báo thông tin tài khoản ngân hàng và nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở "tài khoản vốn đầu tư gián tiếp" (IICA) (nếu là Nhà đầu tư nước ngoài) cho Thành viên lập quỹ tại thời điểm đăng ký giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ ETF lần đầu. Quỹ ETF sẽ thực hiện chuyển khoản các khoản tiền phát sinh liên quan đến Giao dịch hoán đổi (sơ cấp) Chứng chỉ quỹ ETF vào tài khoản ngân hàng của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ đã được khai báo trước đây. Thông tin tài khoản ngân hàng sẽ không thay đổi cho đến khi Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ có những chỉ định khác bằng

văn bản. Công ty quản lý quỹ sẽ không chịu trách nhiệm nếu tài khoản ngân hàng đã khai báo không phải là “tài khoản vốn đầu tư gián tiếp” (IICA) (nếu là Nhà đầu tư nước ngoài).

4.10. Đại lý phân phối và địa điểm nhận lệnh

Danh sách các đại lý phân phối và địa điểm nhận lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF PHFM VNSHINE được nêu tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

5. Niêm yết, giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (Giao dịch thứ cấp) và hủy niêm yết

5.1. Niêm yết Chứng chỉ quỹ

Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng chỉ quỹ tại HOSE. Hồ sơ niêm yết Chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của HOSE.

5.2. Giao dịch Chứng chỉ quỹ

- a) Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:
 - Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC;
 - Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán;
 - Chứng chỉ quỹ ETF có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
- b) Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ quỹ ETF (bán chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (có đủ chứng khoán cơ cấu) để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của VSDC. Số chứng chỉ quỹ ETF (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (lô chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

5.3. Hủy niêm yết Chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ bị hủy niêm yết trong các trường hợp sau:

- a) Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error – TE) liên tục trong ba (03) tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, trong đó mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó:

R_i là mức chênh lệch giữa biến động Giá trị tài sản ròng của Quỹ và biến động của Chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$1. R_t = \ln \left[\frac{NAV_t}{NAV_{t-1}} \right] - \ln \left(\frac{Index_t}{Index_{t-1}} \right)$$

$$2. \bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

$n = 26$; trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

NAV_i là Giá trị tài sản ròng của 1 Chứng chỉ quỹ.

- b) Không thể xác định được Chỉ số tham chiếu vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số.
- c) Quỹ giải thể theo quy định pháp luật và Điều lệ quỹ.
- d) Trường hợp mức sai lệch của Quỹ vượt quá 80% mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, HOSE; đồng thời công bố thông tin theo quy định trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày phát sinh mức sai lệch vượt quá, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% mức sai lệch tối đa.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng

6.1. Tần suất xác định Giá trị tài sản ròng

- a) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ hàng ngày theo nguyên tắc được quy định tại Điều 61 Điều lệ quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- b) Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ, ngày làm bù theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà vào ngày đó Sở giao dịch chứng khoán không tổ chức giao dịch chứng khoán thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp có sự thay đổi về ngày định giá, công ty quản lý quỹ sẽ xin ý kiến Ban đại diện quỹ và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty.
- c) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối soát, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
- d) Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
- e) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.
- f) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

6.2. Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một Chứng chỉ quỹ (iNAV)

Công ty quản lý quỹ hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu được công ty quản lý quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. iNAV chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.

6.3. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng

- a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và được làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá.
- b) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:
 - (i) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - (ii) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, có thể áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
- c) Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu 03 tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
- d) Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán được quy định chi tiết tại Phụ lục 4 của Bản cáo bạch.

6.4. Công bố Giá trị tài sản ròng

Ngay sau khi được ngân hàng giám sát xác nhận, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá. Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận, các Giá trị tài sản ròng sẽ được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, HOSE, Đại lý phân phối và Thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thông tin hướng dẫn tham gia đầu tư vào Quỹ

Nhà đầu tư tham gia vào Quỹ thông qua một trong hai cách sau:

- Thực hiện đầu tư qua giao dịch sơ cấp theo quy định chi tiết tại Phụ lục 2 Bản cáo bạch này.
- Thực hiện đầu tư qua giao dịch thứ cấp theo quy định chi tiết tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính năm được kiểm toán sẽ được Công ty quản lý quỹ công bố và cập nhật định theo quy định pháp luật và Điều lệ quỹ. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ để các nhà đầu tư có thể tham khảo.

2. Tình hình phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ trong năm

Trong vòng 24 giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ và HOSE số Lô chứng chỉ quỹ đã phát hành, đã mua lại từ các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư, chênh lệch so với Ngày giao dịch hoán đổi trước đó.

3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động của Quỹ

3.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF PHFM VNSHINE. Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF PHFM VNSHINE là 0,75% NAV/năm (không bao gồm giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ).
- Số tiền Giá dịch vụ quản lý quỹ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính Giá dịch vụ quản lý quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ (%) Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

3.2. Giá dịch vụ giám sát, Giá dịch vụ lưu ký

- Giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát được trả cho ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản quỹ và giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- Giá dịch vụ lưu ký là: 0,05% NAV/năm
Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng
- Giá dịch vụ giám sát là: 0,02% NAV/năm
Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 5.000.000 đồng/tháng

- Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

3.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

- Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

- b) Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính như sau:
- Giá dịch vụ quản trị quỹ là: 0,03% NAV/năm
 - Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng
 - Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).
- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- d) Công thức tính Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

3.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- a) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.
- b) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là: 10.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.
- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- d) Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của tháng.

3.5. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu

- a) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch chứng khoán quản lý và vận hành chỉ số VNSHINE.
- b) Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu được tính theo tỷ lệ quy định tại bảng dưới đây:

Tiền dịch vụ tối thiểu/năm	Tiền dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)				
	(VND)	Dưới 500 tỉ đồng	Từ 500 đến dưới 1000 tỉ đồng	Từ 1000 đến dưới 2000 tỉ đồng	Từ 2000 tỉ đồng trở lên
240.000.000		0,080	0,065	0,055	0,040

Kể từ ngày hiệu lực của Hợp đồng ký giữa Công ty quản lý quỹ và HOSE cho đến ngày liền kề trước ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE, giá dịch vụ được tính theo tỷ lệ dựa trên mức Tiền Dịch Vụ tối thiểu.

Kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE của Quỹ ETF, giá dịch vụ được tính theo mức giá dịch vụ cơ bản.

- c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

- d) Mức giá áp dụng, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.
- e) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

3.6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

- a) Giá dịch vụ tính iNAV là: 0,05% NAV/năm, tính cộng dồn trên Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu 50.000.000 đồng/năm (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- b) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c) Công thức tính Giá dịch vụ tính iNAV vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính iNAV cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính iNAV (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
- d) Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

3.7. Các loại chi phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác;
- b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- d) Chi phí trả cho thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường theo các hợp đồng đã ký;
- e) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
- f) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- g) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- h) Thù lao cho Ban đại diện quỹ,
- i) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
- j) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
- k) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- l) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật;
- m) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ

Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:

- a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;
- b) Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;
- c) Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu;
- d) Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ (iNAV, TE,...);
- e) Chi phí trả cho Thành viên lập quỹ, Tổ chức tạo lập thị trường;
- f) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- g) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;
- h) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
- i) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong kỳ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các Ngày định giá trong kỳ đó chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

- a) Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 100\%}{(2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ})}$$

- b) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 01 năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán ra trong kỳ}) \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{[2 \times \text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ} \times \text{Thời gian hoạt động của Quỹ (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)]}$$

4.3. Mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu

Mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (T) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó:

R_i là mức chênh lệch giữa biến động Giá trị tài sản ròng của 1 Lô chứng chỉ quỹ (NAV/CU) và biến động của Chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (T), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{\left(\frac{NAV}{CU}\right)_i}{(NAV/CU)_{i-1}} \right] - \ln \left(\frac{\text{Chỉ số tham chiếu}_i}{\text{Chỉ số tham chiếu}_{i-1}} \right)$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

n là số tuần trong 06 tháng kể từ tuần thứ i trở về trước ($n=26$).

Trường hợp thời gian hoạt động của Quỹ chưa tới 06 tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

5. Phương thức tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

a) Thu nhập của Quỹ bao gồm:

- Cổ tức;
- Lãi trái phiếu;
- Lãi tiền gửi;
- Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
- Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

b) Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua.

c) Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng Chứng Chỉ Quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã

đăng ký của Nhà đầu tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

d) Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật
- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;

e) Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho Nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do Nhà đầu tư chịu.

f) Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

6. Chính sách thuế

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán Chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của Pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến Nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

7. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán nêu trong Bản cáo bạch này chỉ mang tính tham khảo, không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

8. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Báo cáo hoạt động của Quỹ sẽ được công bố định kỳ theo quy định của pháp luật. Các báo cáo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ tại địa chỉ: <http://www.phfm.vn>.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Để hạn chế xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ, xung đột lợi ích giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ sẽ:

- a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
- b) Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, của các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác;
- c) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.
- d) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện và công bố thông tin các báo cáo định kỳ, bất thường của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm như sau:

1. Công ty quản lý quỹ định kỳ hằng tháng, quý, năm gửi Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ thông kê giao dịch và báo cáo về thay đổi Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Thời hạn cung cấp thông tin không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ.
2. Công ty quản lý quỹ cung cấp cho Nhà đầu tư, Thành viên lập quỹ trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ các tài liệu sau đây:
 - a) Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt;
 - b) Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - c) Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và cả năm;
 - d) Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và cả năm;
 - e) Báo cáo về hoạt động đầu tư của Quỹ, hằng tháng, bán niên và cả năm.
3. Trong vòng 24 giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại Ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của mình và HOSE các thông tin sau:
 - a) Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;
 - b) Số Lô chứng chỉ quỹ đã phát hành, đã mua lại từ các Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư; chênh lệch so với Ngày giao dịch hoán đổi trước đó;
 - c) Thông tin về khối lượng Chứng chỉ quỹ niêm yết, giao dịch trên HOSE; thông tin về biến động giá giao dịch Chứng chỉ quỹ, giá đóng cửa cuối ngày của Chứng chỉ quỹ, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;
 - d) Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Lô chứng chỉ quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động Giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; Chỉ số tham chiếu và biến động của Chỉ số tham chiếu;
 - e) Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các Lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);
 - f) Sai lệch của cơ cấu Danh mục đầu tư so với hạn chế đầu tư và việc điều chỉnh lại cơ cấu Danh mục đầu tư (nếu có);
 - g) Việc định giá sai Giá trị tài sản ròng của Quỹ (nếu có);
 - h) Giải thể quỹ (nếu có);
 - i) Thay thế Ngân hàng giám sát (nếu có);
 - j) Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);
 - k) Các thông tin khác phải công bố thông tin theo quy định pháp luật có liên quan.
4. Định kỳ hằng tuần, Công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của mình mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error - TE).
5. Định kỳ 06 tháng và hằng năm, Công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình các nội dung sau:
 - a) Thông tin về hiệu quả hoạt động của Quỹ ETF so với Chỉ số tham chiếu (nếu có);
 - b) Thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);
 - c) Tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ ETF. Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định hằng năm, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hằng năm.

XIV. ĐỊA CHỈ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Địa chỉ liên hệ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 5413 7991

Email: phfm@phfm.vn

Website: <http://www.phfm.vn>

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

Phụ lục 1. Danh sách thành viên lập quỹ và đại lý phân phối

Phụ lục 2. Hướng dẫn Nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ ETF

Phụ lục 3. Các biểu mẫu giao dịch chứng chỉ quỹ

Phụ lục 4. Phương pháp xác định giá trị tài sản

Phụ lục 5. Dự thảo Điều lệ Quỹ

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu



ALBERT KWANG - CHIN TING

**TỔNG GIÁM ĐỐC CTCP QUẢN LÝ
QUỸ PHÚ HƯNG**



LƯU HUI - HUNG

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH THÀNH VIÊN LẬP QUỸ VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Danh sách các thành viên lập quỹ kiêm đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ ETF PHFM VNSHINE như sau:

1. Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên viết tắt: HSC
- Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh City Securities Corporation
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/04/2003 (được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 56/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3823 3299 Fax: 028 3823 3301

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

- Trụ sở chính: Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3823 3299 Fax: 028 3823 3301

2. Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

- Tên viết tắt: MAS
- Tên tiếng Anh: Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 130/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/11/2021 (được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/5/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

- Trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

3. Công ty cổ phần Chứng khoán Vietcap

- Tên viết tắt: Vietcap
- Tên tiếng Anh: Vietcap Securities Joint Stock Company
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/11/2007 (được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 28/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/7/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh và Tầng 3, Tòa nhà Vinatex – Tài Nguyên, số 10 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028 3914 3588 Fax: 028 3914 3209

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

- Trụ sở chính: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3914 3588 Fax: 028 3914 3209

4. Công ty cổ phần Chứng khoán Finhay

- Tên viết tắt: FHSC
- Tên tiếng Anh: Finhay Securities Joint Stock Company
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 50/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2006 (được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/8/2022.
- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 6687 8996

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

- Trụ sở chính: Phòng 702, Tầng 7, Tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 6687 8996

5. Công ty cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

- Tên viết tắt: PHS
- Tên tiếng Anh: Phu Hung Securities Corporation
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 122/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/01/2016 (được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 57/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/12/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 5413 5479 Fax: 028 5413 5472

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

- Trụ sở chính: Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 5413 5479 Fax: 028 5413 5472

6. Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

- Tên viết tắt: BVSC
- Tên tiếng Anh: Bao Viet Securities Joint Stock Company
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/11/1999 (được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 21/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/6/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

- Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

- Trụ sở chính: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (84-24) 3928 8080 Fax: (84-24) 3928 9888
- Phòng giao dịch 233 Đồng Khởi – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng trệt, Tòa nhà Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84-28) 3914 6888 Fax: (84-28) 3914 7999

7. Công ty cổ phần Chứng khoán OCBS

- Tên viết tắt: OCBS
- Tên tiếng Anh: OCBS Securities Joint Stock Company
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/9/2014 (được điều chỉnh tại từng thời điểm).
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 32/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/01/2026.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, Số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 7108 8848 Fax: 028 3915 2931

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

- Trụ sở chính: Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark, số 15 đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 7108 8848 Fax: 028 3915 2931
- Chi nhánh Hà Nội: Tầng 8, số 265 Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 024 7108 8848 Fax: 024 3944 5889

PHỤ LỤC 2. HƯỚNG DẪN NHÀ ĐẦU TƯ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

I. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ĐỊNH KỲ (GIAO DỊCH SƠ CẤP)

Bước 1: Nghiên cứu các tài liệu Quỹ

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ ETF PHFM VNSHINE, Nhà đầu tư cần hiểu rõ các đặc trưng của Quỹ như loại hình hoạt động, mục tiêu đầu tư, đặc tính rủi ro, phương thức giao dịch v.v... Nhà đầu tư vui lòng đọc kỹ các tài liệu của Quỹ bao gồm Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ, v.v... được đăng tải trên website: <https://phfm.vn>.

Bước 2: Mở tài khoản chứng khoán tại Thành viên lập quỹ (AP)

Đối với Nhà đầu tư chưa có tài khoản chứng khoán tại Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư cần mở tài khoản chứng khoán tại 01 Thành viên lập quỹ bất kỳ. Nhà đầu tư lựa chọn Thành viên lập quỹ được liệt kê trong Danh sách Thành viên lập quỹ tại Phụ Lục 1 của Bản cáo bạch hoặc trên website: <https://phfm.vn>.

Bước 3: Nộp Lệnh giao dịch hoán đổi tại AP

Nhà đầu tư (cá nhân, tổ chức) cần sở hữu chứng khoán và đáp ứng đầy đủ như trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi **nếu muốn đổi lấy Lô ETF PHFM VNSHINE**.

Nhà đầu tư cần sở hữu tối thiểu 01 Lô chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE (tương ứng với 100.000 Chứng chỉ quỹ) tại Ngày thực hiện Giao dịch hoán đổi **nếu hoán đổi lấy Danh mục chứng khoán cơ cấu**.

Trường hợp Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư một (một số) mã chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định của pháp luật thì Nhà đầu tư cần gửi thông báo cho Công ty quản lý quỹ trước 12h ngày liền trước Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T-1)

Trước 9h00 sáng Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T), Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo trên website và các phương tiện truyền thông khác về Danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị một Lô chứng chỉ quỹ dùng để hoán đổi và số tiền nộp bổ sung đối với trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền.

Nhà đầu tư hoàn tất hồ sơ đặt Lệnh giao dịch hoán đổi và gửi đến Thành viên lập quỹ nơi mà Nhà đầu tư có tài khoản trước 14h40 Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T).

Bước 4: Xác nhận kết quả giao dịch

Sau khi nhận được các Lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà đầu tư thông qua Thành viên lập quỹ, Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (VSDC) sẽ kiểm tra và thực hiện các Giao dịch hoán đổi mà Nhà đầu tư đã đăng ký.

Vào ngày làm việc thứ nhất kể từ Ngày hoán đổi (ngày T+1), Đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch cho Công ty quản lý quỹ.

Chứng chỉ quỹ ETF hoặc Danh mục chứng khoán cơ cấu sẽ được ghi nhận vào tài khoản chứng khoán của Nhà đầu tư.

Tiền chênh lệch (nếu có) sẽ được chuyển vào tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư đã đăng ký với Thành viên lập quỹ.

(*) Lưu ý những trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền do:

- Phát sinh chênh lệch giữa giá trị Danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị một Lô chứng chỉ quỹ.
- Những mã chứng khoán nằm trong Danh mục chứng khoán cơ cấu mà Nhà đầu tư bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật.

Nhà đầu tư phải đảm bảo tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF PHFM VNSHINE trước 14h00 ngày làm việc liền sau Ngày giao dịch hoán đổi (T+1).

Trong trường hợp Quỹ ETF phải thanh toán phần chênh lệch bằng tiền cho Nhà đầu tư/Thành viên lập quỹ thì Ngân hàng giám sát sẽ hoàn trả vào ngày làm việc thứ ba kể từ Ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+3).

Quá trình và thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi được nêu chi tiết trong mục “Giao dịch hoán đổi sơ cấp” tại Bản cáo bạch của Quỹ ETF PHFM VNSHINE.

Thông tin thanh toán

Việc thanh toán các khoản bằng tiền (nếu có) sẽ được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF PHFM VNSHINE tại Ngân hàng giám sát bằng tiền Đồng Việt Nam, chi tiết như sau:

Tên người thụ hưởng:	Quỹ ETF PHFM VNSHINE
Số tài khoản:	Sẽ thông báo trên website của Công ty quản lý quỹ
Tên ngân hàng:	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Số tiền nộp:	...
Nội dung:	[tên Nhà đầu tư] [Số tài khoản giao dịch chứng khoán] chuyển cho Quỹ ETF PHFM VNSHINE

Nhà đầu tư vui lòng đọc kỹ chi tiết cách thức Giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ ETF PHFM VNSHINE tại Bản cáo bạch trước khi tiến hành giao dịch.

II. GIAO DỊCH THỨ CẤP THÔNG QUA HOSE

Việc đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE được thực hiện tương tự như giao dịch cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán. Thời gian và phương thức đặt lệnh giao dịch được thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.

Bước 1: Nghiên cứu tài liệu Quỹ và mở tài khoản chứng khoán

Trước khi tham gia đầu tư vào Quỹ ETF PHFM VNSHINE, Nhà đầu tư cần hiểu rõ về Quỹ như thông qua các tài liệu của Quỹ như Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ, v.v... có tại website: <https://phfm.vn>.

Nhà đầu tư cần mở tài khoản chứng khoán tại công ty chứng khoán (nếu chưa có) để có thể đặt lệnh giao dịch.

Bước 2: Thực hiện giao dịch

Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch mua hoặc bán mã Chứng chỉ quỹ ETF PHFM VNSHINE (sẽ được cung cấp sau khi Quỹ được cấp Giấy chứng nhận lập quỹ và hoàn thành thủ tục cấp mã chứng khoán tại VSDC) qua các tài khoản chứng khoán của mình.

Nhà đầu tư sẽ giao dịch theo giá được niêm yết trên HOSE theo các quy định khớp lệnh của HOSE.

Bước 3: Kết quả giao dịch

Nhà đầu tư sẽ nhận được thông báo kết quả giao dịch từ công ty chứng khoán nơi Nhà đầu tư đặt lệnh mua, bán Chứng chỉ quỹ sau khi khớp lệnh.

Chu kỳ tiền và Chứng chỉ quỹ về tài khoản của Nhà đầu tư sẽ tương tự với chứng khoán niêm yết thông thường và theo quy định của VSDC.

(*) Lưu ý: Chứng chỉ quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ (margin) và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.

PHỤ LỤC 3. CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

STT	Tên Biểu mẫu
1	Giấy đăng ký góp vốn lập quỹ etf trong giai đoạn ipo
2	Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn
3	Bảng kê chứng khoán cơ cấu góp vốn
4	Đề nghị xác nhận số dư chứng khoán (để thực hiện việc góp vốn lập Quỹ ETF)
5	Giấy đề nghị sửa / hủy giao dịch
6	Lệnh giao dịch hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF
7	Đề nghị xác nhận số dư chứng khoán (để thực hiện giao dịch hoán đổi mua Chứng chỉ quỹ ETF)
8	Lệnh giao dịch hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu
9	Xác nhận số dư Chứng chỉ quỹ ETF (để thực hiện Giao dịch hoán đổi lấy Chứng khoán cơ cấu)

GIẤY ĐĂNG KÝ GÓP VỐN LẬP QUỸ ETF TRONG GIAI ĐOẠN IPO
REGISTRATION FOR ETF CREATION ORDER DURING IPO

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To *Authorized Participant/Distributor*
 - **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)**
 Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ / INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư: <i>Full name of Investor</i>	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch: <i>Business License No./Identification No./Trading Code</i>	
Ngày cấp: <i>Issuing Date</i>	Nơi cấp: <i>Issuing Place</i>
Quốc tịch: <i>Nationality</i>	Số điện thoại: <i>Phone number</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Depository account number</i>	
Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại khoản tiền chênh lệch hoặc trường hợp giao dịch không hợp lệ hoặc đợt chào bán không thành công:

In case the creation request is invalid or the IPO is not successful, the Cash Component shall be refunded to Investor's account with details as below:

Tên chủ tài khoản <i>Bank account name</i>	Số tài khoản <i>Bank account number</i>
Tại ngân hàng <i>At Bank</i>	Chi nhánh <i>Branch</i>

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN / CREATION REQUEST DETAILS

Căn cứ vào Thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ ETF lần đầu để lập Quỹ ETF của PHFM, Tôi/Chúng tôi đăng ký đặt mua số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu để lập Quỹ như sau:

Pursuant to the IPO Announcement of ETF managed by PHFM, I/We would like to register to purchase ETF Creation Units as below:

Mã ETF <i>ETF Code</i>	Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua <i>Number of ETF Creation Units registered for creation</i>

Tôi/Chúng tôi cam kết thực hiện đúng quy định về việc đăng ký góp vốn và thực hiện góp vốn lập Quỹ tại Bản cáo bạch, Điều lệ quỹ và hướng dẫn của PHFM.

I am/We are committed to comply with all the regulations of contribution registration and establishment of the Fund as stipulated in the Prospectus, Fund Charter, and guidelines from PHFM.

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ / INVESTOR
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date:.....
(dd/mm/yyyy)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ PHONG TỎA VÀ CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU
CHỨNG KHOẢN CƠ CẤU GÓP VỐN**
REQUEST OF BLOCKAGE AND TRANSFER OWNERSHIP OF COMPONENT SECURITIES

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To *Authorized Participant/Distributor*
- **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)**
Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

Tôi/Chúng tôi là:

I/We are

Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch:

Business License No./Identification No./Trading Code

Ngày cấp:

Issuing Date

Nơi cấp:

Issuing Place

Quốc tịch:

Nationality

Số điện thoại:

Phone number

Địa chỉ liên hệ:

Contact address

Căn cứ vào Thông báo về việc chào bán Chứng chỉ quỹ ETF lần đầu để lập Quỹ ETF của PHFM, Tôi/Chúng tôi đã đăng ký đặt mua số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF như sau:

Pursuant to the IPO Announcement of ETF managed by PHFM, I/We registered to purchase ETF Creation Units as below:

STT <i>No.</i>	Mã ETF <i>ETF Code</i>	Số lượng Lô chứng chỉ quỹ ETF đặt mua <i>Number of ETF Creation Units registered for creation</i>

Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Thành viên và VSDC thực hiện phong tỏa số chứng khoán trên các tài khoản lưu ký của Tôi/Chúng tôi đã nêu tại Bảng kê chứng khoán cơ cấu góp vốn gửi kèm Giấy này theo đúng quy định để lập quỹ. Khi đợt phát hành thành công, đề nghị Quý Thành viên và VSDC chủ động chuyển quyền sở hữu số Chứng khoán cơ cấu góp vốn của Tôi/Chúng tôi cho Quỹ ETF nêu trên và chuyển các Chứng chỉ quỹ ETF mà chúng tôi đặt mua vào tài khoản lưu ký của Tôi/Chúng tôi như sau:

I/We request you and VSDC to block the securities on my/our custody accounts as stated in the Statement of contributed component securities attached to this Letter complies with the regulations for setting up the fund. When the issuance is successful, I/We request you and VSDC to actively transfer the ownership of my/our contributed component securities to the ETF mentioned above and transfer the ETF certificates that I/We order into my/our custody account as follows:

Họ và tên Nhà đầu tư <i>Full name of Investor</i>	
Số ĐKSH <i>Ownership registration No.</i>	Ngày cấp <i>Issuing Date</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Depository account number</i>	
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản: <i>At the Custody member</i>	

Tôi/Chúng tôi cam kết số chứng khoán cơ cấu dùng để góp vốn này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tôi/Chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện đang bị tranh chấp (văn bản xác nhận của Thành viên nơi Tôi/Chúng tôi mở tài khoản đính kèm).

I/We commit that the component securities used for capital contribution is under my/our legal ownership, is freely transferable and is not subject to dispute (Attached the written confirmation of the Member where I/We open the account).

Tôi/Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ

INVESTOR

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date:.....
(dd/mm/yyyy)

BẢNG KÊ CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
(Đính kèm Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu Chứng khoán cơ cấu góp vốn)
LIST OF COMPONENT SECURITIES
(Attached to Request of Blockage and Transfer Ownership of Component Securities)

STT No.	Thông tin về số lượng Chứng khoán cơ cấu và tài khoản sử dụng để góp vốn (*) <i>Information of component securities and depository account(s) (*)</i>					
	Điền số tài khoản lưu ký của Nhà đầu tư tại TVLK <i>Fill in depository account number at Depository Member</i>		Thành Viên Lưu Ký 1 <i>Depository Member 1</i>	Thành Viên Lưu Ký 2 <i>Depository Member 2</i>	Thành Viên Lưu Ký 3 <i>Depository Member 3</i>	Thành Viên Lưu Ký 4 <i>Depository Member 4</i>
	Mã chứng khoán <i>Security code</i>	Tổng số lượng <i>Total quantity</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Số lượng <i>Quantity</i>
1
2

(*) Thông tin về số lượng Chứng khoán cơ cấu và tài khoản sử dụng để thực hiện giao dịch hoán đổi đã được các Thành viên nơi mở tài khoản xác nhận theo các văn bản đính kèm.

(*) *Information of Component Securities and custody account(s) are certified by the Depository Members as attached.*

Các Chứng khoán cơ cấu trong danh mục được nộp thay thế bằng tiền (nếu có)

Information of Component Securities which are allowed to be replaced by cash (if any):

STT No.	Mã chứng khoán <i>Security code</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu <i>Cash equivalent to 1 stock</i>	Tổng giá trị tiền nộp thay thế <i>Total equivalent cash replacing stocks</i>	Lý do được góp thay thế bằng tiền <i>Reason for being replaced by cash</i>
1
2

NHÀ ĐẦU TƯ
INVESTOR
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date:.....
(dd/mm/yyyy)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG KHOÁN
(Để thực hiện việc góp vốn lập Quỹ ETF)
SECURITIES BALANCE CONFIRMATION REQUEST
(To subscribe for ETF creation units)

Kính gửi: - **Thành viên lưu ký**
To: Depository Member

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ / INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư: <i>Full name of Investor</i>	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch: <i>Business License No./Identification No./Trading Code</i>	
Ngày cấp: <i>Issuing Date</i>	Nơi cấp: <i>Issuing Place</i>
Quốc tịch: <i>Nationality</i>	Số điện thoại: <i>Phone number</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Depository account number</i>	
Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN / CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh sách đính kèm.

I/We hereby request you to confirm and block the transferable securities in my/our Depository Account as attached.

Mục đích đề nghị xác nhận: Bổ sung hồ sơ phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF.

Purpose of request: To complete ETF IPO participation documents.

Thời gian phong tỏa: Trong thời gian thực hiện thủ tục phong tỏa góp vốn lập Quỹ ETF cho đến khi có Thông báo của VSDC giải tỏa hoặc chuyển quyền sở hữu số chứng khoán này.

Time of blockage: Until the time of receiving the Notice of release or transfer the securities ownership from VSDC.

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN / DECLARATION AND CONFIRMATION

<p>Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này. <i>I am/We are committed to use this certified document to provide to related parties for the purpose mentioned above and shall be legally responsible for my/our request.</i></p> <p style="text-align: center;">NHÀ ĐẦU TƯ INVESTOR (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i></p> <p>Ngày/Date..... <i>(dd/mm/yyyy)</i></p>	<p>XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản. <i>We confirm the account holder has sufficient balance of securities as described above and we have blocked the account according to the request of the account holder.</i></p> <p style="text-align: center;">ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN AUTHORIZED REPRESENTATIVE (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i></p> <p>Ngày/Date..... <i>(dd/mm/yyyy)</i></p>
---	---

BẢNG KÊ CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
(Đính kèm Văn bản đề nghị xác nhận số dư chứng khoán)
LIST OF COMPONENT SECURITIES
(Attachment of Securities Balance Confirmation Request)

STT No.	Mã chứng khoán Securities Code	Số lượng Quantity
1
2

GIẤY ĐỀ NGHỊ SỬA / HỦY GIAO DỊCH
MODIFICATION/CANCELLATION REQUEST

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To *Authorized Participant/Distributor*
- **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)**
Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ / INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư: <i>Full name of Investor</i>	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch: <i>Business License No./Identification No./Trading Code</i>	
Ngày cấp: <i>Issuing Date</i>	Nơi cấp: <i>Issuing Place</i>
Quốc tịch: <i>Nationality</i>	Số điện thoại: <i>Phone number</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Depository account number</i>	
Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	

II. THÔNG TIN ĐIỀU CHỈNH HOẶC HỦY LỆNH / MODIFICATION/CANCELLATION DETAILS

Tôi/ Chúng tôi đề nghị Quý Đơn Vị sửa/hủy lệnh giao dịch cho

I/We request to modify/cancel the trading order for

- Giai đoạn IPO/IPO period:
- Kỳ giao dịch hoán đổi ngày/*Trading date as of//*

Cụ thể như sau/*As below:*

Mã ETF <i>ETF Code</i>	Loại lệnh <i>Type of Request</i>	Thông tin lệnh ban đầu <i>Information of initial request</i>	Thông tin lệnh điều chỉnh <i>Information of modified request</i>	Lý do điều chỉnh <i>Reason of modification</i>
		Số lượng đặt lệnh <i>Quantity</i>	Số lượng đặt lệnh <i>Quantity</i>	

Tôi/Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin trên. Tôi/Chúng tôi đề nghị Quý Đơn vị điều chỉnh lệnh đặt mua/bán theo yêu cầu của Tôi/Chúng tôi.

I/We hereby declare that all information given in this form is true and accurate. I/We propose the Authorized Participants to modify my/our creation/redemption request.

NHÀ ĐẦU TƯ
INVESTOR
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date:.....
(dd/mm/yyyy)

III. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ / *AUTHORIZED PARTICIPANT DETAILS*

Xác nhận của TVLQ/ĐLPP đồng ý cho Nhà đầu tư/TVLQ điều chỉnh/hủy lệnh giao dịch:

Confirmation of AP/Distributor for Investor/AP to modify/cancel the request

Tên TVLQ/ĐLPP:

AP/Distributor's name

Nhân viên nhận lệnh

Order receiver

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Nhân viên kiểm soát

Supervisory officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Đại diện có thẩm quyền

Authorized representative

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp and full name)

**LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
LẤY LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF**
*CREATION ORDER OF EXCHANGING COMPONENT SECURITIES
FOR ETF CREATION UNITS*

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To *Authorized Participant/Distributor*
- **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)**
Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ / INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư <i>Full name of Investor</i>	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch <i>Business License No./Identification No./Trading Code</i>	
Ngày cấp <i>Issuing Date</i>	Nơi cấp <i>Issuing Place</i>
Quốc tịch <i>Nationality</i>	Số điện thoại <i>Phone number</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Custody Account number</i>	
Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc trong trường hợp số tiền Nhà đầu tư góp thay thế bằng tiền lớn hơn số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra để mua các mã chứng khoán bị hạn chế.

In case that value of Component Securities is higher than the Net Asset Value of a Creation Unit or if the cash contribution amount is higher than the actual purchasing cost of stocks which Investor is limited to buy, the different amount shall be refunded to Investor's account with details as follows:

Tên chủ tài khoản <i>Bank account name</i>	Số tài khoản <i>Bank account number</i>
Tại ngân hàng <i>At Bank</i>	Chi nhánh <i>Branch</i>

II. THÔNG TIN HOÁN ĐỔI/EXCHANGE DETAILS

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ ETF như sau:

I/We register to exchange Component Securities for ETF Creation Units as follows

Mã ETF <i>ETF Code</i>	Số lượng Lô chứng chỉ Quỹ ETF đặt mua <i>Number of ETF Creation Units registered for creation</i>

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị VSDC phong tỏa số chứng khoán trên (các) tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại "Bảng kê chứng khoán cơ cấu hoán đổi" đính kèm theo lệnh hoán đổi này.

I/We request VSDC to block the securities in my/our Depository Account(s) mentioned in the "Statement of Component Securities" attached.

Tôi/Chúng tôi cam kết số chứng khoán dùng để hoán đổi này thuộc toàn quyền sở hữu hợp pháp của tôi/chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện bị tranh chấp, cầm cố, thế chấp hay bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I am/We are committed that the component securities for exchange are of my/our lawful ownership, are transferable, undisputed, and not mortgaged, pledged, or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị VSDC chuyển khoản số lượng Chứng Chỉ Quỹ ETF mà tôi/chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán Lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSDC to transfer automatically the ETF Units that we are entitled to receive on settlement date to my/our securities Custody Account with details below:

Họ và tên Nhà đầu tư <i>Full name of Investor</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Depository account number</i>
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản: <i>At the Custody member</i>

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN / DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi xác nhận đã đọc và chấp nhận các quy định trong Bản cáo bạch liên quan đến việc nộp bổ sung cho Quỹ ETF các khoản tiền trong trường hợp chứng khoán trong Danh mục chứng khoán cơ cấu có sự kiện doanh nghiệp phát sinh mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF PHFM VNSHINE trong thời gian thực hiện Giao dịch hoán đổi.

I/We confirm that we have read and accepted all the terms in the Prospectus regarding the commitment to transfer additional cash to ETF in case the securities in the Basket Component Securities have corporate actions but ETF cannot record due to the transfer of ownership has not been completed in the exchange transaction period.

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ

INVESTOR

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date:.....
(dd/mm/yyyy)

IV. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ / AUTHORIZED PARTICIPANT DETAILS

Tên TVLQ/DLPP:

AP/Distributor's name

Nhân viên nhận lệnh

Order receiver

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Nhân viên kiểm soát

Supervisory officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Đại diện có thẩm quyền

Authorized representative

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp and full name)

VĂN BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG KHOÁN
(Để thực hiện Giao dịch hoán đổi mua Chứng chỉ quỹ ETF)
SECURITIES BALANCE CONFIRMATION
(for ETF creation order)

Kính gửi: - **Thành viên lưu ký**
To *Depository Member*

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ / INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư: <i>Full name of Investor</i>	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch: <i>Business License No./Identification No./Trading Code</i>	
Ngày cấp: <i>Issuing Date</i>	Nơi cấp: <i>Issuing Place</i>
Quốc tịch: <i>Nationality</i>	Số điện thoại: <i>Phone number</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Depository account number</i>	
Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOÁN / CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số chứng khoán tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh mục sau.

I/We hereby request you to confirm and block the transferable securities in my/our Depository Account as follows.

STT <i>No.</i>	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Số lượng <i>Quantity</i>
1
2
3
...

Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa để thực hiện Giao dịch hoán đổi lấy Chứng chỉ quỹ ETF như sau

Purpose: Blocking the securities to exchange for ETF Creation Units as follows

Mã ETF <i>ETF Code</i>	Ngày giao dịch hoán đổi <i>Exchange-traded date</i>	Ngày thanh toán <i>Settlement date</i>

Thời gian phong tỏa: Từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết Ngày thanh toán.

Time of blockage: From the trading date to the settlement date.

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN / DECLARATION AND CONFIRMATION

<p>Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này. <i>I am/We are committed to use this certified document to provide to related parties for the purpose mentioned above and shall be legally responsible for my/our request.</i></p> <p>NHÀ ĐẦU TƯ INVESTOR (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i></p> <p>Ngày/Date..... <i>(dd/mm/yyyy)</i></p>	<p>XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản. <i>We confirm the account holder has sufficient balance of securities as described above and we have blocked the account according to the request of the account holder.</i></p> <p>ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN AUTHORIZED REPRESENTATIVE (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i></p> <p>Ngày/Date..... <i>(dd/mm/yyyy)</i></p>
---	--

**LỆNH GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
LẤY CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU**
*REDEMPTION ORDER EXCHANGING ETF CREATION UNITS
FOR COMPONENT SECURITIES*

Kính gửi: - **Thành viên lập quỹ/Đại lý phân phối**
To *Authorized Participant/Distributor*
- **Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC)**
Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC)

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ / INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư <i>Full name of Investor</i>	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch <i>Business License No./Identification No./Trading Code</i>	
Ngày cấp <i>Issuing Date</i>	Nơi cấp <i>Issuing Place</i>
Quốc tịch <i>Nationality</i>	Số điện thoại <i>Phone number</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Custody Account number</i>	
Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	

Nhà đầu tư đăng ký tài khoản ngân hàng nhận lại các khoản tiền chênh lệch hoặc trong trường hợp số tiền Nhà đầu tư góp thay thế bằng tiền lớn hơn số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra để mua các mã chứng khoán bị hạn chế.

In case that value of Component Securities is higher than the Net Asset Value of a Creation Unit or if the cash contribution amount is higher than the actual purchasing cost of stocks which Investor is limited to buy, the different amount shall be refunded to Investor's account with details as follows:

Tên chủ tài khoản <i>Bank account name</i>	Số tài khoản <i>Bank account number</i>
Tại ngân hàng <i>At Bank</i>	Chi nhánh <i>Branch</i>

II. THÔNG TIN HOÁN ĐỔI / EXCHANGE DETAILS

Tôi/Chúng tôi đăng ký hoán đổi Lô chứng chỉ quỹ ETF lấy Chứng khoán cơ cấu như sau:

I/We register to exchange ETF Creation Units for Component Securities as follows:

Mã ETF <i>ETF Code</i>	Ngày giao dịch hoán đổi <i>Exchange Transaction Date</i>	Ngày thanh toán <i>Ngày thanh toán</i>

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị VSDC phong tỏa số Lô chứng chỉ quỹ ETF trên (các) tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi đã nêu tại "Bảng kê Chứng chỉ quỹ ETF" đính kèm theo lệnh hoán đổi này.

I/We request VSDC to block the ETF Creation Units in my/our Depository Account(s) mentioned in the "List of ETF Creation Units" attached.

Tôi/Chúng tôi cam kết số Chứng chỉ quỹ dùng để hoán đổi này thuộc toàn quyền sở hữu hợp pháp của tôi/chúng tôi, là loại tự do chuyển nhượng và không thuộc diện bị tranh chấp, cầm cố, thế chấp hay bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào. Vui lòng xem đính kèm bản xác nhận của (các) Thành viên lưu ký nơi tôi/chúng tôi mở tài khoản.

I am/We are committed that the ETF Creation Units for exchange are of my/our lawful ownership, are transferable, undisputed, and not mortgaged, pledged, or secured for any liability. Please refer to the Confirmation of Depository Member(s) form as attached.

Tôi/Chúng tôi đồng thời đề nghị VSDC chuyển khoản số lượng Chứng khoán cơ cấu mà tôi/chúng tôi nhận được tại ngày thanh toán lệnh hoán đổi vào tài khoản lưu ký của tôi/chúng tôi như sau:

I/We request VSDC to transfer automatically the Component Securities that we are entitled to receive on settlement date to my/our Depository Account with details below

Họ và tên Nhà đầu tư <i>Full name of Investor</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Depository account number</i>
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản: <i>At the Custody member</i>

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN / DECLARATION AND CONFIRMATION

Tôi/Chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đề nghị nêu trên của mình.

I/We shall take full responsibility for my/our above request.

NHÀ ĐẦU TƯ

INVESTOR

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp, full name)

Ngày/Date:.....
(dd/mm/yyyy)

IV. THÔNG TIN THÀNH VIÊN LẬP QUỸ / AUTHORIZED PARTICIPANT DETAILS

Tên TVLQ/ĐLPP:

AP/Distributor's name

Nhân viên nhận lệnh

Order receiver

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Nhân viên kiểm soát

Supervisory officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign, full name)

Đại diện có thẩm quyền

Authorized representative

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Sign, stamp and full name)

VĂN BẢN XÁC NHẬN SỐ DƯ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
(Để thực hiện Giao dịch hoán đổi lấy Chứng khoán cơ cấu)
ETF UNITS CONFIRMATION REQUEST
(To exchange for component securities)

Kính gửi: - **Thành viên lưu ký**
To *Depository Member*

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ / INVESTOR DETAILS

Họ và tên Nhà đầu tư: <i>Full name of Investor</i>	
Số ĐKSH/CCCD/Mã số giao dịch: <i>Business License No./Identification No./Trading Code</i>	
Ngày cấp: <i>Issuing Date</i>	Nơi cấp: <i>Issuing Place</i>
Quốc tịch: <i>Nationality</i>	Số điện thoại: <i>Phone number</i>
Số tài khoản lưu ký <i>Depository account number</i>	
Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	

II. THÔNG TIN XÁC NHẬN CHỨNG KHOẢN / CONFIRMATION DETAILS

Đề nghị Quý Thành viên xác nhận và phong tỏa số Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký nêu trên của tôi/chúng tôi theo danh mục sau.

I/We hereby request you to confirm and block the transferable ETF Units in my/our Depository Account as follows.

Mã ETF <i>ETF Code</i>	Số lượng Chứng chỉ quỹ ETF tự do chuyển nhượng trên Tài khoản lưu ký <i>Number of transferable ETF Units in Depository Account</i>

Mục đích đề nghị xác nhận: Phong tỏa Chứng chỉ quỹ ETF để thực hiện giao dịch hoán đổi lấy Chứng khoán cơ cấu như sau

Purpose: Blocking the ETF Units to exchange for the Component Securities as follows

Mã ETF <i>ETF Code</i>	Ngày giao dịch hoán đổi <i>Exchange transaction date</i>	Ngày thanh toán <i>Settlement date</i>

Thời gian phong tỏa: Từ Ngày giao dịch hoán đổi đến hết Ngày thanh toán

Time of blockage: From the trading date to the settlement date

III. CAM KẾT VÀ XÁC NHẬN / DECLARATION AND CONFIRMATION

<p>Tôi/Chúng tôi cam kết sử dụng văn bản xác nhận này để cung cấp cho bên có liên quan theo đúng mục đích nêu trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc này. <i>I am/We are committed to use this certified document to provide to related parties for the purpose mentioned above and shall be legally responsible for my/our request.</i></p> <p>NHÀ ĐẦU TƯ <i>INVESTOR</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i></p> <p>Ngày/Date..... <i>(dd/mm/yyyy)</i></p>	<p>XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN LƯU KÝ <i>DEPOSITORY MEMBER CONFIRMATION</i> Chúng tôi xác nhận chủ tài khoản có đủ số dư chứng khoán như đã nêu trên tài khoản và đã phong tỏa theo yêu cầu của chủ tài khoản. <i>We confirm the account holder has sufficient balance of securities as described above and we have blocked the account according to the request of the account holder.</i></p> <p>ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN <i>AUTHORIZED REPRESENTATIVE</i> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) <i>(Sign, stamp, full name)</i></p> <p>Ngày/Date..... <i>(dd/mm/yyyy)</i></p>
---	--

PHỤ LỤC 4. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

1. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>- Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá trái phiếu có biến động bất thường (*), là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế;+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. <p><i>Ghi chú:</i></p> <p>(*) Giá trái phiếu (giá sạch) có biến động bất thường là giá thị trường có biến động tăng hoặc giảm lớn hơn 1% so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua (giá sạch) nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.</p> <p>- Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái</p>

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết bình quân (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. - Trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8	Trái phiếu chuyển từ chưa niêm yết thành niêm yết, dẫn tới chênh lệch giá trước niêm yết với giá ngày giao dịch đầu tiên quá lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Giá sạch theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trên sàn. Trường hợp có biến động lớn (đối với trái phiếu doanh nghiệp là 3%, trái phiếu chính phủ là 2%), lấy theo giá mua. - Phần chênh lệch đưa vào lãi/lỗ do đánh giá lại.
Cổ phiếu		
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá của kỳ giao dịch gần nhất (không quá 30 ngày); - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá (trong vòng 30 ngày). - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 30 ngày tính đến ngày định giá, lấy giá trị thấp nhất giữa giá mua và giá tại kỳ định giá gần nhất trước ngày định giá. - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
13	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa trước khi ngừng giao dịch; + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
15	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</p> <p>Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		<p>giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
17	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
18	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
19	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đảo hạn) được VSDC cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
20	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
21	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua;

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		+ Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
22	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền.
23	Quyền mua trái phiếu chuyển đổi	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
24	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Tổng Tài Sản Nợ, Có được xác định theo các nguyên tắc được quy định trong Chuẩn Mục Kế Toán Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
- Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters, Bloomberg, VNBF...) để tham khảo.
- Ngày được nêu trong phương pháp xác định giá này được hiểu là ngày dương lịch.

2. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, Công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x mệnh giá x giá thị trường hiện tại của trái phiếu x hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị tính trên một điểm chỉ số x mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
<p>¹ Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).</p> <p>² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.</p> <p>³ Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).</p>		

PHỤ LỤC 5: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ QUỸ

(Vui lòng xem Dự thảo Điều lệ quỹ được đính kèm)



ĐIỀU LỆ QUỸ

QUỸ ETF PHFM VNSHINE

Tháng / 2026

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	1
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	2
CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	8
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ.....	8
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ.....	8
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ.....	8
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ quỹ chào bán.....	8
Điều 5. Chi định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ.....	10
Điều 6. Công ty quản lý quỹ.....	10
Điều 7. Ngân hàng giám sát.....	10
CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ.....	11
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	11
Điều 9. Chiến lược đầu tư.....	11
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	12
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ.....	13
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư.....	14
CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	15
Điều 13. Nhà đầu tư.....	15
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư.....	15
Điều 15. Điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi Quỹ ETF.....	17
Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư.....	17
Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ ETF.....	18
Điều 18. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lỗ chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại (Giao dịch sơ cấp).....	19
Điều 19. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (Giao dịch thứ cấp).....	25
Điều 20. Giá phát hành, Giá mua lại.....	25
Điều 21. Chuyển nhượng phí thương mại.....	26
Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	26
CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ.....	27
Điều 23. Đại hội nhà đầu tư.....	27
Điều 24. Đại hội nhà đầu tư bất thường.....	28
Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư.....	28
Điều 26. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư.....	30
Điều 27. Phán đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư.....	30
CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ.....	31
Điều 28. Ban đại diện quỹ.....	31
Điều 29. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ.....	32

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ.....	32
Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện quỹ.....	33
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ.....	33
Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện quỹ.....	34
Điều 34. Biên bản họp Ban đại diện quỹ.....	35
CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	35
Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ.....	35
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ.....	36
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ.....	40
Điều 38. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ.....	41
CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	43
Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát.....	43
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát.....	43
Điều 41. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát.....	44
Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát.....	46
CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....	46
Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền.....	46
Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	46
Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	47
Điều 46. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền.....	48
Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	49
CHƯƠNG IX. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG.....	49
Điều 48. Điều kiện lựa chọn thành viên lập quỹ.....	49
Điều 49. Quyền và trách nhiệm của thành viên lập quỹ.....	49
Điều 50. Tổ chức tạo lập thị trường.....	51
CHƯƠNG X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....	51
Điều 51. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ.....	51
Điều 52. Hoạt động của đại lý phân phối.....	52
Điều 53. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ.....	52
CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO.....	54
Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán.....	54
Điều 55. Năm tài chính.....	55
Điều 56. Chế độ kế toán.....	55
Điều 57. Báo cáo tài chính.....	55
Điều 58. Báo cáo khác.....	55
CHƯƠNG XII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	55
Điều 59. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.....	55
Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.....	57
Điều 61. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.....	57

CHƯƠNG XIII. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....	65
Điều 62. Thu nhập của Quỹ.....	65
Điều 63. Phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	65
Điều 64. Các giá dịch vụ, phí do Quỹ trả.....	66
Điều 65. Chi phí hoạt động của Quỹ.....	69
CHƯƠNG XIV. TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ.....	70
Điều 66. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ.....	70
Điều 67. Giải thể Quỹ.....	71
CHƯƠNG XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH.....	73
Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích.....	73
CHƯƠNG XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	73
Điều 69. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư.....	73
Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	74
Điều 71. Đăng ký Điều lệ và điều khoản thi hành.....	74
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	75
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	77
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	78

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022, Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 06 năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;
- Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 09 năm 2025;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025;
- Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 và Thông tư số 08/2026/TT-BTC ngày 03 tháng 02 năm 2026;
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024, Thông tư số 14/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 04 năm 2025 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác (được sửa đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ hoán đổi danh mục”/“Quỹ ETF”/“Quỹ”	là Quỹ ETF PHFM VNSHINE, một quỹ hoán đổi danh mục, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Công ty quản lý quỹ”	nghĩa là Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (gọi tắt là PHFM) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007 (được điều chỉnh tại từng thời điểm), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102594384 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/12/2007 (được thay đổi tại từng thời điểm) với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ PHFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ ETF PHFM VNSHINE, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.
“Bản cáo bạch”	là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin một cách chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ và các thông tin liên quan đến việc chào bán, phát hành, niêm yết và giao dịch chứng chỉ quỹ của Quỹ.
“Chỉ số tham chiếu VNSHINE”/“Chỉ số tham chiếu”	là Chỉ số cổ phiếu tăng cường lợi ích cổ đông Việt Nam “Vietnam Shareholder Interest Enhanced Index” (gọi tắt là “VNSHINE”) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.
“Chứng chỉ quỹ”/“Chứng chỉ quỹ ETF”	là một loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
“Lô chứng chỉ quỹ ETF”/“Lô ETF”	là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Một lô chứng chỉ Quỹ ETF PHFM VNSHINE bao gồm một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ.
“Chứng khoán cơ cấu”	là chứng khoán cơ sở có trong cơ cấu chỉ số tham chiếu của quỹ ETF.
“Danh mục chứng khoán cơ cấu”	là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được công

	ty quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ quỹ.
“Ngày định giá”	là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”/“NAV”	là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.
“Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF”	bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ.
“Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ”	bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành.
“Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ ETF”/“iNAV”	là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF+ được xác định trong phiên giao dịch.
“Giá trị giao dịch”	Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ được phân phối. Giá trị giao dịch trong giao dịch hoán đổi bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi.
“Giao dịch hoán đổi”	là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại. Giao dịch hoán đổi được thực hiện giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
“Lệnh giao dịch hoán đổi”	bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ và/hoặc nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ quỹ ETF và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ và/hoặc nhà đầu tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Ngày giao dịch hoán đổi”	là ngày mà Công ty quản lý quỹ PHFM, thay mặt Quỹ ETF PHFM VNSHINE, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ quỹ ETF từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	là thời điểm cuối cùng mà thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện vào ngày

	<p>giao dịch hoán đổi tương ứng. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định cụ thể tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
“Giá phát hành lần đầu”	<p>là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng.</p> <p>Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều lệ quỹ.</p>
“Giá giao dịch hoán đổi”	<p>là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại trong giao dịch hoán đổi.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là Giá phát hành) là mức giá mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một lô chứng chỉ quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là Giá mua lại) là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại một lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Điều lệ quỹ.</p>
“Giá dịch vụ phát hành”	<p>là mức giá dịch vụ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ.</p>
“Giá dịch vụ mua lại”	<p>là mức giá dịch vụ mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả cho công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.</p>
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	<p>là giá dịch vụ mà Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ.</p>

“Ngân hàng giám sát”	nghĩa là Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được thay đổi tại từng thời điểm) và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều 40 Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
“Công ty kiểm toán”	là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ ETF PHFM VNSHINE, nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công ty kiểm toán do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.
“Thành viên lập quỹ”	là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF với công ty quản lý quỹ.
“Nhà đầu tư”	là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ.
“Đại hội nhà đầu tư”	là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF.
“Ban đại diện quỹ”	là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	là số vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ quỹ.
“VSDC”	là Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
“UBCKNN”	là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

“HOSE”	là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Người có liên quan”	theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26 tháng 11 năm 2019.
“Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”	là ngân hàng giám sát, VSDC được công ty quản lý quỹ ủy quyền cung cấp một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
“Dịch vụ quản trị quỹ”	là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> • Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; • Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; • Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; • Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Hợp đồng đã ký với công ty quản lý quỹ.
“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”	là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: <ul style="list-style-type: none"> • Lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; • Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; • Hỗ trợ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; • Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
“Điều lệ quỹ”	bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi, bổ sung hợp pháp (nếu có).

“Hợp đồng giám sát”	là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
“Số đăng ký nhà đầu tư”	là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về nhà đầu tư và tình trạng sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư.
“Lợi tức quỹ”	là số lợi nhuận còn lại của Quỹ ETF PHFM VNSHINE sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	là mười hai (12) tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Ngày làm việc”	là ngày không phải là thứ bảy, chủ nhật, các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Các định nghĩa khác	các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: QUỸ ETF PHFM VNSHINE

Tên đầy đủ tiếng Anh: PHFM VNSHINE ETF

Tên viết tắt: PHFM VNSHINE

Địa chỉ liên hệ: Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ và không giới hạn về thời gian hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

1. Quỹ ETF PHFM VNSHINE là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Chứng chỉ quỹ và Chứng chỉ quỹ được niêm yết, giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ ETF PHFM VNSHINE có nghĩa vụ thực hiện việc đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy Lô chứng chỉ quỹ và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ và Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành và các điều kiện quy định tại Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
3. Tài sản của Quỹ được lưu ký và giám sát bởi Ngân hàng giám sát.
4. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội nhà đầu tư.
5. Ban đại diện quỹ sẽ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
6. Công ty quản lý quỹ do Đại hội nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ quỹ chào bán

1. Vốn điều lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành tối thiểu 50 (năm mươi) lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là 10.000 VND (mười ngàn Đồng Việt Nam).
2. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ, mỗi thành viên lập quỹ đăng ký mua các lô chứng chỉ quỹ theo thỏa thuận giữa thành viên lập quỹ và công ty quản lý quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn một (01) lô chứng chỉ quỹ.
3. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được thực hiện bằng việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ do Quỹ

phát hành. Việc góp vốn bằng tiền chỉ được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này. Cơ chế, hình thức thanh toán, nguyên tắc xác định số lượng chứng chỉ quỹ phân phối cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trên cơ sở vốn góp bằng danh mục chứng khoán cơ cấu, thủ tục, điều kiện bổ sung bằng tiền được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.

4. Việc tham gia góp vốn thành lập Quỹ bằng tiền sẽ phát sinh trong những trường hợp sau đây:
 - a) Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ.
 - b) Các mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chế chuyển nhượng, hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật; các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; hoặc các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ.
 - c) Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ là nhà đầu tư nước ngoài không thể mua chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch để góp vốn.
 - d) Chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn có sự kiện doanh nghiệp phát sinh như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn.

Quy trình, cách thức thực hiện thanh toán bổ sung bằng tiền được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

5. Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
6. Toàn bộ danh mục chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này sẽ được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại ngân hàng giám sát.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất các thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ tại Sở giao dịch chứng khoán.
8. Quỹ không bị giới hạn về số lượng tối đa chứng chỉ quỹ, lô chứng chỉ quỹ được phép lưu hành.
9. Việc thay đổi số lượng chứng chỉ quỹ, lô chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho UBCKNN.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ quỹ

1. Quỹ chỉ định Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành chứng chỉ quỹ.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ : Công ty cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng

Giấy phép thành lập và hoạt động số : 24/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/12/2007 (được điều chỉnh tại từng thời điểm)

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 5413 7991

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát : Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số : 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 (được thay đổi tại từng thời điểm)

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số : 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/05/2003

Địa chỉ trụ sở chính : Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOSố 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 028 3821 8812

CHƯƠNG II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ ETF PHFM VNSHINE là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của chỉ số tham chiếu.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

1. Chiến lược đầu tư:

Quỹ ETF PHFM VNSHINE sử dụng chiến lược tối ưu hóa để đạt được các mục tiêu đầu tư đã đề ra. Quỹ sẽ hướng đến phương pháp lựa chọn mẫu và tối ưu hóa, ưu tiên các cổ phiếu có giá trị vốn hóa và thanh khoản cao trong và ngoài danh mục chỉ số tham chiếu nhằm mục đích (1) hạn chế rủi ro thanh khoản cho danh mục đầu tư và (2) tinh giản danh mục để thành viên lập quỹ dễ dàng thực hiện hoạt động giao dịch hoán đổi và tạo lập thị trường nhưng vẫn đảm bảo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu tuân theo quy định.

2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư:

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF PHFM VNSHINE có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF PHFM VNSHINE có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục chỉ số tham chiếu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

3. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM VNSHINE bao gồm các chứng khoán trong danh mục của chỉ số tham chiếu và các loại tài sản sau đây:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán, chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ số tham chiếu;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

4. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với mục tiêu và chiến lược đầu tư đã được quy định tại Điều 9 Điều lệ này và Bản cáo bạch. Danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản và bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của Quỹ ETF không được lớn hơn mức sai lệch tối đa quy định tại Điều lệ quỹ, quy định của Sở giao dịch chứng khoán và các quy định của pháp luật.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF PHFM SHINE phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ quỹ và đảm bảo:
 - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
 - c) Trừ trường hợp là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu, không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d và e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
 - d) Không đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ ETF PHFM VNSHINE;
 - e) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
 - (i) Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (ii) Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - (iii) Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - f) Không được đầu tư vào bất động sản;
 - g) Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu;
 - h) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư quy định tại điểm a, b, c, e khoản 2 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - c) Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ đang trong thời gian giải thể;
 - e) Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu thay đổi;
 - f) Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.
4. Trong thời hạn 03 tháng, kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c, e và f khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho UBCKNN và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này.
 5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
 6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện và kết quả khắc phục.
 7. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - a) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận;
 - d) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

2. Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được vượt quá 5% giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là 30 ngày.
3. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ được thực hiện giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu: Để mô phỏng chỉ số tham chiếu, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số tham chiếu VNINDEX theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số tham chiếu mà có độ tương quan cao với chỉ số tham chiếu để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số tham chiếu nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số tham chiếu. Quỹ ETF PHFM VNINDEX có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số tham chiếu hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số tham chiếu khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số tham chiếu tại kỳ xem xét tiếp theo.
2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ thị trường tiền tệ: Việc lựa chọn đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ được thực hiện dựa trên tiêu chí an toàn, tính thanh khoản cao và thời hạn phù hợp với nhu cầu quản lý dòng tiền của Quỹ. Quỹ sẽ tiến hành lựa chọn các công cụ thị trường tiền tệ được phát hành bởi các tổ chức tín dụng có lãi suất tốt và có mức độ tín nhiệm cao.
3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu và công cụ nợ: Quỹ sẽ áp dụng phân tích cơ bản về kinh tế vĩ mô và phân tích cơ bản về doanh nghiệp, các mô hình kỹ thuật, thống kê để lựa chọn các trái phiếu, công cụ nợ có tính thanh khoản và rủi ro ở mức chấp nhận được, phù hợp với mục tiêu của Quỹ.
4. Phương pháp lựa chọn đối với các công cụ đầu tư khác: Quỹ sẽ áp dụng các phương pháp đầu tư phù hợp với từng trường hợp cụ thể, trên cơ sở nguyên tắc thận trọng, đánh giá dựa trên tính pháp lý, tính thanh khoản, mức độ rủi ro, khả năng sinh lời, sự phù hợp với mục tiêu của Quỹ; đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và các văn bản pháp luật có liên quan.
5. Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi của Quỹ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu);
- b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu.

CHƯƠNG III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỞ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ là các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài sở hữu ít nhất một (01) chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư sở hữu.
2. Nhà đầu tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế hoặc xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.
3. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh doanh chứng khoán, công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.
4. Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập Quỹ, mua chứng chỉ quỹ, giao dịch chứng chỉ quỹ mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như các nhà đầu tư khác.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền sau đây:
 - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với tỷ lệ vốn góp.
 - b) Được quyền yêu cầu Công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ thực hiện việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ và ngược lại theo quy định tại Điều lệ này.
 - c) Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ quỹ thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - d) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ tương ứng với số chứng chỉ quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).

- e) Khởi kiện công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
 - f) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau.
 - g) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ.
 - h) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ.
 - i) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
 - j) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư và có nghĩa vụ chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
 - k) Tuân thủ Điều lệ này, chấp hành quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
 - l) Thanh toán đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ, tiền mua chứng chỉ quỹ như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ.
 - m) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.
2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ;
 - b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - (i) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - (ii) Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
 - c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.
4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 15. Điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi Quỹ ETF

1. Nhà đầu tư sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp nhà đầu tư bổ sung bằng tiền theo quy định và/hoặc thành viên lập quỹ, đại lý phân phối thực hiện mua danh mục chứng khoán cơ cấu cho nhà đầu tư.
2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu một (01) lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.
3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục thông qua thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư đã mở tài khoản giao dịch chứng khoán và ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký Nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư
2. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm lập sổ đăng ký nhà đầu tư và xác nhận quyền sở hữu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đối với số chứng chỉ quỹ đã đăng ký mua. Sổ đăng ký nhà đầu tư có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải ghi đúng, đầy đủ các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ (nếu có);
 - b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ, lô chứng chỉ quỹ đã bán, tổng vốn huy động được cho Quỹ;
 - c) Danh sách nhà đầu tư, thành viên lập quỹ: họ tên, số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của VSDC về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào quỹ ETF; mã số giao dịch chứng khoán (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
 - d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.
3. Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư tại VSDC. Hồ sơ đăng ký, lưu ký các lô chứng chỉ quỹ thực hiện theo hướng dẫn của VSDC. Số lượng các lô chứng chỉ quỹ được phát hành, mua lại tại ngày giao dịch tiếp theo được VSDC tự động cập nhật, đăng ký, lưu ký vào hệ thống của VSDC theo hướng dẫn của VSDC.
 4. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.
 5. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng và công ty quản lý quỹ.

Điều 17. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ ETF

1. Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - a) Sở giao dịch chứng khoán thay đổi danh mục chỉ số tham chiếu;
 - b) Tổ chức phát hành của loại chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ ETF đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt bị tạm dừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do

Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;

- c) Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
 - d) Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi do nguyên nhân bất khả kháng;
 - e) Các trường hợp khác UBCKNN xét thấy là cần thiết.
2. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của UBCKNN và phải tiếp tục thực hiện việc hoán đổi chứng chỉ quỹ ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
 3. Thời hạn tạm dừng hoán đổi chứng chỉ quỹ không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.
 4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
 5. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

Điều 18. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)

1. Giao dịch hoán đổi áp dụng cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a) Áp dụng cho Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện đã được quy định tại Điều 15 Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và cho thành viên lập quỹ;
 - b) Giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư chỉ được thực hiện thông qua thành viên lập quỹ, nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.
 - c) Tần suất giao dịch hoán đổi và thời điểm đóng số lệnh:
 - (i) Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày vào ngày làm việc (“Ngày giao dịch hoán đổi”). Trong trường hợp Ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ lễ thì công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán.
 - (ii) Công ty quản lý quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch hoán đổi và/hoặc ngày giao dịch hoán đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội nhà đầu tư thông qua

phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật, đảm bảo tần suất giao dịch hoán đổi không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

- (iii) Thời điểm đóng sổ lệnh: 14h40 của Ngày giao dịch hoán đổi (Ngày T).
- d) Đơn vị giao dịch tối thiểu là một (01) lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ, nhưng phải đảm bảo một lô chứng chỉ quỹ có không ít hơn một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng lô chứng chỉ quỹ mới sẽ được thực hiện sau ít nhất 15 ngày kể từ ngày thông tin về quy mô lô chứng chỉ quỹ mới được công bố trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ và các đại lý phân phối.
- e) Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện quy định sau:
- (i) Chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của công ty quản lý quỹ;
 - (ii) Chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng;
 - (iii) Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:
 - Đối với thành viên lập quỹ:
 - Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ tại Ngày giao dịch hoán đổi;
 - Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày giao dịch hoán đổi;
 - Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của thành viên lập quỹ.
 - Đối với nhà đầu tư:
 - Chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF có sẵn trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư tại Ngày giao dịch hoán đổi.
- f) Thành viên lập quỹ chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Phiếu lệnh phải được thành viên lập quỹ lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử, đồng thời phải đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh.
- g) Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- (i) Được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình chi tiết được quy định trong Bản cáo bạch.
 - (ii) Được VSDC xác nhận về việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu hoặc số lô chứng chỉ quỹ, ngân hàng giám sát xác nhận số tiền nhà đầu tư, thành viên lập quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán chứng chỉ quỹ ETF, số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại của thành viên lập quỹ sau khi bán không được thấp hơn số lượng tối thiểu (nếu có) để duy trì tư cách thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.
- h) Giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ và ngược lại được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và Quỹ ETF tại VSDC. Việc chuyển khoản danh mục chứng khoán cơ cấu và chứng chỉ quỹ trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, phù hợp với hướng dẫn của VSDC và ngân hàng giám sát.
- i) Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch.
2. Quy trình thực hiện giao dịch hoán đổi:
- a) Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, VSDC và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy một (01) lô chứng chỉ quỹ. Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục này. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.
 - b) Đặt lệnh giao dịch hoán đổi:
 - (i) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển trực tiếp tới thành viên lập quỹ hoặc thông qua đại lý phân phối theo quy định tại Điều lệ quỹ và hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Trường hợp thành viên lập quỹ không thể tiếp nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư do thành viên lập quỹ, đại lý phân phối bị giải thể, phá sản, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng thì lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được chuyển thẳng đến công ty quản lý quỹ.
 - (ii) Lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ được thành viên lập quỹ chuyển tới công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng hoặc VSDC trước thời điểm đóng cửa thị trường theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của VSDC.

- c) Trước thời điểm đóng sổ lệnh, nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, VSDC và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối, thành viên lập quỹ chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.
- d) Sau khi tiếp nhận lệnh của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, thông qua VSDC, ngân hàng giám sát, khả năng thực hiện được lệnh của nhà đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định tại điểm g khoản 1 Điều này, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của VSDC.
- e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi nhưng không quá ngày giao dịch chứng chỉ quỹ tiếp theo, VSDC, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ vào tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại khoản 3 Điều này; công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, ngân hàng giám sát phải hoàn tất việc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này theo yêu cầu hợp pháp của công ty quản lý quỹ.
3. Danh mục chứng khoán cơ cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trừ trường hợp:
- a) Khi hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, giá trị của danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Phần chênh lệch phát sinh được thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản tiền của Quỹ ETF mở tại ngân hàng giám sát trước hoặc tại ngày thanh toán theo quy định chi tiết tại Bán cáo bạch. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô chứng khoán cơ cấu; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng, hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật; các khoản cổ tức, trái tức và các quyền phát sinh (cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, ...) của chứng khoán cơ cấu mà Quỹ ETF không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ ETF trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi; các khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu mua thêm để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai; khoản thanh toán cho các chứng khoán cơ cấu nắm giữ để thực hiện giao dịch hoán đổi dẫn đến thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch

cổ phiếu quỹ và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định của pháp luật. Phương thức, thủ tục thanh toán bổ sung bằng tiền được quy định tại Bản cáo bạch.

- b) Khi hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu, giá trị các lô chứng chỉ quỹ ETF mà công ty quản lý quỹ tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoàn trả lại bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

Trường hợp chứng khoán cơ cấu của Quỹ ETF phát sinh quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và Quỹ ETF đã có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng do VSDC lập nhưng tại ngày thanh toán giao dịch hoán đổi, số lượng chứng khoán phát sinh từ quyền chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF, Quỹ ETF phải sử dụng hết số lượng chứng khoán cơ cấu đã có trên tài khoản lưu ký của quỹ để hoàn trả cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quỹ ETF được hoàn trả bằng tiền thay thế cho số lượng chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền nhưng chưa được phân bổ vào tài khoản lưu ký của quỹ. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thông báo cho thành viên lập quỹ, VSDC và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán về danh mục chứng khoán cơ cấu phát sinh từ quyền được thanh toán bằng tiền.

Thông tin bao gồm các mã chứng khoán cơ cấu, số tiền được thanh toán cho một chứng khoán cơ cấu. Danh mục chứng khoán cơ cấu nêu trên được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

4. Trường hợp Quỹ ETF tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật tính tại ngày chuyển quyền sở hữu cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, hoặc dẫn tới việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó thì VSDC có trách nhiệm thông báo cho công ty quản lý quỹ và yêu cầu công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

- a) Trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư này.
- b) Trường hợp chuyển hoàn danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư này.

Việc thanh toán tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại điểm a, b khoản này phụ thuộc vào tiến độ bán thành lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan.

Trong thời gian công ty quản lý quỹ thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu nêu trên, nếu có phát sinh cổ tức, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của các chứng khoán này, công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (i) Đối với cổ tức bằng tiền: thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được Quỹ thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này.
- (ii) Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: công ty quản lý quỹ sẽ thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sau khi nhận được cổ phiếu và hoàn tất việc bán các cổ phiếu này.
- (iii) Đối với quyền mua: công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện bán quyền mua trước thời hạn thực hiện quyền. Trường hợp không bán được quyền mua thì công ty quản lý quỹ sẽ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán cơ cấu có phát sinh quyền mua để thực hiện quyền với điều kiện tại ngày giao dịch đầu tiên trong thời gian đăng ký mua và nộp tiền theo thông báo của tổ chức phát hành mã chứng khoán phát sinh quyền, chứng khoán có giao dịch đồng thời giá đóng cửa lớn hơn giá thực hiện quyền; sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản của Quỹ thì công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Trường hợp thành viên lập quỹ/nhà đầu tư gửi yêu cầu từ chối thực hiện quyền thì công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện quyết toán ngay số lượng chứng khoán cơ cấu thực bán. Phần quyền mua đã được thành viên lập quỹ/nhà đầu tư từ chối thực hiện sẽ thuộc về Quỹ và do Quỹ quyết định.
- (iv) Những khoản thanh toán liên quan tới cổ tức, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm nêu trên sẽ được thực hiện sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận được tiền cổ tức hoặc tiền do thực hiện việc bán thành công các quyền mua, cổ phiếu thưởng, cổ phiếu thực hiện quyền này.

Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện tính toán và phân bổ số tiền thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên về thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán các kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch bán chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi. Tỷ lệ phân bổ sẽ phụ thuộc vào khả năng thanh toán của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán. Trường hợp Quỹ có các lệnh bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh bán hộ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được thực hiện trước lệnh bán cho Quỹ để thanh toán cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở khoản này.

- c) Trường hợp thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu theo quy định pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thì thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt mức hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Trong thời gian chưa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu

về các hạn mức theo quy định của pháp luật, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư không được thực hiện quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán (Giao dịch thứ cấp)

1. Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ quỹ ETF đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán theo nguyên tắc sau:
 - a) Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC;
 - b) Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Chứng chỉ quỹ ETF có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ quỹ ETF (bán chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (có đủ chứng khoán cơ cấu) để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của VSDC. Số chứng chỉ quỹ ETF (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước thời điểm thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (lô chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 20. Giá phát hành, Giá mua lại

1. Giá phát hành lần đầu là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư để đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Giá phát hành lần đầu bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành quy định tại Điều lệ quỹ.
2. Giá giao dịch hoán đổi là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngược lại trong giao dịch hoán đổi, trong đó:
 - a) Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là Giá phát hành) là mức giá mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ.
 - b) Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là Giá mua lại) là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại một lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Giá mua lại bằng giá trị tài sản

ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi giá dịch vụ mua lại được quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Giá dịch vụ phát hành được áp dụng khi thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng hoặc khi thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ mua lại được áp dụng khi thành viên lập quỹ, nhà đầu tư hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại được tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị giao dịch.
4. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với thành viên lập quỹ được quy định cụ thể tại hợp đồng tham gia lập quỹ và phải đảm bảo không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch. Việc điều chỉnh các mức giá dịch vụ được thực hiện theo thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và các thành viên lập quỹ và phải đảm bảo không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch).
5. Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại áp dụng đối với nhà đầu tư được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và phải đảm bảo không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức giá dịch vụ tối đa nêu trên (không vượt quá 1% giá trị giao dịch). Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 21. Chuyển nhượng phi thương mại

1. Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như tặng cho, thừa kế...) chứng chỉ quỹ ETF được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy chế của VSDC.
2. Việc tặng cho, thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng cho, thừa kế hoặc người tặng cho, thừa kế.
3. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.

Điều 22. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

Trong trường hợp Quỹ bị thua lỗ, nhà đầu tư có thể thực hiện bán lại chứng chỉ quỹ hoặc yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình theo quy định tại Điều lệ này.

CHƯƠNG IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
2. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
 - b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của Quỹ;
 - d) Quyết định các trường hợp tạm dừng giao dịch Chứng chỉ quỹ theo quy định và tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ quỹ;
 - e) Phương án phân phối lợi tức;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
 - g) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho Quỹ;
 - h) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.
3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 (bảy) ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo UBCKNN.
5. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Họp Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý

kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử.

Điều 24. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Điều lệ này.
2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.
3. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

Điều 25. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, cụ thể như sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức khác.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
3. Đại hội nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.

4. Tất cả cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của công ty quản lý quỹ.
5. Đại hội nhà đầu tư thường niên và bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản như sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ phải chuẩn bị tài liệu lấy ý kiến nhà đầu tư, bao gồm: phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội nhà đầu tư và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Tài liệu lấy ý kiến nhà đầu tư phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký nhận thông tin của từng nhà đầu tư, gửi thư điện tử (email) hoặc các hình thức điện tử khác đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.
 - b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập công ty quản lý quỹ;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư cá nhân; tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép đăng ký doanh nghiệp đối với nhà đầu tư tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cá nhân là đại diện theo ủy quyền của nhà đầu tư tổ chức;
 - (iv) Số lượng chứng chỉ quỹ và số phiếu biểu quyết của nhà đầu tư;
 - (v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - (vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vii) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về công ty quản lý quỹ;
 - (viii) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ; và
 - (ix) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của nhà đầu tư cá nhân, của cá nhân đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là tổ chức kèm theo con dấu.
 - c) Phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi về công ty quản lý quỹ theo một trong các hình thức sau: gửi trực tiếp, thư, fax, thư điện tử (đính kèm bản scan phiếu lấy ý kiến có chữ ký của nhà đầu tư), bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc các hình thức điện tử khác. Các phiếu lấy ý kiến gửi về sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về bị xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
 - d) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ;
 - (ii) Tên, trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập công ty quản lý quỹ;

- (iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (iv) Số nhà đầu tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ;
 - (v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (vi) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (vii) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ và người kiểm phiếu.
- e) Những người tham gia kiểm phiếu, Chủ tịch Ban đại diện quỹ, người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.
- f) Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.
- g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu khác của cuộc họp đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ.
- h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư.

Điều 26. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 21 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
3. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.
4. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

Điều 27. Phân đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư phân đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ

mua lại chứng chỉ quỹ của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của nhà đầu tư, số lượng chứng chỉ quỹ, lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại.

CHƯƠNG V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 28. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, được Đại hội nhà đầu tư bầu bằng hình thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Ban đại diện quỹ có từ ba (03) đến năm (05) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này). Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên; ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan.
 - b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
3. Trong Ban đại diện quỹ phải có:

- a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.
4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi thành viên Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ thông báo cho UBCKNN, gửi danh sách Ban đại diện quỹ theo mẫu quy định và hồ sơ cá nhân các thành viên mới của Ban đại diện quỹ.
 5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ cấu Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Điều 29. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b) Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.
3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
 - b) Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Điều lệ này;
 - c) Chấp thuận các giao dịch vào các tài sản được phép đầu tư theo phương thức thỏa thuận (trừ trường hợp giao dịch thực hiện trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán);

- d) Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
 - e) Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
 - f) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;
 - g) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.
2. Thành viên Ban đại diện quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều lệ quỹ;
 - b) Thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ;
 - c) Thành viên Ban đại diện quỹ tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận,

Điều 31. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- 1. Đại hội nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- 2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và pháp luật.
- 3. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- 4. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

- 1. Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
2. Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:
- a) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - c) Bị cấm đảm nhiệm chức danh thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định pháp luật hoặc theo quyết định của các cơ quan có thẩm quyền;
 - d) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ mà có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội nhà đầu tư quyết định thay thế thành viên Ban đại diện quỹ; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.
4. Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Ban đại diện quỹ bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ quỹ. Trường hợp này, Ban đại diện quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Ban đại diện quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ quỹ;
 - c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Thành viên Ban đại diện quỹ sẽ được bổ sung trong các trường hợp sau:
- a) Khi việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ dẫn đến thành viên Ban đại diện quỹ không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định của Điều lệ này;
 - b) Khi Quỹ có nhu cầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ.

Điều 33. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất một quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.

3. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.
4. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ba (03) ngày làm việc.
5. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên. Hình thức tham gia cuộc họp có thể là trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Ban đại diện quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập dự họp thông qua. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
6. Trường hợp lấy ý kiến Ban đại diện quỹ dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Ban đại diện quỹ và trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập của Quỹ thông qua. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.

Điều 34. Biên bản họp Ban đại diện quỹ

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực; Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

CHƯƠNG VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát;
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- a) Lựa chọn ngân hàng giám sát theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Điều lệ này, ký kết hợp đồng lưu ký, giám sát với ngân hàng giám sát;
- b) Được ủy quyền cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, VSDC thực hiện một hoặc một số hoạt động thuộc dịch vụ quản trị quỹ đầu tư, dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm liên quan tới việc ủy quyền và bảo đảm hoạt động ủy quyền cho các tổ chức này không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư vào Quỹ;
- c) Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d) Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- e) Ký hợp đồng thành viên lập quỹ với thành viên lập quỹ, hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với các đại lý phân phối, hợp đồng với tổ chức tạo lập thị trường (nếu có);
- f) Được hưởng các khoản phí, giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Được tham gia (nhưng không có quyền biểu quyết) tại các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;
- h) Soạn thảo, phê duyệt, chỉnh sửa, bổ sung các nội dung được quy định trong Bản cáo bạch (ngoại trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội nhà đầu tư và/hoặc Ban đại diện quỹ);
- i) Quyết định mức giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển nhượng chứng chỉ quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch;
- j) Yêu cầu thanh lý Quỹ nếu giá trị tài sản ròng của Quỹ thấp hơn mức tối thiểu quy định tại Điều lệ này hoặc quy định liên quan của pháp luật;
- k) Được quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật;
- l) Các quyền khác của công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;
- b) Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;

- c) Quản lý Quỹ theo chiến lược đầu tư và mục tiêu đầu tư được Đại hội nhà đầu tư thông qua và theo quy định của Điều lệ quỹ và của pháp luật;
- d) Công ty quản lý quỹ phải ban hành quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy trình về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại Đại hội nhà đầu tư áp dụng cho các quỹ. Trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán phải sinh để phòng ngừa rủi ro, quy trình quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải có quy định cụ thể về nguyên tắc, phương pháp sử dụng chứng khoán phải sinh để phòng ngừa rủi ro cho quỹ;

e) Khi quản lý tài sản của Quỹ, Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- (i) Ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam, lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu và lưu ký bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát.

Trường hợp đầu tư tiền gửi cho Quỹ, công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tại các tổ chức tín dụng trong danh sách được Ban đại diện quỹ phê duyệt; cung cấp đầy đủ thông tin về các hợp đồng tiền gửi, các tài khoản tiền gửi cho ngân hàng giám sát để các tổ chức này đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của Quỹ; lưu trữ bản gốc hợp đồng tiền gửi và cung cấp bản sao các hợp đồng đó theo yêu cầu của ngân hàng giám sát.

Trường hợp đầu tư vào các tài sản, chứng khoán chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch cho Quỹ, công ty quản lý quỹ phải lưu ký bản gốc hoặc bản sao hợp lệ cho các hợp đồng giao dịch, chứng từ giao dịch, hoặc bản gốc sổ đăng ký cổ đông hoặc sổ đăng ký thành viên hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư.

- (ii) Quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của khách hàng ủy thác và tài sản của các quỹ khác do công ty quản lý quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- (iii) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của Quỹ trên hệ thống tài khoản của Quỹ quản lý tại công ty, hệ thống lưu ký tài sản của Quỹ tại ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, VSDC, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của Quỹ;
- (iv) Thực hiện việc đầu tư tài sản Quỹ theo các quy định của Điều lệ này và của pháp luật;

- (v) Phân công tối thiểu 02 người điều hành quỹ để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của Quỹ. Người điều hành Quỹ phải có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Trường hợp Quỹ có đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro, người điều hành quỹ phải có thêm chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phái sinh. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành Quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- f) Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác.
- g) Khi thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:
- (i) Giá trị giao dịch chứng khoán trong một năm thông qua môi giới của một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;
 - (ii) Giá trị giao dịch chứng khoán trong năm thông qua môi giới của công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ không được vượt quá 20% tổng giá trị giao dịch chứng khoán trong năm của Quỹ;
 - (iii) Quy định tại điểm này không áp dụng cho Quỹ trong 06 (sáu) tháng hoạt động đầu tiên kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.
- h) Trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
- (i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ;
 - (ii) Lập, lưu trữ, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác Sổ đăng ký nhà đầu tư;
 - (iii) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động này phải tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.
- i) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, giao dịch tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) cho ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để ngân hàng giám sát thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu 01 (một) tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của Quỹ với ngân hàng giám sát.

- j) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản của Quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ thì công ty quản lý quỹ phải hủy bỏ giao dịch hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục lại danh mục cho Quỹ. Công ty quản lý quỹ phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, toàn bộ khoản lợi nhuận phải hạch toán cho Quỹ.
- k) Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho Quỹ, nhà đầu tư của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- l) Công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ nếu xét là cần thiết hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho Quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều này.
- m) Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định về phòng chống rửa tiền theo quy định pháp luật hiện hành. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền.
- n) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan. Khi thực hiện nhận biết khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối được quyết định gặp mặt trực tiếp hoặc không gặp mặt trực tiếp khách hàng.
- (i) Trường hợp không gặp mặt trực tiếp khách hàng, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải đảm bảo có các biện pháp, hình thức, công nghệ để nhận biết, thu thập đầy đủ thông tin khách hàng và xác minh chính xác khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật có liên quan về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng.
- (ii) Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối phải lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu nhận biết khách hàng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, pháp luật về phòng chống rửa tiền và quy định pháp luật có liên quan. Các thông tin nhận biết khách hàng phải được lưu trữ dự phòng, bảo mật và cung cấp theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- (iii) Trước khi triển khai hoạt động nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối thông qua công ty quản lý quỹ phải thông báo tới UBCKNN. Trong trường hợp cần thiết, UBCKNN yêu

câu công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối tạm dừng hoặc chấm dứt việc thực hiện nhận biết khách hàng bằng phương pháp không gặp mặt trực tiếp.

- o) Công ty quản lý quỹ khi sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, về quản lý ngoại hối và các quy định pháp luật có liên quan khác. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài chỉ được thực hiện nếu Điều lệ quỹ có điều khoản cho phép thực hiện.
- p) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch chứng chỉ quỹ và các thông tin khác liên quan, ngoại trừ trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu của UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- q) Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm:
 - (i) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và bảo mật, bảo đảm các bộ phận của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - (ii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa các hoạt động nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa hoạt động quản lý tài sản ủy thác; hoạt động nghiên cứu, phân tích đầu tư; thực hiện đầu tư; hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ;
 - (iii) Tách biệt về cơ sở vật chất, nhân sự, cơ sở dữ liệu giữa hoạt động đầu tư tài chính của công ty với các hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
- r) Khi cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ quỹ phải tuân thủ quy định pháp luật về giao dịch điện tử.
- s) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
 - b) Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán;
 - d) Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;
 - e) Quỹ hết thời gian hoạt động;

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này.
3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ, công ty quản lý quỹ thay thế có trách nhiệm đề nghị UBCKNN điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ liên quan đến việc thay đổi công ty quản lý quỹ.
4. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản của Quỹ, quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ.
5. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc bàn giao, công ty quản lý quỹ thay thế gửi UBCKNN biên bản bàn giao trách nhiệm và tài sản giữa hai công ty quản lý quỹ. Biên bản phải được Ban đại diện quỹ và ngân hàng giám sát xác nhận.
6. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ nợ, tài sản đối với Quỹ mà chưa bàn giao đầy đủ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ bị thay thế chịu trách nhiệm giải quyết và khắc phục những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn tất việc bàn giao tài sản cho công ty quản lý quỹ thay thế theo quy định tại khoản này.
7. Quỹ chịu toàn bộ chi phí liên quan tới việc thay thế công ty quản lý quỹ trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Trong trường hợp đó, Quỹ sẽ phải trả cho công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế công ty quản lý quỹ
3,0%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Giá trị tài sản ròng được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho công ty quản lý quỹ là giá trị tài sản ròng bình quân của Quỹ trong 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ.

Điều 38. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không

được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại ngân hàng này và ngược lại.

2. Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ như một nhà đầu tư thông thường theo các quy định của Điều lệ này và của pháp luật.
3. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản của Quỹ theo nguyên tắc sau:
 - a) Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;
 - b) Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban đại diện quỹ. Văn bản chấp thuận của Ban đại diện quỹ phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ được quy định trong Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ.
6. Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - c) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ trừ trường hợp sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu của chỉ số tham chiếu; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ;
 - d) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức

tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định pháp luật;

- e) Chỉ sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán với mục đích phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ. Việc đầu tư tài sản của Quỹ vào chứng khoán phái sinh phải tuân thủ quy định của pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán.
- 7. Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.
- 8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 39. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- 1. Ngân hàng giám sát là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do UBCKNN cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng.
- 2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
- 3. Ngân hàng giám sát, thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- 4. Ngân hàng giám sát, thành viên hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ.
- 5. Có đầy đủ năng lực và đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm; và
- 6. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

- 1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát
 - a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
 - b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;

- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
 - e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
 - f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
 - g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ hàng ngày phù hợp với các quy định pháp luật và điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của quỹ là chính xác;
 - h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
 - i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của quỹ với công ty quản lý quỹ;
 - j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
 - k) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
 - l) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng giám sát.
2. Quyền của ngân hàng giám sát
- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội nhà đầu tư và của Ban đại diện quỹ;
 - c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ và hợp đồng giám sát.

Điều 41. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của công ty quản lý quỹ có liên quan tới quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:
 - a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm

tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

- b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho UBCKNN và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;
 - c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;
 - e) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn luật chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;
 - f) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.
2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 (mười) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
 3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.
 4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.
 5. Trường hợp công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư, ngân hàng giám sát phải phối hợp với công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức

độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 42. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập, bị chia, bị tách;
 - d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư của quỹ;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 43. Các hoạt động được ủy quyền

1. Công ty quản lý quỹ được thuê tổ chức cung cấp dịch vụ bên ngoài thực hiện các dịch vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định trong Điều lệ này và quy định liên quan của Pháp luật.
2. Các hoạt động được ủy quyền của Công ty quản lý quỹ bao gồm:
 - a) Hoạt động đại lý chuyển nhượng;
 - b) Hoạt động quản trị quỹ đầu tư; và
 - c) Các hoạt động khác (khi phát sinh).
3. Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty quản lý quỹ và các bên cung cấp dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện các dịch vụ này theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này.

Điều 44. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp

Tổ chức được công ty quản lý quỹ lựa chọn để cung cấp dịch vụ liên quan phải là các tổ chức được pháp luật cho phép về lĩnh vực thực hiện. Đồng thời, các tổ chức này phải tổ chức hệ thống cơ sở lưu trữ, xử lý dữ liệu đầy đủ. Hệ thống nhân sự phải có kinh nghiệm, được huấn luyện cập nhật thường xuyên và hoạt động chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo

Giữa các bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền phải có quy trình nghiệp vụ lẫn nhau và phải đưa ra hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo đầy đủ, rõ ràng, theo luật định. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

Điều 45. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

- a) Hoạt động ủy quyền phải tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ này; và
- b) Các hoạt động ủy quyền phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa Công ty quản lý quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng ủy quyền phải ghi rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các bên.

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

- a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ:

- (i) Ghi nhận kế toán các giao dịch của quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- (ii) Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- (iii) Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
- (iv) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

- b) Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- (i) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;
- (ii) Ghi nhận các lệnh hoán đổi danh mục, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư; thành viên lập quỹ, chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư;
- (iii) Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; thành viên lập quỹ;
- (iv) Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- (v) Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;
- (vi) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

Điều 46. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ.
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải đánh giá và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối phải đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật liên quan.
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
5. Xây dựng các quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.
7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.

8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chi thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

Điều 47. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được công ty quản lý quỹ ủy quyền đối với quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b) Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
 - c) Theo đề nghị của công ty quản lý quỹ;
 - d) Theo đề nghị của đại hội nhà đầu tư;
 - e) Quỹ bị giải thể;
 - f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của đại hội nhà đầu tư;
 - g) Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - h) Tổ chức nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất công việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với quỹ cho tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với công ty quản lý quỹ. Tổ chức nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai tổ chức có xác nhận của công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG IX. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 48. Điều kiện lựa chọn thành viên lập quỹ

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng thành viên lập quỹ với công ty quản lý quỹ.
2. Trong thời hạn 12 tháng gần nhất trước thời điểm công ty quản lý quỹ nộp hồ sơ đăng ký thành lập quỹ cho UBCKNN, duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt hai trăm hai mươi phần trăm (220%). Ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
3. Luôn đảm bảo được số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ đã ký với công ty quản lý quỹ.
4. Đáp ứng các điều kiện khác quy định tại hợp đồng thành viên lập quỹ.

Điều 49. Quyền và trách nhiệm của thành viên lập quỹ

1. Quyền của thành viên lập quỹ:

- a) Được cung cấp dịch vụ môi giới cho nhà đầu tư trong hoạt động hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật hiện hành.
- b) Được thực hiện các giao dịch tự doanh với quỹ, thông qua công ty quản lý quỹ, theo cơ chế hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ lấy các lô chứng chỉ quỹ và ngược lại.
- c) Được vay chứng khoán cơ cấu để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ; hoặc vay các lô chứng chỉ quỹ để hoán đổi lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động vay các chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ này phải được thực hiện trên hệ thống vay và cho vay chứng khoán và theo hướng dẫn của vsdc.
- d) Được thực hiện các giao dịch chứng chỉ quỹ, chứng khoán cơ cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm thanh toán giao dịch theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của thành viên lập quỹ

- a) Nhận lệnh giao dịch hoán đổi (trực tiếp từ nhà đầu tư hoặc gián tiếp thông qua đại lý phân phối) và chuyển lệnh giao dịch hoán đổi của từng nhà đầu tư tới công ty quản lý quỹ, VSDC, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với thành viên lập quỹ là công ty chứng khoán.
- b) Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các nhà đầu tư. Lệnh giao dịch của nhà đầu tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính thành viên lập quỹ. Trong giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ, thành viên lập quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ, không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư.
- c) Bảo đảm nhà đầu tư có đầy đủ tiền, chứng khoán ký quỹ để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật.
- d) Quản lý tách biệt tài sản của nhà đầu tư trên tài khoản của từng nhà đầu tư, độc lập với tài sản của thành viên lập quỹ. Không được sử dụng tài sản của nhà đầu tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư; không được nhận ủy quyền của nhà đầu tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các nhà đầu tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của nhà đầu tư.
- e) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về chứng chỉ quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ.
- f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán, VSDC, tổ

chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này.

- g) Trường hợp thành viên lập quỹ đồng thời là đại lý phân phối, tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của đại lý phân phối theo các quy định về thành lập và quản lý quỹ mở do Bộ Tài chính ban hành.
- h) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Bản cáo bạch và hợp đồng lập quỹ với công ty quản lý quỹ.

Điều 50. Tổ chức tạo lập thị trường

- 1. Là thành viên lập quỹ được công ty quản lý quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho quỹ. Công ty quản lý quỹ có thể chỉ định một hoặc một số thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường cho quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.
- 2. Tổ chức tạo lập thị trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán chứng chỉ quỹ; có trách nhiệm mua, bán chứng chỉ quỹ theo mức giá yết tại các ngày giao dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động tổ chức tạo lập thị trường do Sở giao dịch chứng khoán xây dựng và ban hành.

CHƯƠNG X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 51. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

- 1. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối:
 - a) Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ và thành viên lập quỹ;
 - b) Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ đáp ứng quy định pháp luật;
 - c) Có quy trình nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhập thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
- 2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đánh giá cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Quỹ. Trường hợp đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, báo cáo đánh giá cơ sở vật chất phải liệt kê đầy đủ chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử thực hiện phân phối và các nội dung đánh giá các đại lý phân phối này đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về việc phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng. Báo cáo đánh giá cơ sở vật

chất của đại lý phân phối, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở công ty quản lý quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

Điều 52. Hoạt động của đại lý phân phối

1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố.
2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới thành viên lập quỹ và vsdc một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư; đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán; đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
3. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ đăng ký nhà đầu tư, xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật.
4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về chứng chỉ quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ.
5. Hỗ trợ công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư.
6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Cung cấp các thông tin này cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

Điều 53. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối chứng chỉ quỹ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.

2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán chứng chỉ quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, các báo cáo mới nhất về hoạt động của quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ quỹ và bản cáo bạch đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của quỹ, chiến lược đầu tư của quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, giá dịch vụ và các chi phí khác, cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, để gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dãi hay mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của chứng chỉ quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ hoán đổi danh mục khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không sử dụng lợi ích tài chính để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối chỉ được tặng quà bằng hiện vật không phải bằng tiền, giá trị quà tặng tối đa không quá 01 triệu đồng cho mỗi nhà đầu tư trong chương trình khuyến mại. Đại lý phân phối phải đảm bảo việc tặng quà bằng hiện vật không mang tính chất mời chào, xúi giục, lôi kéo nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ. Đại lý phân phối không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ công ty quản lý quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ, ngoài các mức phí đã được công bố tại các Bản cáo bạch và tại các hợp đồng đại lý phân phối ký với công ty quản lý quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối chứng chỉ quỹ tại các địa điểm phân phối và trên không gian mạng thông qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử khi chưa thông báo với UBCKNN.
8. Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của công ty quản lý quỹ.
9. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ, chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử và nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ khi phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

10. Phương tiện để đại lý phân phối thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng là chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử.
11. Khi thực hiện phân phối chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư trên môi trường mạng, đại lý phân phối phải đảm bảo:
- a) Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán;
 - b) Có các biện pháp, hình thức, công nghệ đảm bảo an toàn thông tin và tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về cung cấp thông tin trên môi trường mạng theo quy định của Luật Giao dịch điện tử, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Chứng khoán, Luật Phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật có liên quan; đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục và thông suốt;
 - c) Lưu trữ, theo dõi lưu vết các giao dịch, các thay đổi liên quan đến giao dịch và thông tin khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn, không bị can thiệp của hệ thống;
 - d) Ban hành, cập nhật các quy trình nghiệp vụ về phân phối chứng chỉ quỹ trên môi trường mạng, bao gồm quy trình thẩm định thông tin, nhận biết nhà đầu tư, quy trình phân phối chứng chỉ quỹ, quy trình ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn của nhà đầu tư, bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với nhân viên phân phối chứng chỉ quỹ;
 - e) Đảm bảo nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, đặt lệnh trực tiếp qua chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử của chính đại lý phân phối;
 - f) Tuân thủ hoạt động phân phối theo quy định của pháp luật liên quan;
 - g) Giao diện của chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải được thiết kế để đảm bảo cung cấp các thông tin quy định cho nhà đầu tư. Các thông tin, tài liệu cung cấp cho nhà đầu tư trên chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.
 - h) Đảm bảo nhà đầu tư xác nhận về việc đã đọc, hiểu Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, các tài liệu liên quan đến hoạt động của quỹ và đảm bảo nhà đầu tư được thông báo về Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch được sửa đổi, bổ sung; đảm bảo nhà đầu tư xác nhận đã đọc và đồng ý với các điều khoản giao dịch trên môi trường mạng, nhận biết được các rủi ro có thể phát sinh khi giao dịch trên môi trường mạng khi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ.
12. Công ty quản lý quỹ phải cập nhật Bản cáo bạch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình danh sách đại lý phân phối và chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối và khi có bất kỳ thay đổi nào đối với danh sách đại lý phân phối hoặc chương trình, ứng dụng, trang thông tin điện tử (nếu có) của các đại lý phân phối.

CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

1. Hằng năm công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của quỹ.

2. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ tài chính cấp;
 - b) Được UBCKNN cho phép thực hiện kiểm toán các quỹ đầu tư chứng khoán;
 - c) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho quỹ; và
 - d) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Điều 55. Năm tài chính

1. Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của quỹ sẽ được tính từ ngày quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
2. Trường hợp thời gian từ ngày quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 56. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 57. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên và kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện quỹ và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ để các nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 58. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của quỹ.

CHƯƠNG XII. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 59. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ hàng ngày theo nguyên tắc được quy định tại Điều 61 Điều lệ này và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
3. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối soát, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giá trị tài sản ròng của quỹ giảm xuống thấp hơn ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục.
5. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ so với chỉ số tham chiếu của quỹ ETF không được lớn hơn mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán.

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của 1 lô chứng chỉ quỹ (NAV/CU) và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{\left(\frac{NAV}{CU}\right)^i}{(NAV/CU)^{i-1}} \right] - \ln \left(\frac{\text{Chỉ số tham chiếu } i}{\text{Chỉ số tham chiếu } i-1} \right)$$

$$\bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i$$

n là số tuần trong 06 tháng kể từ tuần thứ i trở về trước ($n=26$).

Trường hợp thời gian hoạt động của quỹ chưa tới 06 tháng, n là số tuần, kể từ tuần Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

6. Trường hợp mức sai lệch nêu trên vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm báo cáo UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán đồng thời công bố thông tin theo quy định trong thời hạn 24 giờ ngay sau khi phát sinh sự việc. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày phát sinh mức sai lệch vượt

quá, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm mức sai lệch không vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa.

Điều 60. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

1. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp báo giá:
 - a) Là công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, các hệ thống báo giá thành lập và hoạt động phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam;
 - b) Có hệ thống báo giá cổ phiếu và trái phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch;
 - c) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
2. Công ty quản lý quỹ đề xuất tối thiểu ba (03) tổ chức cung cấp báo giá để trình Ban đại diện quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho quỹ.
3. Tổ chức cung cấp báo giá được thay đổi theo một trong các trường hợp sau:
 - a) Hết thời hạn hợp đồng giữa tổ chức cung cấp báo giá và công ty quản lý quỹ;
 - b) Công ty quản lý quỹ đơn phương chấm dứt hợp đồng do tổ chức cung cấp báo giá vi phạm nghĩa vụ hợp đồng;
 - c) Tổ chức cung cấp báo giá không còn khả năng cung cấp dịch vụ báo giá hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền rút hoặc đình chỉ giấy phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
 - d) Tổ chức cung cấp báo giá đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng;
 - e) Tổ chức cung cấp báo giá trở thành người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.
4. Việc thay đổi tổ chức cung cấp báo giá do Ban đại diện quỹ quyết định. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo cho ngân hàng giám sát ngay khi có bất kỳ sự thay đổi về tổ chức cung cấp báo giá.

Điều 61. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Ngày định giá

Ngày định giá là ngày làm việc (của kỳ định giá ngày), ngày thứ Sáu hàng tuần (của kỳ định giá tuần) và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (của kỳ định giá hàng tháng). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ, ngày làm bù theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà vào ngày đó Sở giao dịch chứng khoán không tổ chức giao dịch chứng khoán thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó, ngoại trừ kỳ định giá tháng thì vẫn là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo. Trong trường hợp có sự thay đổi về ngày định giá, công ty quản lý quỹ sẽ xin ý kiến Ban đại diện quỹ và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty.

2. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

- a) Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng giá trị tài sản của quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị

hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và được làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại sổ tay định giá.

- b) Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm tối thiểu những nội dung sau:
- (i) Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá. Các tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - (ii) Nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá tài sản của quỹ. Các nguyên tắc, quy trình thực hiện và các phương pháp định giá phải rõ ràng, hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, có thể áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
- c) Sổ tay định giá, danh sách tối thiểu 03 tổ chức cung cấp báo giá không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt và cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.
3. Quy trình xác định giá trị tài sản ròng của quỹ
- a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát được ủy quyền xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ hàng ngày theo nguyên tắc được quy định tại khoản 2 Điều này.
 - b) Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
 - c) Ngay sau khi được ngân hàng giám sát xác nhận, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, Sổ giao dịch chứng khoán. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.
 - d) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

f) Công ty quản lý quỹ hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu được công ty quản lý quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. iNAV chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. iNAV được cập nhật tối thiểu mười lăm giây (15s) một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao dịch chứng khoán.

4. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

a) Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, quy định nội bộ tại sổ tay định giá hoặc được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản.

b) Giá trị tài sản được xác định theo phương pháp sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
6	Trái phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<p>- Giá yết bình quân (giá sạch) trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế.</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá trái phiếu có biến động bất thường (*), là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua (giá sạch) cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. <p><i>Ghi chú:</i></p> <p>(*) Giá trái phiếu (giá sạch) có biến động bất thường là giá thị trường có biến động tăng hoặc giảm lớn hơn 1% so với giá trái phiếu của kỳ định giá gần nhất hoặc so với giá mua (giá sạch) nếu không có giá của kỳ định giá gần nhất.</p> <p>- Trường hợp trái phiếu bị hủy niêm yết để chờ đảo hạn hoặc không còn đủ điều kiện niêm yết thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>
7	Trái phiếu không niêm yết	<p>- Giá yết bình quân (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</p> <p>- Trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8	Trái phiếu chuyển từ chưa niêm yết thành niêm yết, dẫn tới chênh lệch giá trước niêm yết với giá ngày giao dịch đầu tiên quá lớn	<p>- Giá sạch theo giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trên sàn. Trường hợp có biến động lớn (đối với trái phiếu doanh nghiệp là 3%, trái phiếu chính phủ là 2%), lấy theo giá mua.</p> <p>- Phần chênh lệch đưa vào lãi/lỗ do đánh giá lại.</p>
Cổ phiếu		

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
9	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua (giá cost); + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu đã được chấp thuận niêm yết nhưng chưa có giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá của kỳ giao dịch gần nhất (không quá 30 ngày); - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom, cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá (trong vòng 30 ngày). - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 30 ngày tính đến ngày định giá, lấy giá trị thấp nhất giữa giá mua và giá tại kỳ định giá gần nhất trước ngày định giá. - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
13	Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		ưu tiên sau: + Giá đóng cửa trước khi ngừng giao dịch; + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
15	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của UBCKNN hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty quản lý quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá; + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
17	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
18	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
	Sở giao dịch chứng khoán	thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; - Giá mua; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
19	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được VSDC cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được VSDC công bố trên trang thông tin điện tử của VSDC tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
20	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
21	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
22	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền.
23	Quyền mua trái phiếu chuyển đổi	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
24	Các tài sản được phép đầu tư khác	<p>Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</p> <p>Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.</p>

Ghi chú:

- (i) Tổng tài sản nợ, có được xác định theo các nguyên tắc được quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
 - (ii) Lãi lũy kế là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
 - (iii) Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
 - (iv) Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
 - (v) Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters, Bloomberg, VNBF...) để tham khảo.
 - (vi) Ngày được hiểu là ngày dương lịch.
- c) Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh
- (i) Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
 - (ii) Khi tính giá trị cam kết, PHFM được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x giá thị trường hiện tại của cổ phiếu x hệ số delta ² .

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x mệnh giá x giá thị trường hiện tại của trái phiếu x hệ số delta.
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị tính trên một điểm chỉ số x mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao.
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

1. Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).
2. Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
3. Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

CHƯƠNG XIII. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 62. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm:

- a) Cổ tức;
- b) Lãi trái phiếu;
- c) Lãi tiền gửi;
- d) Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ;
- e) Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản hoặc các hoạt động của Quỹ.

Điều 63. Phân chia lợi nhuận của Quỹ

1. Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua.

2. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, công ty quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.
3. Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - a) Lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.
 - b) Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
 - c) Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.
 - d) Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
4. Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do nhà đầu tư chịu.
5. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.

Điều 64. Các giá dịch vụ, phí do Quỹ trả

1. Giá dịch vụ quản lý quỹ
 - a) Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF PHFM VNSHINE. Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF PHFM VNSHINE là 0,75% NAV/năm (không bao gồm giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan theo ủy quyền của công ty quản lý quỹ).
 - b) Số tiền Giá dịch vụ quản lý quỹ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
 - c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ (%) Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm đang được áp dụng trong kỳ tính Giá dịch vụ x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
2. Giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký
 - a) Giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát được trả cho ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản quỹ và giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ

lưu ký, giá dịch vụ giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- Giá dịch vụ lưu ký là: 0,05% NAV/năm

Giá dịch vụ lưu ký tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng

- Giá dịch vụ giám sát là: 0,02% NAV/năm

Giá dịch vụ giám sát tối thiểu: 5.000.000 đồng/tháng

- b) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- c) Công thức tính Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (chưa bao gồm giá dịch vụ giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, Giá dịch vụ giám sát (năm) x NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

- a) Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.

- b) Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính như sau:

- Giá dịch vụ quản trị quỹ là: 0,03% NAV/năm

Giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu: 15.000.000 đồng/tháng

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

- c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

- d) Công thức tính Giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa [Giá dịch vụ tối thiểu hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày trong tháng] và [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)].

4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- a) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

- b) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là: 10.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt và trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

c) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

d) Công thức tính Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho kỳ định giá = Mức giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng hàng tháng x Số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / Số ngày thực tế của tháng.

5. Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

a) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch chứng khoán quản lý và vận hành chỉ số VNINDEX.

b) Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được tính theo tỷ lệ quy định tại bảng dưới đây:

Tiền dịch vụ tối thiểu/năm	Tiền dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)				
	(VND)	Dưới 500 tỉ đồng	Từ 500 đến dưới 1000 tỉ đồng	Từ 1000 đến dưới 2000 tỉ đồng	Từ 2000 tỉ đồng trở lên
240.000.000		0,080	0,065	0,055	0,040

Kể từ ngày hiệu lực của hợp đồng ký giữa công ty quản lý quỹ và Sở giao dịch chứng khoán cho đến ngày liền kề trước ngày giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán, giá dịch vụ được tính theo tỷ lệ dựa trên mức giá dịch vụ tối thiểu.

Kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên Sở giao dịch chứng khoán của Quỹ ETF, giá dịch vụ được tính theo mức giá dịch vụ cơ bản.

c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).

d) Mức giá áp dụng, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức quản lý và vận hành Chỉ số tham chiếu.

e) Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

a) Giá dịch vụ tính iNAV là: 0,05% NAV/năm, tính cộng dồn trên Giá trị tài sản ròng hàng ngày của Quỹ, tối thiểu 50.000.000 đồng/năm (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

- b) Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c) Công thức tính Giá dịch vụ tính iNAV vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:
 Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính iNAV cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính iNAV (năm) x NAV tại ngày trước Ngày định giá x Số ngày theo lịch thực tế của kỳ định giá / Số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366).
- d) Mức giá dịch vụ, thời gian áp dụng và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ.

7. Các loại chi phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- a) Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác;
- b) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- c) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác;
- d) Chi phí trả cho thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường theo các hợp đồng đã ký;
- e) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
- f) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- g) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
- h) Thù lao cho Ban đại diện quỹ,
- i) Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện quỹ quyết định;
- j) Chi phí bảo hiểm (nếu có);
- k) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- l) Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật;
- m) Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 65. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản phí, chi phí sau thuế sau:

- a) Giá dịch vụ quản lý tài sản trả cho Công ty quản lý quỹ và giá dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công ty quản lý quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF;
- b) Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ, Giá dịch vụ giám sát trả cho Ngân hàng giám sát;

- c) Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chi số tham chiếu;
 - d) Giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ (iNAV, TE,...);
 - e) Chi phí trả cho Thành viên lập quỹ, Tổ chức tạo lập thị trường;
 - f) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
 - g) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ;
 - h) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ;
 - i) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động Quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được Ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong kỳ} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ}}$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Trong đó, Giá trị tài sản ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các Ngày định giá trong kỳ đó chia cho số Ngày định giá Chứng chỉ quỹ trong cùng kỳ.

CHƯƠNG XIV. TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 66. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 67. Giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau:

- a) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- b) Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà Công ty quản lý quỹ không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng 02 (hai) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
- c) Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- d) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới 10 (mười) tỷ đồng liên tục trong 06 (sáu) tháng;
- e) Quỹ hủy niêm yết;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ (trong trường hợp không có Công ty quản lý quỹ) triệu tập Đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể Quỹ.

3. Đại hội nhà đầu tư có quyền chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát toàn bộ hoạt động thanh lý, định giá, thẩm định lại việc định giá và phân phối tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư; hoặc duy trì hoạt động của Ban đại diện quỹ đương nhiệm để thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.

4. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm hoàn tất việc thanh lý tài sản quỹ và phân chia tài sản quỹ cho Nhà đầu tư theo phương án đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua.

5. Đại hội nhà đầu tư thống nhất ngày giải thể quỹ. Trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư có quyết định khác, kể từ ngày giải thể Quỹ, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát không được:

- a) Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch của các tài sản cho Quỹ;
- b) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
- c) Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
- d) Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
- e) Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

6. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

- a) Tài sản và quyền về tài sản mà Quỹ có tại thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà Quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể;
 - c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.
7. Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát có trách nhiệm chuyển giao danh mục chứng khoán cơ cấu cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 8 Điều này.
 8. Tài sản từ việc thanh lý quỹ được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau đây:
 - a) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.
 - b) Các khoản phải trả cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các khoản phải trả khác và chi phí giải thể Quỹ. Trong trường hợp Quỹ buộc phải giải thể theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, Quỹ không phải thanh toán cho Công ty quản lý quỹ hoặc Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ, phí theo hợp đồng kể từ ngày phát sinh sự kiện.
 - c) Phần tài sản còn lại được dùng để thanh toán cho Nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Nhà đầu tư trong Quỹ. Trường hợp là các tài sản đăng ký sở hữu, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát có trách nhiệm yêu cầu VSDC, tổ chức quản lý sổ cổ đông, tổ chức phát hành thực hiện việc chuyển khoản, đăng ký sở hữu tài sản cho Nhà đầu tư.
 9. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát (nếu có) và Công ty quản lý quỹ, được thông qua bởi tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
 10. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công ty quản lý quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà đầu tư Giá trị tài sản ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.
 11. Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.
 12. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi có văn bản chấp thuận việc giải thể Quỹ của UBCKNN, Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục hủy niêm yết, hủy đăng ký Chứng chỉ quỹ.

CHƯƠNG XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 68. Kiểm soát xung đột lợi ích

1. Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư ủy thác của Công ty quản lý quỹ, kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ:
 - a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - b) Tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty quản lý quỹ, của các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác;
 - c) Tuân thủ các quy định khác tại Điều lệ này và Pháp luật.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 69. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính đã kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà đầu tư (nếu có yêu cầu).
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao nhận trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.
5. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin về hoạt động của quỹ theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 70. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo UBCKNN.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động Quỹ.

Điều 71. Đăng ký Điều lệ và điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 16 Chương, 71 Điều và 03 Phụ lục, đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua và có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ ETF PHFM VNSHINE.
2. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật, người đại diện hợp pháp của Công ty quản lý quỹ.
3. Điều lệ quỹ được lập thành 04 (bốn) bản chính bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
 - 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - 02 (hai) bản lưu tại văn phòng Công ty quản lý quỹ;
 - 01 (một) bản lưu tại văn phòng Ngân hàng giám sát.
4. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục theo quy định của pháp luật.

Các phụ lục đính kèm:

Phụ lục 1: Cam kết của công ty quản lý quỹ.

Phụ lục 2: Cam kết của ngân hàng giám sát.

Phụ lục 3: Cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

LU, HUI-HUNG

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HUNG

Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007 và các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm.

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ETF PHFM VNSHINE:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ đăng ký Nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ; giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính Công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của Ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các Nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh

hướng đến quyền lợi Nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của Quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

LU, HUI-HUNG

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA**

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm).

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng giám sát, tài sản của Công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty quản lý quỹ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2007

Ngân hàng giám sát: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH NAM KỲ KHỞI NGHĨA

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số: 106/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp lần đầu ngày 14/05/2003 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
PHÚ HƯNG**

LU, HUI-HUNG
Tổng Giám đốc